

AN LẠC

Số 1

TIẾNG NÓI CỦA GIỚI TĂNG - SINH

Tòa soạn : Chùa Quán-Thế-Âm, 68 Nguyễn-Huệ PHÚ-NHUẬN

Điện thoại : 21.503

QUẢN NHIỆM

Đại-Đức THÍCH-THÔNG-BỬU



NĂM YÊU TỔ HÒA BÌNH của PHẬT GIÁO

Thượng-tọa Thích-Thiện-Hoa

TINH THẦN PHẬT GIÁO

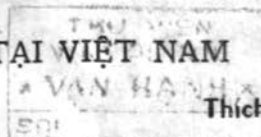
TRONG THÈ GIỚI NGÀY NAY

Thiếu-Sơn

VĂN ĐỀ KINH TÈ VIỆT NAM

Nguyễn-bình-Tuyên

NGƯỜI MỸ TẠI VIỆT NAM



Thích-Thông-Bửu

AN LẠC

Tiếng nói của giới tăng sinh

MỤC LỤC

Tiếng nói của AN LẠC tạp chí
Năm yếu tố hòa bình của Phật-Giáo
Tinh thần Phật-Giáo trong thế-giới
ngày nay

Vấn đề Kinh tế Việt Nam

Ca dao Việt Nam

Người Mỹ

Hồn thơ trong màu mắt quê hương

Rắn nói tiếng người

Tiếng đồng nội (truyện ngắn)

Phật giáo với chính trị

Vượt miền sỏi đá (thơ)

Nữ đầu, lại một năm qua

Đêm thị trấn, (truyện ngắn)

Cho nhau (thơ)

Duy thức học

Hương đông phương

Luyện quê

Người diên trong thành phố

Diễn đàn tăng sinh

Văn chương Nhật Bản

Những chiếc lá vàng trong mùa
tranh đấu

Mái chùa hồn dân tộc

Vương kiếm đá bao

Tình hình Phật giáo trong tháng 7
vừa qua

AN-LẠC

Thích-Thiện-Hoa

Thiếu-Sơn

Nguyễn bình Tuyên

Người Thức

Đại đức Thích thông Bửu

Thùy dương Tử

Thông Bửu

Trần tuần Kiệt

Nguyễn đặng Thục

Phương Đài

Tế Nhị — Đan Quế

Mãn Hường

Thùy dương Tử

T.T Thích thiện Hoa

Song Thu

Trần, thượng Hiền

Hứa đình Anh

An Lạc

Nguyễn thanh Liêm

Thùy hồng Phong

Thích minh Châu

Lão sơn Nhân

An Lạc



TIẾNG NÓI

của

AN - LẠC TẬP - CHÍ

AN LẠC tạp chí ra đời giữa lúc binh đao, máu lửa và nước mắt : Có người khuyên chúng tôi đừng nên lấy tên An Lạc, vì trong lúc này người ta chết chóc khổ đau ngập trời mà An Lạc cái gì ?

Nhưng đây không phải là ngẫu nhiên, mà là sự dụng ý của một số Tăng sinh đã nhất quyết, nguyện đắp cho bằng được một con đường theo bản đồ AN LẠC, hiện tại và tương lai.

Chúng tôi nghĩ rằng : Dù bị thiếu thốn về mọi phương diện, dù bị chèn ép Kiềm hãm trong mọi lãnh vực, dù bị vật chất dày vò hoặc cám dỗ về mọi địa hạt ; nhưng không vì thế mà hai chữ **SỰ THẬT** và hai chữ **TÌNH THƯƠNG** bị tắt hẳn nơi tâm hồn của một dân tộc nói riêng, của loài người nói chung. Mà hễ yếu tố **TÌNH THƯƠNG** và **SỰ THẬT** còn là **AN LẠC** còn. Hơn nữa : «Thức ăn chỉ cần cho những lúc cần ăn, đèn chỉ cần khêu ở nơi thiếu ánh sáng ; thì An-Lạc lại cần cho những tâm hồn thiếu An lạc ».

MỤC LỤC

Tiếng nói của AN LẠC tạp chí
Năm yếu tố hòa bình của Phật-Giáo
Tinh thần Phật-Giáo trong thế giới
ngày nay

Vấn đề Kinh tế Việt Nam
Ca dao Việt Nam
Người Mỹ
Hồn thơ trong màu mắt quê hương
Rắn nói tiếng người
Tiếng đồng nội (truyện ngắn)
Phật giáo với chính trị
Vượt miền sỏi đá (thơ)
Nề đâu, lại một năm qua
Đêm thị trấn, (truyện ngắn)
Cho nhau (thơ)
Duy thức học
Hương đồng phương
Luyện quê
Người diên trong thành phố
Diễn đàn tăng sinh
Văn chương Nhật Bản
Những chiếc lá vàng trong mùa
tranh đấu
Mái chùa hồn dân tộc
Vương kiếm đá bao
Tình hình Phật giáo trong tháng 7
vừa qua

AN-LAC

Thích-Thiện-Hoa

Thiếu-Sơn

Nguyễn bình Tuyên

Người Thức

Đại đức Thích thông Bửu

Thùy dương Tử

Thông Bửu

Trần tuần Kiệt

Nguyễn đăng Thục

Phương Đại

Tế Nhị — Đan Quế

Mẫn Hương

Thùy dương Tử

T.T Thích thiện Hoa

Song Thu

Trần, thượng Hiền

Hứa đình Anh

An Lạc

Nguyễn thanh Liêm

Thùy hồng Phong

Thích minh Châu

Lão sơn Nhân

An Lạc



TIẾNG NÓI

của

AN - LẠC TẠP - CHÍ

AN LẠC tạp chí ra đời giữa lúc binh đao, máu lửa và nước mắt: Có người khuyên chúng tôi đừng nên lấy tên An Lạc, vì trong lúc này người ta chết chóc khổ đau ngập trời mà An Lạc cái gì?

Nhưng đây không phải là ngẫu nhiên, mà là sự dụng ý của một số Tăng sinh đã nhất quyết, nguyện đắp cho bằng được một con đường theo bản đồ AN LẠC, hiện tại và tương lai.

Chúng tôi nghĩ rằng: Dù bị thiếu thốn về mọi phương diện, dù bị chèn ép Kiềm hãm trong mọi lãnh vực, dù bị vật chất dày vò hoặc cám dỗ về mọi địa hạt; nhưng không vì thế mà hai chữ **SỰ THẬT** và hai chữ **TÌNH THƯƠNG** bị tắt hẳn nơi tâm hồn của một dân tộc nói riêng, của loài người nói chung. Mà hễ yếu tố **TÌNH THƯƠNG** và **SỰ THẬT** còn là **AN LẠC** còn. Hơn nữa: «Thức ăn chỉ cần cho những lúc cần ăn, đèn chỉ cần khêu ở nơi thiếu ánh sáng; thì An-Lạc lại cần cho những tâm hồn thiếu An lạc».

Thiếu đức trí tức là An lạc, khắc kỷ cầu tiến là An lạc, thương người như mình là An lạc.

Người nghèo hèn chưa phải là thiếu An lạc, bậc vương đế chưa phải là dư An lạc. An lạc nặng ở tâm linh hơn sự thể. Vì thế nên An lạc không phân biệt thời gian, không gian, đẳng cấp hay điều kiện. Nơi nào, đâu đâu, lúc nào, ai ai cũng đều có An lạc; nhưng chỉ khác nhau là nó ở trước mắt hoặc ở sau lưng, có thể thôi,

Một phẩm trong **PHÁP HOA** rằng; «Có một người suốt đời nghèo đói, mà ngu muội không chịu lấy viên ngọc trong bầu áo để mà dùng». Chúng ta cá nhân nói riêng, dân tộc và tất cả nhân loại nói chung; đã phần chẳng khác gì câu chuyện trong phẩm Pháp Hoa.

Một điều gần nữa là hiện tại các nước trên hoàn cầu đang đồ dờ tìm An lạc; tại Việt Nam hầu hết chín mươi chín phần trăm thích An lạc. Nói một cách rõ hơn là thích chấm dứt chiến tranh để gia đình sớm được đoàn tụ; Dù hưởng một phút An lạc cũng toại nguyện.



Vì thế nên chẳng những một số Tăng sinh mà quý bậc cao minh, cùng các nhà thiện hữu đã tham dự phong trào An lạc một cách triệt để.

Quý vị sẽ gặp những ý trùng hợp trên tạp chí An lạc. An lạc sẽ lan dần, mở rộng và hầu hết trong tất cả các tâm hồn, ngày không xa.

Tất cả mọi nỗ lực
quân sự ở bất cứ nơi nào
trên thế giới cũng cùng
chung một mục đích đưa con người
đến một nền hòa bình
AN LẠC tạp chí cũng xin hân hạnh giới thiệu
với độc giả một nỗ lực khác để đưa con
người tiến đến một hòa bình thực sự

An Lạc

Năm yếu tố

hòa-bình của Phật-Giáo

• Thượng-Tọa THÍCH-THIỆN-HOÀ

Những nguyên nhân đau khổ và rối loạn

NHỮNG nguyên nhân
của đau khổ và rối loạn
không ở đâu khác hơn là ở giữa
lòng người :

1.— *Lòng độc ác* : của chúng
ta, chất chứa từ muôn vạn đời

hình như không giảm bớt mà
trái lại, càng tinh vi tế nhị hơn.
Những sự đâm chém, giết chóc
mỗi ngày mỗi nhiều. Chúng ta
có đủ mọi khí cụ để giết nhau,
từ những khí cụ thô sơ như dao,
búa, tên, nỏ, đến những thứ giết
người mau chóng tài tình nhất

như súng đạn, hơi ngạt, điện tử, vi trùng, bom A, bom H, ánh sáng...

Đối với thú vật, sự giết hại của loài người cũng mỗi ngày mỗi tăng lên ! Cứ mỗi phút trên thế giới có từng triệu sinh vật bị cắt cò, nhồ lông, phân thây, xẻ thịt... Nếu có thể dồn xương, chất thịt lại được một chỗ, thì mỗi ngày chúng ta sẽ có một trái núi bằng xương, bằng thịt cao hơn núi Điện Bà ở Tây Ninh; và nếu có thể dồn tất cả máu huyết của những sinh vật bị giết mỗi ngày trên thế giới, thì chúng ta sẽ có một dòng sông máu, rộng bằng sông Hương, sông Đồng Nai.

Nếu có thể nhìn được với Phật nhãn, chắc chắn chúng ta sẽ thấy thế giới chúng ta đang sống đây là một lò sát sanh lớn trong ấy người ta đang làm đủ các thứ thịt, kể cả thịt người nữa. Nhất là trong những giai đoạn có chiến tranh, thì thịt người lại nhiều hơn thịt muôn thú và rất ế ẩm vì chẳng ai thèm mua đến.

Loài người chưa có thể gọi là văn minh được, vì loài người chưa biết quý trọng sự sống là một tác phẩm mỹ thuật, đẹp đẽ, màu nhiệm, tuyệt tác nhất trong các tác phẩm mỹ thuật trên trần gian này. Lòng người còn độc ác, nên không thương mến sự sống, còn thích giết chóc, và nhiều khi còn lấy làm thích thú được sát hại, được dịp làm đau đớn sự sống.

Chúng ta thường nghe kể chuyện trong thời kỳ chiến tranh Việt Pháp vừa qua, có những « hung thần » mỗi ngày không bắn giết được một vài người thì ăn không ngon. Chúng ta không khỏi rùng mình ghê tởm những chuyện ấy. Nhưng nếu thú vật biết nói, chúng cũng thì thầm với nhau : « Loài người trong mỗi bữa ăn, nếu không chém giết ít ra là năm bảy mạng anh em chúng mình thì họ ăn cũng không thấy ngon ». Hầu hết chúng ta đối với thú vật là những « hung thần » cả vậy !

Loài người đang còn đau khổ, xã hội đang còn bộ mặt xấu xa, cảnh đời đang còn đen tối, vì chúng ta còn là những « hung thần », của chính đồng loại chúng ta nữa.

2. — *Nguyên nhân thứ hai của đau khổ là sự « tham lam ».*

Chúng ta tham lam nhiều thứ : tham ăn, tham ngủ, tham danh, tham lợi, tham sắc...

 Tham ăn, tham ngủ tất nhiên sanh ra nhiều tệ hại; nhưng những tệ hại ấy chỉ hạn cuộc trong phạm vi của cá nhân ấy thôi. Tham danh có hại nhiều hơn, nhưng cũng chưa nguy hại bằng tham lợi và tham sắc.

Hai món tham sau này có một sức mạnh phá hoại gia đình và xã hội không nhỏ.

~~Chúng ta~~ Chúng ta hãy nói trước đến sự tham lợi. Có phải không, từ

xưa đến nay loài người đều sống trong sự tranh chấp quyền lợi ? Từ trong phạm vi nhỏ hẹp như gia đình, xóm giềng, làng mạc, cho đến phạm vi rộng rãi như quốc gia, xã hội, quốc tế, mọi dân tộc đều chạy theo cái lợi. Vì tranh nhau một trái cà, trái ớt mà hai người láng giềng phải dùng đến quả thoi, cái đá. Vì tranh nhau một miếng vườn rào ruộng mà hai gia đình thù nhau tìm cách hại nhau từ đời cha, đời con cho đến đời cháu ! Vì tranh nhau một con sông, một trái núi, một cửa biển, một mỏ dầu mà dân làng hai nước đem ra chiến trường, quyết một còn một mất ! Và cũng vì tranh nhau chiếm thuộc địa mà hai trận thế chiến rùng rợn đã xảy ra và đã làm mỗi cho tử thần gần trăm triệu sinh linh !

Nhất là trong giai đoạn hiện tại, quyền lợi ám ảnh con người một cách khủng khiếp, khiến cho bất luận nghĩ một điều gì, nói một chuyện gì, hay làm một việc gì, người ta cũng tự hỏi trước tiên : « Có lợi hay không ? » Người ta đo cái giá trị, cái khả năng của một người với cái số lợi tức mà người ấy kiếm được, với cái ô tô cái nhà lầu, cái gia tài mà người ấy đã tạo ra.

Nhưng người ta đã tạo ra tài lợi bằng những phương tiện nào ? Đó là một vấn đề cần xét đến.

Có người đã tạo ra gia tài sự nghiệp với mồ hôi, nước mắt, với trí của mình. Với những hạng người làm ăn lương thiện này, chúng ta thấy không có gì đáng ngại, trái lại, còn quý mến nữa là khác. Nhưng bên cạnh những hạng người này, còn có bao nhiêu là người khác, vì quyền lợi làm mờ mắt, đã không từ khước một mưu mô gì, một phương tiện gì, một thủ đoạn gì để thu hút tài lợi về mình.

Trong phạm vi cá nhân đối với nhau, họ dùng mưu mô để lường gạt nhau, dùng sức mạnh để khuynh đoạt nhau; họ bóp chết nhau, trong cơn túng thiếu, cho vay nặng lãi, cầm bán với giá rẻ mạt; họ tích trữ đầu cơ, làm chợ đen, cân non đóng thiếu, đòi xấu lấy tốt; họ bày cò gian bạc lặn, gài bẫy những kẻ dại khờ. Và nếu không còn mưu chước gì khác, họ dám treo tường, khoét vách, mở rương cạy tủ, hay trảng trợn hơn nữa đón đường, chặn ngõ bày trò cướp giật !...

..... KIỂM DUYỆT

cho các nước khác phải nhượng cho mình một số quyền lợi, nếu không phải là tất cả mọi quyền lợi !

3.— *Lòng tham lợi* đã gây ra bao sự xáo trộn, đảo điên cho cá nhân và đoàn thể như thế đó. Nhưng lòng « tham sắc » cũng không kém thua nguy hiểm.

Sắc đẹp có một tác dụng lớn lao trong sự sinh hoạt của loài người. Bạn hãy đi vào một vòng trên đường phố Tự do ở thủ đô chẳng hạn, thì bạn sẽ rõ. Có phải không, quá nửa hàng hóa trưng bày trong các tủ kính hay bên đường là để cung phụng cho người đàn bà, cho phái đẹp. Này dép, này « xắc » này găng, này nhung này khăn quàng, lược giặt, này nước hoa, này phấn, này son, này vòng, này xuyên, này dây chuyền này hoa tai, này ngọc ngà, này kim cương hột xoàn... Hơn một nửa năng lực và hoạt động của loài người, đã được đem ra để phụng sự cho cái đẹp ! Và một điều vô cùng mâu thuẫn là những vật không cần thiết, những xa xỉ phẩm nhất là lại những vật đắt tiền nhất. Loài người, cả phái mạnh lẫn phái yếu, đều đã phụng sự sắc đẹp một cách tận tâm tận lực hơn một thứ gì khác ở trên đời.

Nhưng ngược lại, sắc đẹp đã tàn phá cuộc đời nhiều hơn một độc dược nào hết, nhiều hơn một sức mạnh tàn phá nào hết.

Người xưa thường có cái thành ngữ : « Sắc đẹp nghiêng

nước nghiêng thành ». Mới nghe thì tưởng như nói ngoa. Nhưng đó là một sự thật, mà lịch sử đã chứng minh. Bao nhiêu triều đại ngai vàng đã sụp đổ vì một mỹ nhân ; bao nhiêu thành trì, đất nước đã tiêu vong vì một tiếng khóc, một giọng cười, hay cái liếc mắt của « người ngọc » ? May thay trong cái thời đại dân chủ này, một người đẹp dù là quốc sắc thiên hương đến bậc nào, cũng không còn có thể tác oai tác quái như xưa được nữa. Tuy thế, ảnh hưởng tai hại của họ trong quốc sách, trong chính trường vẫn không nhỏ.

Có người sẽ cãi : « Sắc đẹp đâu phải là một tội lỗi ? Tội lỗi là tại lòng say hoa, đắm sắc kia chứ ! » Vâng, chúng tôi cũng định kết luận như thế, Sắc đẹp chỉ là nguyên nhân phụ thuộc. Nguyên nhân chính của bao sự đổ vỡ, từ nhỏ đến lớn, từ cá nhân đến gia đình xã hội đều tại lòng tham sắc dục mà ra. Vì sắc dục mà hai người yêu trở lại đâm chém nhau ; vì sắc dục mà người mẹ đánh đoạn thả trôi con theo dòng nước hay vấp vào bụi rậm cho kiến tha gặm ; vì sắc dục mà chồng vợ xa nhau, cha con ly tán, hạnh phúc gia đình tan vỡ, vì sắc dục mà sanh ra lường gạt, thụt két, mang công mắc nợ ; vì sắc dục mà sức khỏe hao mòn chết non, chết yếu ; vì sắc dục mà mang bệnh suốt đời và di hại cho con cháu về sau (năm chục phần trăm những bệnh di truyền thế giới là gốc ở bệnh tình mà ra).

4.— Một biến chứng khác của lòng tham lam là sự «đối trá» Sự tham lam để ra không biết bao nhiêu là tánh xấu và để che dấu sự xấu xa ấy, người ta phải lừa phỉnh đối gạt nhau.

Vì tham ăn mà đứa bé đã ăn chùng ăn vụng, và để che dấu lỗi lầm của mình đã nói dối cha mẹ tìm lý do này lý do khác, để biện minh cho sự mất mát vật thực. Vì tham ngủ, người học sinh không thuộc bài, đã tìm có này có khác để nói dối thầy giáo, Vì tham danh, người ta đã giả tạo những bằng cấp này, bằng cấp kia, đã tự phong cho mình những chức này chức nọ, không có trong thực tế. Vì tham lợi nhà buôn đã lừa dối bạn hàng, phỉnh gạt người mua. Vì tham sắc người chồng đã lừa dối vợ, gạt gẫm người yêu.

Chúng ta thấy đó, vì tham mà nảy sinh sự dối trá. Nhưng ngược lại, vì dối trá mà lòng tham được che đậy, nên lại phát triển mạnh thêm. Dối trá là cái màn phủ lên, che đậy tội lỗi, là cái bình phong hào nhoáng ngăn giấu những hành động đen tối nguy hiểm cho đời sống chung.

Dối trá làm mất lòng tin; mà đã mất lòng tin thì không có một công cuộc gì để có thể thành tựu được trong xã hội. Đức Khổng Tử dạy rất đúng : «Nhân vô tín bất lập».

Một sự nhận xét làm cho chúng ta không khỏi buồn rầu, lo ngại là trong sự giao thiệp hằng ngày giữa cá nhân với cá nhân, hay nước này với nước khác, lòng chân thành ngay thật mỗi ngày mỗi hiếm dần. Người ta nói một đằng mà làm một ngã, nói có mà làm không có. Không ai tin được ai. Người ta sống nơm nớp trong sự lo sợ bị lừa dối phỉnh gạt. Do đó người ta luôn luôn giữ thế thủ, giữ miếng ngay cả đối với những người thân, và nhiều khi, để khỏi bị lừa dối, người ta dờ dặt lừa dối trước. Với những tâm trạng như thế không có một tình cảm đẹp đẽ nào, không có một mối thân giao nào là không bị sự ngờ vực ung độc và giết chết. Tóm một lời, quốc gia xã hội cũng như gia đình, không thể yên ổn hòa vui được, khi dối trá, lường gạt đang hoành hành.

5.— Một nguyên nhân khác của đau khổ và xấu xa, không kém phần quan trọng, có lẽ còn quan trọng hơn cả những nguyên nhân đã kể trên, là sự Si mê ngu dốt.

Chính đức Phật, hiện thân của trí huệ sáng suốt đã dạy : «Bất úy tham sân khởi, duy khùng tự giác tri» (không sợ tham và sân chỉ sợ si mê).

cho các nước khác phải nhượng cho mình một số quyền lợi, nếu không phải là tất cả mọi quyền lợi!

3.— *Lòng tham lợi* đã gây ra bao sự xáo trộn, đảo điên cho cá nhân và đoàn thể như thế đó. Nhưng lòng «tham sắc» cũng không kém thua nguy hiểm.

Sắc đẹp có một tác dụng lớn lao trong sự sinh hoạt của loài người. Bạn hãy đi vào một vòng trên đường phố Tự do ở thủ đô chẳng hạn, thì bạn sẽ rõ. Có phải không, quá nửa hàng hóa trưng bày trong các tủ kính hay bên đường là để cung phụng cho người đàn bà, cho phái đẹp. Này dép, này «xác» này gấm, này nhung này khăn quàng, lược giắt, này nước hoa, này phấn, này son, này vòng, này xuyến, này dây chuyền này hoa tai, này ngọc ngà, này kim cương hột xoàn... Hơn một nửa năng lực và hoạt động của loài người, đã được đem ra để phụng sự cho cái đẹp! Và một điều vô cùng mâu thuẫn là những vật không cần thiết, những xa xỉ phẩm nhất là lại những vật đắt tiền nhất. Loài người, cả phái mạnh lẫn phái yếu, đều đã phụng sự sắc đẹp một cách tận tâm tận lực hơn một thứ gì khác ở trên đời.

Nhưng ngược lại, sắc đẹp đã tàn phá cuộc đời nhiều hơn một độc dược nào hết, nhiều hơn một sức mạnh tàn phá nào hết.

Người xưa thường có cái thành ngữ : «Sắc đẹp nghiêng

nước nghiêng thành ». Mới nghe thì tưởng như nói ngoa. Nhưng đó là một sự thật, mà lịch sử đã chứng minh. Bao nhiêu triều đại ngai vàng đã sụp đổ vì một mỹ nhân; bao nhiêu thành trì, đất nước đã tiêu vong vì một tiếng khóc, một giọng cười, hay cái liếc mắt của «người ngọc»? May thay trong cái thời đại dân chủ này, một người đẹp dù là quốc sắc thiên hương đến bậc nào, cũng không còn có thể tác oai tác quái như xưa được nữa. Tuy thế, ảnh hưởng tai hại của họ trong quốc sách, trong chính trường vẫn không nhỏ.

Có người sẽ cãi : «Sắc đẹp đâu phải là một tội lỗi? Tội lỗi là tại lòng say hoa, đắm sắc kia chứ!» Vâng, chúng tôi cũng định kết luận như thế. Sắc đẹp chỉ là nguyên nhân phụ thuộc. Nguyên nhân chính của bạo, sự đổ vỡ, từ nhỏ đến lớn, từ cá nhân đến gia đình xã hội đều tại lòng tham sắc dục mà ra. Vì sắc dục mà hai người yêu trở lại đâm chém nhau; vì sắc dục mà người mẹ đành đoạn thả trôi con theo dòng nước hay vất vào bụi rậm cho kiến tha gặm; vì sắc dục mà chồng vợ xa nhau, cha con ly tán, hạnh phúc gia đình tan vỡ, vì sắc dục mà sanh ra lường gạt, thụt kết, mang công mắc nợ; vì sắc dục mà sức khỏe hao mòn chết non, chết yểu; vì sắc dục mà mang bệnh suốt đời và di hại cho con cháu về sau (năm chục phần trăm những bệnh điên trên thế giới là gốc ở bệnh tình mà ra).

4.— Một biến chứng khác của lòng tham lam là sự «đối trá» Sự tham lam để ra không biết bao nhiêu là tánh xấu và để che dấu sự xấu xa ấy, người ta phải lừa phỉnh đối gạt nhau.

Vì tham ăn mà đứa bé đã ăn chùng ăn vụng, và để che dấu lỗi lầm của mình đã nói dối cha mẹ tìm lý do này lý do khác, để biện minh cho sự mất mát vật thực. Vì tham ngủ, người học sinh không thuộc bài, đã tìm có này có khác để nói dối thầy giáo, Vì tham danh, người ta đã giả tạo những bằng cấp này, bằng cấp kia, đã tự phong cho mình những chức này chức nọ, không có trong thực tế. Vì tham lợi nhà buôn đã lừa dối bạn hàng, phỉnh gạt người mua. Vì tham sắc người chồng đã lừa dối vợ, gạt gẫm người yêu.

Chúng ta thấy đó, vì tham mà nảy sinh sự dối trá. Nhưng ngược lại, vì dối trá mà lòng tham được che đậy, nên lại phát triển mạnh thêm. Dối trá là cái màn phủ lên, che đậy tội lỗi, là cái bình phong hào nhoáng ngăn giấu những hành động đen tối nguy hiểm cho đời sống chung.

Dối trá làm mất lòng tin; mà đã mất lòng tin thì không có một công cuộc gì để có thể thành tựu được trong xã hội. Đức Khổng Tử dạy rất đúng : «Nhân vô tín bất lập».

Một sự nhận xét làm cho chúng ta không khỏi buồn rầu, lo ngại là trong sự giao thiệp hằng ngày giữa cá nhân với cá nhân, hay nước này với nước khác, lòng chân thành ngay thật mỗi ngày mỗi hiếm dần. Người ta nói một đằng mà làm một ngã, nói có mà làm không có. Không ai tin được ai. Người ta sống nơm nớp trong sự lo sợ bị lừa dối phỉnh gạt. Do đó người ta luôn luôn giữ thế thủ, giữ miếng ngay cả đối với những người thân, và nhiều khi, để khỏi bị lừa dối, người ta dờ dờ lừa dối trước. Với những tâm trạng như thế không có một tình cảm đẹp đẽ nào, không có một mối thân giao nào là không bị sự ngờ vực ung độc và giết chết. Tóm một lời, quốc gia xã hội cũng như gia đình, không thể yên ổn hòa vui được, khi dối trá, lường gạt đang hoành hành.

5.— Một nguyên nhân khác của đau khổ và xấu xa, không kém phần quan trọng, có lẽ còn quan trọng hơn cả những nguyên nhân đã kể trên, là sự Si mê ngu dốt.

Chính đức Phật, hiện thân của trí huệ sáng suốt đã dạy : «Bất úy tham sân khởi, duy khùng tự giác tri» (không sợ tham và sân chỉ sợ si mê).

Thật thế, tánh xấu xa, ác độc nào cũng có thể sửa chữa, tiêu trừ được cả, với một điều kiện tiên quyết là có sự sáng suốt hiểu biết hay dở, phải trái, chính tà. Người không có trí tuệ thì khó lòng thoát khỏi cảnh đen tối khổ đau. Người không có trí huệ như thê mù đi trong rừng rậm, không thể nào thoát khỏi tai nạn sa hố, sập hầm và làm mồi cho thú dữ. Trong kinh, Phật thường ví dụ người ngu si như kẻ liếm mật trên lưỡi dao, không thể nào tránh khỏi cái nạn bị đứt lưỡi. Thật là một ví dụ rất cụ thể và linh động, nói lên được sự nguy hiểm của ngu si.

Người ta tàn ác, tham lam, giết người, cướp của, đắm mê sắc dục, lừa đảo, dối gạt cũng vì ngu si, không nhận rõ được hậu quả tai hại của những hành động tội lỗi của mình, cho nên đức Phật thường dạy : «Ngu si là gốc của muôn tội lỗi».

Một gia đình gồm những người ngu si, thì gia đình ấy là một khám đờng, một xã hội gồm những phần tử ngu si, thì xã hội ấy là một địa ngục...

Chúng ta có thể tìm thêm nhiều nguyên nhân gây đau khổ cho cá nhân, và loạn lạc cho xã hội nữa; nhưng xét ra, những

nguyên nhân chính không ngoài những điều vừa nói ở các đoạn trên là : tánh độc ác, lòng tham lam tài sắc, sự dối trá và sự ngu si.

Diệt trừ được những nguyên nhân trên, chắc chắn cuộc đời sẽ bớt đau khổ và bớt loạn lạc nhiều lắm. Nhưng chúng ta phải công nhận rằng : diệt trừ tận gốc các nguyên nhân trên không phải là dễ, vì chúng đã ăn sâu gốc rễ trong lòng người từ muôn vạn đời rồi. Và lại, xã hội loài người rất phức tạp, trình độ không đồng đều hoàn cảnh của mỗi người cũng không giống nhau, khó có thể làm cho con người trở thành thuần thiện, trong một thời gian ngắn được.

Nhưng nói như thế, không có nghĩa là chúng ta đành khoanh tay chịu bất lực trước sự hoành hành của những tánh xấu xa, đen tối đâu. Nếu chưa có thể diệt trừ tận gốc chúng nó, thì ít ra chúng ta cũng phải có phương pháp gì chặn đứng chúng nó lại, không cho bành trướng ra nữa, để chúng khỏi làm hại cho cá nhân và đoàn thể chứ !

Đứng trước vấn đề trọng đại trên này, đạo Phật đã giải quyết như thế nào ?

Xem tiếp số sau phương thuốc đối trị của Phật giáo.

• THIẾU SƠN

TINH THẦN

PHẬT - GIÁO

TRONG

thế giới ngày nay

TÔI còn nhớ trước đây tôi có được xem một tuồng hát bóng, tuồng diễn. Một anh nọ chở cây thông tới bán cho một nhà kia trước ngày lễ Thiên Chúa Giáng Sinh. Ông chủ nhà không mua nhưng lại có những lời lẽ và cử chỉ làm cho anh bán thông bất bình và phẫn nộ. Do đó mà hai người đấu khẩu với nhau rồi gây nên một trận giặc leo thang khủng khiếp. Anh chủ nhà đuổi người bán thông và liệng cây thông ra khỏi cửa. Người bán thông không nhịn phá cửa rồi đập đồ của anh chủ nhà. Anh chủ nhà không nhịn đập phá xe hơi của người bán thông. Rồi cứ đà đó họ leo thang từng bước đi tới chỗ căn nhà chỉ còn là một đống gạch, ngói ngổn ngang và chiếc xe chỉ còn là một đồng sắt vụn. Lúc đó cảnh sát mới tới làm biên bản và cả hai nạn nhân đều gột nước mắt trước cảnh hoang tàn do lỗi của cả hai bên. Cổ nhiên là người bán muốn ép người mua phải mua đồ của mình. Nhưng nếu người này cứ hòa nhà từ chối và đối xử lễ phép với người bán thì anh này cũng không viện lẽ gì mà gây chiến với mình được. Cả hai đều có lỗi vì cả hai đều chủ quan, vụ lợi, không biết đối xử với nhau theo phép lịch sự giữa người với người, không biết áp dụng những nguyên tắc sống chung hòa bình. Cả hai đều bị chi phối bởi tham, sân, si theo quan điểm của nhà Phật.

.....
(kiểm duyệt bỏ một đoạn)
.....

..... nhân dân V.N nói chung và Phật giáo nói riêng cũng đã làm hết nhiệm vụ của mình đối với quê hương và đất nước, không chịu khoan tay đứng nhìn cảnh quốc phá, gia vong. Nếu Đức Phật còn sống chắc Ngài cũng không thể nhắm mắt làm ngơ được.

Dẫu Ngài không đích thân lãnh đạo cuộc tranh đấu thì Ngài cũng không nỡ cho rằng những đứa Con Ngài đã làm ngược theo ý muốn của Ngài, họ không lo tu hành mà cứ lo làm chánh trị.

x X x

Một người con Phật, ông Thant, Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc đã tuyên bố : *« Vấn đề rất khẩn cấp. Tình hình rất nghiêm trọng*

.....
(kiểm duyệt bỏ một đoạn)
.....

..... từ nay đến cuối năm nếu vấn đề Việt Nam chưa giải quyết được thì U. Thant sẽ từ chức. Và trong tình trạng thế giới ngày nay tìm không ra một người nào khả dĩ thay thế được ông ta. Không thiếu gì người tài ba lỗi lạc trong thiên hạ nhưng không có người nào có thể được sự chấp thuận của cả 3 khuynh hướng : Tư bản, Cộng sản và Trung lập.

Cầm đầu tổ chức Liên Hiệp Quốc U. Thant đã đem tinh thần Phật giáo vào ngự trị ở đây để điều hòa mọi sự mâu thuẫn, giải quyết mọi cuộc tranh chấp. Thiếu tinh thần đó Liên Hiệp Quốc sẽ tan rã, tiếng nói của lẽ phải sẽ bị lấn át bởi những xung đột về quyền lợi, bởi những tiếng gọi của òng tham. U. Thant tiến bước tức là Hòa Bình sẽ lui bước để nhường chỗ cho chiến tranh. Lúc đó không

còn phải là chiến tranh cục bộ ở Việt Nam mà là chiến tranh lan rộng ra nhiều nơi trên thế giới và có thể là thế chiến thứ ba. cực kỳ nghiêm trọng và khốc liệt vô cùng.

Do đó mà cuộc tranh đấu của Phật giáo.....có thêm một ý nghĩa là không phải chỉ tranh đấu cho hòa bình trên đất nước của mình mà còn gián tiếp ngăn cản không cho chiến tranh lan rộng trên thế giới.

Đức Từ Bi vô lượng vô biên thì lòng người Phật Tử cũng chứa

đựng một tình thương không giới hạn.

Nếu có vì thế mà phải hy sinh mà chịu đau khổ thì sự hy sinh đau khổ đó cũng không phải là vô ích.

Có thể thì tiếng nói của Hòa Bình mới thêm khẩn thiết để đáp ứng cho một tình trạng khẩn trương của lịch sử dân tộc và nhân loại.

Có thể mới xứng đáng là những người con Phật đã đi đúng đường lối của Ngài...

THIỆU SƠN



Sao gan vậy ???

Gần đây, một người Mỹ tên là Louis Koullpir đã phá một sông bạc ở Gardena (tiểu bang California) khiến cho 28 người bị thương; ở Nhật một phong trào bài trừ đang phát động mạnh mẽ, tại V.N cảnh sát hiện đang lùng bắt các sông bạc. Tuy nhiên, có lắm kẻ « gan cùng mình » dám cò bạc giữa thanh thiên bạch nhật phía sau vườn Bờ Rô sao gan vậy ???

Vấn đề kinh-tế Việt-Nam

NGUYỄN - BÌNH - TUYẾN

KHÔNG lúc nào bằng lúc này, vấn đề kinh tế Việt-nam thật là một vấn đề nan giải. Trong phá, ngoài phá, nội bộ, ngoại viện, Việt cộng, gian thương, tiền tệ, hành chánh, khiến cho nhân dân không biết đường nào mà xoay xở.

Vốn liếng tự nhiên bị hao hụt. Người ta có cảm tưởng như bị cướp, bị lừa. Tình thế thật là nguy nan. Đề giải quyết, chúng ta hãy bình tĩnh tìm nguyên nhân rồi tìm phương gỡ rối :

Ôn lại quá khứ, chúng ta vì không chịu nổi một chế độ chính trị độc tài và không muốn sống dưới chế độ kinh tế quốc doanh mậu dịch của Cộng sản, nên đã phải sống riêng biệt ở miền Nam nước Việt này. Nhưng rồi cũng không chịu nổi một ách độc tài khác, thêm nạn kinh tế độc quyền, chúng ta đã lật đổ được chế độ bạo tàn Ngô-dinh Diệm trong cuộc chính biến ngày 1-11-63. Tiếc thay : Người cầm đầu cuộc đảo chánh ngày ấy, Trung Tướng Dương-văn-Minh, vì thiếu kinh nghiệm chính trị và quá nặng tình cảm cá nhân, đem Nguyễn-ngọc-Thor, bồi ra làm Thủ

tướng, khiến công của vị Tướng lãnh đáng mến và đáng thương ấy, chưa đầy ba tháng sau đã tan thành mây khói trong một cuộc binh biến khác, và khiến tình trạng nước nhà cho tới ngày hôm nay vẫn còn đen tối. Chúng ta cũng không lấy gì làm lạ tại sao, sau ngày 1-11, nước Việt nam dưới một thể chế cách mạng lại không có một cuộc cải cách nào trên tất cả mọi cơ cấu kinh tế được thiết lập dưới thời bạo Ngô.

Nhớ lại thời Diệm chưa nắm chính quyền, giá gạo chỉ có 250đ 1 tạ thán 80 vậy mà sau khi Diệm nhẩy lên Địa vị, thành lập các Hợp tác xã độc quyền, khiến nền thương mại trong nước đều ở trong tay bọn đầu cơ trục lợi, hàng nhập cảng độc quyền, hàng xuất cảng độc quyền, và các thứ thực phẩm như gạo như rau, như đậu cũng bắt buộc phải ở dưới chế độ Hợp tác xã, thì mọi thứ hàng cứ từ từ lên giá gạo từ 250đ lên đến 800đ, thán từ 80đ lên đến 250đ. Sau ngày 1-11 dù Ngô đình Thục, dù Trần lệ Xuân không còn ở Saigon nữa đề chỉ huy nền kinh tế xứ này, giá gạo vẫn không hạ và thán cũng cứ cao. Trong những ngày gần đây, gạo đã lên tới 1.500đ. và



than lên tới 250đ. rồi bây giờ 600đ. Các vật giá cái gì cũng lên, nhất là giá đồng bạc Việt nam mới đây lại được chính thức công nhận, trị giá không ở trên thị trường tự do mà chính thức là 1/118 dollar. Tiền viện trợ Mỹ vẫn y nguyên và còn hơn nữa vậy mà đồng bạc Việt nam mất giá !

Xét tất cả những nguyên nhân khiến nền kinh tế Việt nam ngày nay bị xấu trộn, chúng ta thấy chính chỉ vì :

1— Chúng ta chưa có một chính sách kinh tế quốc gia.

2— Chính sách kinh tế độc quyền từ hồi thực dân và mới đây từ hồi Diệm vẫn còn tồn tại.

3—Những biện pháp kiểm soát giá thị trường và chống gian thương chỉ làm theo tắc trách.

4— Những thông cáo được đưa ra không đúng lúc,

5— Tình trạng chiến tranh quá kéo dài, kèm theo đấy :

a— nạn khai hoang

b— sự ngăn chặn lưu thông của Việt cộng để bao vây kinh tế.

c— sự ngăn chặn giao thông của Dân vệ trong các ấp chiến lược và ấp tân sinh, của các đồn bắt (poste) trên các ngã giao thông cùng các thuế nhập thị tại các địa phương.

6— Giá đồng bạc Việt Nam được chính thức công nhận trị giá còn có 1/118 dollar.

Chúng ta hãy xem xét từng điểm một à hãy đưa ra những biện pháp cứu gỡ. Chúng ta không tự lo lấy còn ai lo cho nữa :

I

Chúng ta chưa có một chính sách Kinh Tế Quốc-Gia

Thật là một sự khiếm khuyết khi nhìn thấy rằng, kể từ khi trên mặt pháp lý chúng ta nắm trọn chủ quyền nội bộ đến giờ, chưa có một chính phủ nào chủ trương một đường lối kinh tế quốc gia độc lập. Có lẽ vì những người được giữ vai trò lãnh đạo quốc gia chưa có một vị nào có một thành tích đấu tranh cho dân tộc mà chỉ quen cúi đầu tuân theo mệnh lệnh. Có lẽ cũng tại vì tiền viện trợ Mỹ quá nhiều, các tay kinh tài Việt nam, nhận thấy rằng việc buôn bán chuyển này có thể phát hơn mọi chuyện kinh doanh khác nên đổ xô vào ngành xuất nhập cảng, mà lãng bỏ tất cả mọi chuyện thiết yếu khác, và có lẽ cũng chỉ vì nguyên nhân sau đó mà các nhà lãnh đạo kinh tế Việt nam cũng chỉ mãi mê say về việc : nay cấp giấy phép mua hàng cho người này, mai cấp giấy phép mua hàng cho người khác, mà quên mất rằng tiền viện trợ Mỹ có thể bắt chột bị cắt trong một hoàn cảnh bất thường nào đó, như gặp phải quốc hội Mỹ chẳng bằng lòng, hay gặp lúc ngoại giao khó khăn, thì lúc bấy giờ chúng ta tính sao

Lúc nào chúng ta cũng phải nhớ tới rằng tiền Viện trợ kinh tế Mỹ giúp chúng ta chỉ nhất thời chứ không phải giúp đời đời kiếp kiếp giúp chúng ta mãi mãi và cũng đừng nên quên rằng người Mỹ viện trợ cho chúng ta là để giúp chúng ta khuếch-

trường nền kinh tế của chúng ta chứ không phải viện trợ để nuôi nhân dân Việt nam no ấm mãi đâu hay để nuôi một số tay sai làm giàu bất chính.

Chúng ta hãy nhìn quanh thế giới: các nước Đức, Ý, Nhật sau cuộc thảm bại chưa cay ở kỳ Đệ nhị thế chiến, nhà cửa, lâu đài, phố phường, đường sá bị tàn phá, đất nước bị đầy xéo, dân chúng bị nhục mạ đói rách lềm than, một khúc bánh mì, một mẫu thuốc lá thường lắm khi trị giá bằng cả một đời người...

Vậy mà hai mươi năm năm gai nếm mật trên dưới một lòng, tinh thần quốc gia dân tộc vững chắc, họ đã trở về với địa vị nếu chưa được huy hoàng như thuở nào, thì vẫn xứng đáng là các bậc đàn anh trên thế giới: hàng sản xuất tung ra khắp các thị trường Đông Tây, chẳng gây hấn với ai mà hết nước này ve vãn lại nước kia ve vãn, dân số thì mỗi ngày mỗi tăng, biết bao nhiêu hứa hẹn đợi chờ... Ngay bên cạnh vách chúng ta, Đài loan và Thái lan hàng năm xuất cảng sang bên ta biết bao nhiêu thứ hàng. Hoàn cảnh của họ có khác gì ta mấy đâu, vậy mà tương đối họ đã hơn ta rất nhiều,

nếu chúng ta nhìn kỹ vào nội tình nước nhà. Thật vậy, từ hai mươi năm nay, lúc thì liên kết với Nhật để chống thực dân, lúc thì lại quay về với Pháp để chống Cộng, rồi lúc lại đồng minh với Mỹ để bài phong đã thực và chống Cộng, chúng ta, lắm lúc đã tưởng được đóng vai trò quan trọng ở Đông nam Á.. Nhưng thực tế cho chúng ta đã thấy: chúng ta chẳng tự chủ được cái gì, lúc nào cũng trông ở người, đợi ở người và tin ở người.. Nào có phải vì thiếu nguyên liệu. Không kè xừ Bắc với những mỏ than mỏ quặng trùng điệp, chúng ta chỉ nói tới miền Nam nước Việt này thôi! hàng ngàn cây số bờ biển, với những cánh đồng phì nhiêu ở hai bên bờ sông Cửu long, với những rừng cao su bát ngát ở những đồng điền đất đỏ với những bãi cát trắng bao la dọc theo chiều bờ Phan rang.., chúng ta nói làm sao cho hết được. Nhưng với những thồ sản trù phú ấy chúng ta không biết dùng công nghệ để biến chế nó thành đồ hữu dụng, chúng ta lại đem bán hầu hết tất cả khi còn ở trong tình trạng nguyên liệu. Chúng ta đã phải nhập cảng ciment của Thái lan, lớp cao su của Đài loan trong khi cách đây 20 năm chúng ta đã xuất cảng sang họ

những thứ đó. Thật là một điều đáng buồn, đáng buồn hơn nữa là trong những ngày gần đây, vì một vài hành động không đúng đắn của một vài người trong chính quyền ciment tự nhiên đắt gấp rưỡi giá thường, mấy chú Ba tầu thấy vậy đem dầu gạo đi để làm tăng giá gạo. Gạo đã từ 800đ lên đến 1.500đ, và đã lên tới 2.000đ than lên tới 600đ 1 tạ.

.....
(KIỂM DUYỆT)
.....

thì dù cho chính phủ có thiện chí tới thế nào đi nữa cũng là vô ích, nếu chính phủ không chủ trương một đường lối quốc gia kinh tế rất rõ rệt và vững chắc, và nếu nhân viên chính phủ không phải là những kẻ có bản lãnh dám đương đầu với mọi thế lực thay đen đổi trắng của đồng tiền.

Nói tới sự vững vàng của nền kinh tế quốc gia, chúng ta nên hiểu là sự vững vàng của thể quân bình giữa cung và cầu, giữa mức sản xuất trong nước và sự đòi hỏi của nhân dân, không sợ ngoại cảnh chi phối, không e nội bộ phá hoại. Cái gì trong nước không sản xuất được chúng ta hãy mua của người, cái gì chúng ta đã sản xuất được, chúng ta phải làm sao cho được

đầy đủ để nhân dân tiêu thụ. Nếu mức sản xuất được dồi dào, chúng ta phải cố gắng làm thêm thật nhiều để có thể xuất cảng ra ngoại quốc. Lúc nào chúng ta cũng phải cố gắng để tiến chứ không được lùi.

Những nhà lãnh đạo kinh tế trong nước phải luôn luôn khuyến khích nhân dân dùng đồ nội hóa, và phải ép buộc các nhà sản xuất làm thế nào cho đồ nội hóa được nhân dân ưa thích, nghĩa là làm sao cho đẹp, cho bền và cho rẻ. Một chai nước Vĩnh hảo không thể bán đắt hơn một chai Vicky khi chưa có thuế, một thước gỗ xẻ tại chỗ không thể đắt hơn một thước gỗ nhập cảng, một thước lụa dệt ở đây không thể xấu hơn và chóng rách hơn một thước lụa càn bằng thứ tơ ấy ở Nhật bản. Tất cả là phải cố gắng, chính phủ cố gắng, nhân dân cố gắng, nhưng chính

Bạn có biết!!

Người sống không có chỗ sống đã đành, kẻ chết cũng khan hiếm chỗ chôn. Bằng chứng cụ thể tại miền Nam nước Ý, nghĩa địa phải xây lâu 20 tầng. Không biết hồn ma trèo cầu thang có mỏi chân hay không??

phủ có hết sức mình thì nhân dân mới theo đấy mà làm hết sức mình. Việc trong một nước thành hay bại, dở, hay, là tại chính quyền chứ không phải tại nhân dân. Nước Việt nam ta cho tới ngày hôm nay kinh tế vẫn chưa mở mang và vẫn ở trong một hoàn cảnh lệ thuộc,

(kiểm duyệt)

Nền kinh tế quốc gia đòi hỏi phải :

1 — Kỹ nghệ hóa xứ sở, bắt đầu bằng các ngành tiểu công nghệ. Khi chưa thống nhất được đất nước, chúng ta đừng có mơ những chuyện sản xuất vũ khí hay xây dựng kỹ nghệ nặng. Chúng ta chỉ cần làm thế nào biến những nguyên liệu sản xuất ở đất nước chúng ta thành những đồ chế tạo ngay tại đất nước chúng ta cho chúng ta dùng : Cát trắng ở Cam ranh sẽ biến ngay

thành thủy tinh, Cao su sẽ biến thành xăm lốp xe, gạo sẽ biến thành rượu ngon giành đua với rượu ngoại quốc, vân vân...

2 — Khuếch trương các ngành kỹ nghệ đã có sẵn trong nước : Phải mở rộng thêm nhà máy làm đường, làm Ciment, nhà máy nước Vĩnh hảo... tóm tắt lại tất cả các ngành kỹ nghệ có sẵn trong nước tới mức không những đủ để dùng mà còn có thể đem xuất cảng được.

3 — Kỹ nghệ hóa nông nghiệp và ngư nghiệp : Biến tất cả các cánh đồng phì nhiêu và những khu rừng rậm hoang vu thành những nơi trồng trọt trù phú thiết lập những nhà máy làm phân bón để sức thu hoạch về mùa màng gấp bốn gấp năm khi trước. Đóng thêm thật nhiều tàu đánh cá, cho đi đánh cá tận các biển xa lạ. Tổ chức việc xuất cảng cá dưới mọi hình thức : nước mắm, cá hộp, cá khô, và cá tươi v.v..

4 — Hết sức khuếch trương ngành hàng hải, thiết lập các đội thương thuyền để buôn bán với các nước lân cận. Trước nhỏ sau to, trước gần sau xa, chúng ta phải

LỜI HAY Ý ĐẸP

*Đốn cây mà chưa đào hết gốc rễ thì tực vẫn ra hoài.
Đoạn trừ ái dục mà chưa sạch gốc thì khổ não vẫn sanh trở
lại mãi mãi.*

tổ cho xứng đáng là một nước có hàng mấy ngàn cây số bờ biển. Các nước khác có thể thành được những cường quốc về hải thương sao chúng ta không cố gắng để theo kịp một phần mười, một phần trăm của người.

5 — Cố hết sức thỏa thuận trên phương diện kinh tế với các lân bang để nắm giữ mãi lấy những nguồn lợi mà chúng ta có thể có được

x x x

Chương trình kinh tế quốc gia thu hẹp này đáng lẽ ra phải bắt đầu thực hiện từ năm 1954. Tiếc thay chính quyền ngày ấy lại không ở trong tay những người đấu tranh cho dân tộc mà lại ở trong tay những kẻ tay sai cũ của thực dân nên họ chỉ chú trọng tới việc chuyển ngân ra ngoại quốc nhiều hơn là xây dựng một nền kinh tế vững vàng cho quốc gia và dân tộc.

Giờ đây trước một tình trạng kinh tế suy sụp, chương trình này tuy chưa thể thực hiện ngay được, nhưng những nhà có trách nhiệm không nên không nghĩ tới. Hết chính trị và quân sự khi nào tạm ổn là lúc bắt đầu chúng ta phải nghĩ tới việc xây dựng tương lai cho đất nước.

x x x

II

Chính sách Hợp Tác Xã độc quyền (Từ 1955 đến giờ)

Trước năm 1954, vấn đề ngoại thương ở Việt Nam hoàn toàn ở trong tay người Pháp, sau cuộc thất bại ở Điện biên phủ, người Pháp rút quân khỏi Việt Nam, là dĩ nhiên việc ngoại thương trở về với người Việt.

Thấy lợi tức đem về không nhỏ, thiên hạ đổ xô vào ngành xuất nhập cảng. Hàng hóa tha hồ được tung ra thị trường có khi còn nhiều hơn người mua, hóa ra hạ vô cùng.

Nhưng tới 1956, có lẽ để giữ vững giá hàng và để bảo vệ quyền lợi cho ngành ngoại thương, chính quyền ngày đó bắt mỗi môn bài phải ký quỹ 350.000đ và liên kết thành tổ chức hợp tác xã. Sự ký quỹ và liên kết này đã loại trừ được một số con buôn vốn thì ít mà cũng muốn đua đòi với bọn con buôn sành sỏi và lọc lõi, và cũng đã chặn đứng được nạn tranh thương khiến hàng hóa khỏi bị hạ giá.

Muốn mượn cớ nào để bào chữa thì mượn, nước Việt Nam từ đây đã ở dưới một chế độ Hợp tác xã độc quyền. Mọi quyền mua bán tăng giá hàng đều ở trong tay

một số người. Hàng hóa mua vào tuy giá cả trước sau vẫn thế nhưng giá bán ra thì vùn vụt cứ tăng dần... Một vốn bốn lời... bắt chấp pháp luật, bắt chấp kiểm soát.

Ngành nội thương (buôn bán trong nước) như gạo như rau, như than như củi cũng vậy. Trước năm 1954, chưa có dịp di cư ồ ạt, chỉ có một số tư bản Trung Hoa, ngày giáp hạt đến, len lỏi về các miền đồng quê Việt Nam, cho nông dân vay tiền ăn gặt trước, rồi sẽ trở lại bằng thóc khi gặt xong, có người bảo là mua thóc non cũng vậy. Người có vốn mua lúa từ lúc còn hạ, và có gạo bán quanh năm người có ruộng được lấy tiền tiêu trước thành ra về giá cả sự chênh lệch không có mấy. Hơn nữa sự buôn bán được hết sức tự do, không có khám xét và bắt bớ như bây giờ. Người nhà quê ra tỉnh có thể mang theo một hai tạ làm quà, người ở tỉnh về quê lúc trở ra tỉnh, nhân tiện chuyển đi có thể kèm theo mình đôi ba tạ gạo, không có một ai xét hỏi lời thôi. Nhưng từ ngày Ngô đình Diệm trở về chấp chính đến giờ, bọn kinh tài nhà Ngô đã dòm tới nguồn lợi về thóc gạo mà bao lâu nay vẫn ở trong tay người Hoa kiều. Hợp tác xã lúa gạo được thành lập với đầy đủ quyền

hành : dân quê phải bán lúa cho Hợp tác xã, Hợp tác xã sẽ bán gạo cho các đô thị, sự chuyển vận gạo từ chỗ này qua chỗ khác đều phải có giấy chứng nhận của Hợp tác xã. Ai tự ý mang gạo từ quê ra tỉnh hay từ tỉnh này sang tỉnh khác đều bị liệt vào hạng mang gạo tiếp tế cho Việt cộng, gạo sẽ bị tịch thu và người sẽ bị làm nhiều điều khó dễ. Hợp tác xã than, hợp tác xã rau cũng vậy, chỉ có hợp tác xã mới có quyền bán cho người tiêu thụ, người làm vườn, người có ruộng, người có than không được quyền làm ra thì muốn bán cho ai thì bán mà bắt buộc phải bán cho hợp tác xã. Chính sách hợp tác xã nêu ra thì rất hay nào là làm cho từ giới tiêu thụ đến giới sản xuất không cần phải trung gian, anh em trồng tía làm lấy với nhau, nhưng thực tế thì khác hẳn, hợp tác xã đã thay những người đóng vai trò trung gian đó, và đáng lẽ có nhiều kẻ trung gian thì bây giờ còn có một, và một đó tha hồ làm mưa làm gió trên thương trường, mua tận ngọn bán tận gốc, mua thật rẻ bán thật đắt, người tiêu thụ và nhà sản xuất đều bị bóc lột không biết bao nhiêu mà kể.

Chính sách đó đã khiến nhân dân Việt Nam có lắm người đã ngờ vực

thiện chí của Mỹ trong cuộc chống Cộng ở Việt Nam, vì họ cho rằng việc đưa Ngô đình Diệm về nước và sự gây dựng cho một số tư bản mới ở Việt-Nam Sự hiểu lầm này gây tai hại không nhỏ cho tình hình chính trị ở đây. Một số chính là vì sự hiểu lầm này Họ có biết đâu rằng những bọn chỉ chạy theo tiền tài và danh lợi không có lý tưởng gì cả. Chúng ta hãy nhìn lại cuộc cách mạng tháng 8 năm 1945 mà xem có phải chính bọn tư bản mất gốc đã đầu hàng Cộng sản trước nhất hay không, ngay cả thời Ngô đình Diệm cũng vậy, bọn họ đã chạy theo kẻ bạo rồi lại chuyển kẻ bạo hơn ai hết lúc đó rồi sao chẳng nữa chính sách kinh tế hợp tác xã độc quyền không gây được một ích lợi gì cho quốc gia dân tộc và cho đường lối chống cộng chung đã theo đuổi từ ngót hai chục năm nay !

Đề thỏa mãn sự đòi hỏi của đa số quần chúng, chúng ta phải ;

1—Chấm dứt chế độ Hợp tác xã độc quyền.

2—Cho tự do kinh doanh bất cứ ai cũng có quyền khai môn bài xuất nhập cảng chỉ cần nộp đủ giấy tờ tuân theo các luật lệ của chính phủ.

3—Ai cũng có quyền buôn bán gạo, than củi, lúa, không cần phải

bán cho Hợp tác xã, mà có thể bán thẳng cho dân chúng, than củi rau đậu cũng vậy.

4—thành lập kho tức mở sừng tại các tỉnh các quận và nếu có thể được tại các xã các ấp đó có dân vay khi làm mùa và đề phòng những biến chuyển bất ngờ về đường sá đề dân chúng, có tin tưởng và cậy trông.



Như vậy chúng ta thấy rằng càng có nhiều nhà buôn, chính phủ sẽ thu được nhiều thuế hơn, càng có nhiều hơn nhà buôn, sự tranh thương tất phải xảy đến, hàng hóa sẽ hạ, dân chúng không thấy gì sung sướng hơn được thấy hành hạ và tốt và người bán hàng luôn luôn phải tỏ ra có lễ độ với khách hàng thì hết khách, hoàn cảnh sẽ huân cải đề đi đến thuận tiện với dân chúng ư !

Một quốc gia muốn chống cộng không thể cặp theo những khuôn khổ mà bắt dân chúng nhắm mắt tuân theo như thế tức là mở đường cho Cộng sản thắng thế rồi vậy.

Những biện pháp kiểm soát giá thị trường và chống gian thương

Thật không có cái gì thú vị bằng nghe kể lại các biện pháp

phòng ngừa chống gian thương của các chính phủ Việt Nam đưa ra trong khoảng mười bảy mười tám năm trở lại đây, mỗi khi có các việc đầu cơ, tích trữ, chợ đồ chợ đen : một công nhân dành dụm tiền mua được bảy tám hộp sữa cho con bị cảnh binh bắt giam tại bót. Một cô hàng rong lén lút mua cho chồng được 10 thước vải và cho gia đình một tạ gạo vì chợ hàng không đủ giấy tờ bị bắt bỏ bót... nhưng một phú thương chứa chấp hàng vạn bao gạo hàng triệu hộp sữa hàng ngàn tấm vải thì chưa thấy bao giờ bị đòi hỏi. Có lẽ số kẻ nghèo dễ bị mất của, những kẻ áo rách hay bị lôi thôi, còn nhà giàu thì có tài thần che mắt nên ít người trông thấy, Có người bảo nên bạc đâm loạc tờ giấy, những kẻ có tâm huyết dù thiện chí đến thế nào mặc dầu cũng chỉ là làm những việc vô ích... Rêu rao, quảng cáo, nói thật lớn trên báo chương nhiều khi chỉ là những thủ đoạn vừa ăn cướp vừa la làng... chúng ta thật không biết trông vào đâu mà tin tưởng. Thật vậy chúng ta cứ thử tìm hiểu lấy công việc của những cơ quan hữu trách, lắm một thành phố đông đúc như Saigon với dân số suýt soát hai

triệu người thì cũng phải 10 triệu thước vải, chỗ để bán cho dân chúng ít ra cũng phải có tới một trăm hay một ngàn chỗ bán thì dân chúng mới không phải cái cảnh chen chúc nhau đi mua hàng như đi ăn xin, vậy mà chánh quyền ra thông cáo có một thí điểm, hai thí điểm để bán vải bông cho công chúng sự bán vải kiểu rác chắc là đa như vậy đã khiến nhiều nhà không thèm mua mà cho mượn sổ gia đình để ai chen chúc được thì mua. Nhưng ối oăm thay những kẻ đồ mồ hôi lấy miếng cơm ấy nhiều khi lại bị bắt, trong khi lớp con buôn công khai bóc lột đồng bào bằng cách bán giá cắt cổ hoặc cắt hàng đi không chịu bán theo giá chính quyền đã ấn định vẫn được ngồi mát ăn bát vàng có vô số kẻ hầu người hạ, vô số kẻ che đậy cho tội lỗi. Chính sách kinh tế chỉ huy như vậy có đi tới đâu không ? Người ta phải hỏi : số vải mua về là bao nhiêu ? bán ra cho dân chúng là bao nhiêu ? Còn bao nhiêu không bán ? Tại sao không bán ?

Việc thiết lập một vài thí điểm bán vải cho dân chúng là đứng trên mọi tình thần phục vụ hay là chỉ để che mắt thể gian

(xem tiếp trang 35)

Đồng Dao Việt - Nam

NGOÀI những câu ca dao phát huy âm nhạc văn nghệ và tâm tình chúng ta còn được những câu đồng dao, những câu ca dao do trẻ con hay truyền tụng lại xa xuôi huyền diệu thảnh thơi còn liên quan đến tình thế thịnh suy của quốc gia dân tộc.

Như câu : « một mình lo bảy lo ba » mà sử liệu thức đã đăng và phân tách kỹ.



Hôm nay chúng ta hãy thảo luận câu :

Giang nam nổi tiếng thần đồng,

Gia mo chìm nổi giữa giòng Tắc giang.

*Trang An Lạc ca dao xin đón
nhân mọi hợp tác bài vở về ca
dao tục ngữ thuần túy Việt Nam*

NGƯỜI THỨC

Câu đồng dao này hễ người Bắc thì ai ai cũng thuộc lòng và đã biến thành bản nhạc trong lúc chèo đò, ru con già gạo và nhất là người địa phương Giang nam. Vì người ta tin tưởng rằng : tại Giang Nam sẽ có một vị thần đồng xuất hiện làm cho xứ ấy tiếng tăm nổi như cồn và ở địa phương ấy lại có giòng sông Tắc Giang rất đẹp, hai bên bờ người ta cất nhà ở, có trồng cây lập vườn, trong vườn có trồng cây, nên cảnh một cái mo cau mà rơi trên mặt nước Tắc Giang ấy là lẽ thường và rất nên thơ khi nhìn thấy giòng nước cuộn trôi cái mo cau lúc thì chìm lúc thì nổi. Hai chữ chìm nổi tạo một âm điệu về nhạc khiến người

nghe, người hát đều cảm khoái và thích thú nhưng không ngờ cũng hai chữ ấy mà sau một thế kỷ lại làm cho người địa phương phải rợn người run lên khi nghe câu hát có hai chữ « chìm nổi».



Câu ca dao ấy xuất hiện lâu lắm, truy nguyên ra người ta ngờ rằng xuất hiện từ tiền thế kỷ thứ 19 hoặc vào hồi cụ Trạng Trình. Người địa phương từ già đến bé đều thuộc và thường hát. Mãi đến năm 1945 câu hát ấy đem lại cho người địa phương một cái ngạc nhiên. Là vì ở Giang-Nam không xuất hiện một vị thần đồng như người ta tưởng trái lại xuất hiện một anh chàng tên là Trần Đồng và chỉ là nông - phu.

Nguyên ở nơi này ông Hoàng cao Khải là ông Hoàng Gia-Mô theo Tây, hành hạ dân chúng, con cụ Khải được quyền thế cha làm cho bao nhiêu người khổ lụy, ai ai cũng lắc đầu lè lưỡi nhưng không dám h é môi, vì h é h é môi là bị bay đầu, quyền thế của bạo quyền luôn luôn lấn át người dân lương thiện, nhưng đâu có thể mãi mãi như vậy được và nếu mãi mãi như vậy thì đâu còn là chọn lý và gây nhân ác bị hưởng quả chẳng lành, câu ca dao trên lại được phù hợp.

Trần Đồng nông phu vì quá uất ức nên chém chết con cụ Hoàng cao Khải tức là Hoàng gia Mô thả trôi trên giong sông Tắc Giang.

Thần Đồng : đòi lại là Trần Đồng,

Da mo : đòi lại Gia Mô.

— *Việt Nam nổi tiếng Trần-Đồng*

— *Gia Mô chìm nổi giữa giong Tắc-Giang*

Ôi thật linh diệu thay cho nhân quả và cũng hiệu nghiệm thay lời của câu ca dao mẫu-nhiệm.

NGƯỜI THỨC

NGƯỜI

MỸ

Đại-Dức

THÍCH-THÔNG-BỪU

NHIỀU LUẬN THUYẾT QUANH NGƯỜI MỸ TẠI VIỆT-NAM

- MỸ LÀ ĐẾ QUỐC XÂM LĂNG
- MỸ LÀ CHIẾN SĨ HÒA BÌNH CỦA NHÂN LOẠI
- MỸ TỰ CHO MÌNH LÀ ÂN NHÂN CÁC NHƯỢC TIỂU

VÌ ba luận thuyết khác nhau nên mỗi bên đều bênh vực cho mình, đôi thời thì người dân Việt-Nam phải chứng kiến và bị nghe đau óc, nào là chữi Mỹ, thân Mỹ, Mỹ đúng, Mỹ bậy, Mỹ tốt, Mỹ xấu, Mỹ dã man, Mỹ nhân đạo, Mỹ lịch duyệt, Mỹ dê hèn v.v... nghĩa là vân vân.

Còn về phần người Mỹ thì đeo cái cục tự ái nặng hằn tạ ở trước cổ, luôn luôn vỗ ngực nói rằng chúng tao là chủ nhân ông. Chúng tao đem nhân tài vật lực sang giúp VN tụi mày không mang ơn chúng tao.

Thế là ba luận thuyết và ba thành phần càng ngày càng đào sâu hố chia rẽ; chưa ai tìm được luận thuyết của nguyên-lý chân thật theo công thức « quy-nạp-luận » hoặc « phân-chứng-luận » để đánh tan « tam-đoạn-luận » hầu giúp ích cho nhau, thông cảm nhau, cùng nhau hưởng niềm an lạc.

Mục đích loạt bài này là đưa nguyên lý sự thật về với sự thật phá ba luận thuyết sai lầm đã xảy ra hơn mười năm qua trên mảnh đất Việt Nam.

Luận thuyết này với nhan đề là :

VIỆT NAM AN NHÂN CỦA MỸ QUỐC

Ý kiến mới và đường lối mới thiết thực loạt bài sẽ giúp hai dân tộc Mỹ Việt hiểu nhau mà giao hảo nhau cho phải đạo làm người đang sống chung trên một quả đất, đều có một thứ nước mắt và máu đỏ như nhau.

Trước khi bàn đề tài : «Việt Nam...là ân nhân của Mỹ quốc» chúng ta cũng nên đem ba điểm trên mà bàn sơ qua để cùng nhau nhận xét.

— *Luận thuyết thứ nhất* : Mỹ là đế quốc xâm lăng đúng hay sai ?

Bồn phận người cầm bút hoặc những phê bình gia phải công tâm đặt hai chữ thiên chấp ra ngoài trước khi vào công việc.

Nơi đây chúng ta khách quan mà nhận xét thì Mỹ không phải là một đế quốc xâm lăng. Vì sao ? Chúng tôi đưa ra một giả-thuyết để làm chứng minh rằng người Mỹ không phải là đế quốc xâm lăng : Khi một người thành giàu có bạc tỷ nhìn một buôn (làng) thượng du thấy sự giao thiệp với người thượng du có lợi gấp bội phần nghĩa là chỉ đem một ve dầu chải tóc 5đ. sẽ đổi được chai mật ong trị giá 200đ. đem 1 cây kim đổi được một quả mít, đem một xâu cườm đá đổi được một số gạch nai (sừng nai) v. v...

Nói tóm lại buôn bán với người Thượng vốn một lợi trăm lợi ngàn. Cái lợi to lớn ấy nó sờ sờ trước mặt thật song chỉ đối với anh chàng lái buôn nhà quê chứ còn đối chú Tỷ phú kia thì nhất định là chú không ham. Ham sao được với những sự gian lao nguy hiểm, nào là phải cuốc bộ hàng trăm cây số đường rừng vắng cản gai đâm, chim kêu vượn hú, loài hồ báo rập rờn nào là sợ ngải

sợ thứ nào là ăn đồ uống bẩn ăn loại mắm quế (một loại mắm làm bằng ruột bò hoặc ruột heo, bỏ nguyên cả đùn vào ống lồ ô, cả non lẫn già cả cứ không rửa, chỉ bỏ vào chút muối rồi đập nút đem treo gác bếp. Mắm ấy người Thượng được xem là một bảo vật vô giá, chỉ khách quý nhất mới được dích một xí quẩy nấu canh với lá mì. Ôi chúng ta cứ mường tượng khi ống mắm ấy dở ra chúng ta đã ói tới mặt xanh, chứ đừng nói đến ăn. Thế mà không ăn thì họ nói mình khi họ, sẽ bị tuyệt giao và họ dùng đủ mọi hình thức hại mình.

Nước Việt Nam ta đối với người ngoại Quốc cũng thế, nếu qua mắt của các nước có óc thực dân hoặc các nước đất chật dân nhiều thì họ thêm muốn Việt-Nam lắm, họ thêm muốn như anh chàng lái buôn nhà quê nhìn làng thượng du kia vậy. Trái lại người Mỹ nhìn Việt Nam lại là khác vì nước Mỹ một nước quá ư đầy đủ đời sống tự do, của một chính thể dân chủ. Khí hậu mát mẻ, ăn ở hợp vệ sinh. Còn Việt-Nam thì : thành phố rác lên ngập mũi thôn quê nước đọng bùn sinh, cửa nhà lụp hụp, khí hậu nóng quanh năm như thiêu như đốt; ăn uống thiếu sinh tố, ở mất vệ sinh; ấy là chưa kể đi ra nữa bước là bị ám sát, bị trúng mìn, tánh mạng phải luôn luôn đặt trong tình trạng nguy nan và báo động thể mà lại còn bị ám sát, bị trúng mìn, tánh mạng phải luôn luôn đặt trong tình trạng nguy nan và báo động thể mà lại còn bị chửi bị xua thường gặp những chuyện buồn đau và nhục nhã.

Có người nói Việt Nam giàu có về lâm và khoáng sản nên người Mỹ ham. Ấy là câu nói thiên cận vì cái giàu của Việt Nam chỉ đối với người Việt-Nam mà thôi so với Mỹ một nước mà ết xằng cả biên. Sát chỉ đồng quận cả núi to, đất rộng dân sang họ ham xâm lăng chỉ một nước bé nhỏ nghèo nàn chậm tiến để họ bị hao chết hàng bao nhiêu nhân tài vật lực;
. Những chứng minh trên tạm cho ta thấy Mỹ không là đế quốc xâm lăng.

Luận thuyết thứ hai : Không đế quốc xâm lăng thì thần tượng của hòa bình !

.....
Đồng ý là Mỹ mang rất nhiều tiền của lẫn xương máu đổ vào để giúp các nước nhược tiểu trong ấy có Việt Nam. Nhưng
..... giúp các nước nhược tiểu và Việt Nam, nếu người Mỹ tự ái và cho mình là anh nhà giàu mang tiền đến giúp cho bọn nhà nghèo thì người Mỹ chưa biết gì chính trị cả.

— Người Mỹ và các vị có trách nhiệm muốn hiểu địa vị mình ngang đầu. Xin đón xem số tiếp nhan đề : **VIỆT NAM LÀ AN NHÂN CỦA MỸ QUỐC**. Một tài liệu giúp người Mỹ hiểu rõ nhiệm vụ của mình và giúp người Việt hết oán thù người Mỹ.

Đại đức : THÔNG-BỬU

Lại một năm qua

Đã thấy hài Xuân lững thững về,
Men sầu ly loạn lười còn tê.
Rừng đau cây gục bờ Nam Bắc,
Đất khóc mây ôm mộng Sở Tề.

Giác lẽ hương quan hồn lạc lõng,
Chợ chiều nhân thế bóng lê thê.
Ngàn hoa chưa kịp thay màu áo,
Đã thấy hài xuân lững thững về.

ĐAN-QUẾ PHÙNG-ĐÌNH-LIỄN

Thi-sĩ HỒ-THÁU

HỒN THƠ TRONG MÀU MẮT QUÊ HƯƠNG

THÙY-DƯƠNG-TỬ

ĐẤT VIỆT có những thiên tài được khai sáng thì cũng có những thiên tài bị quên lãng, hay nói đúng hơn là thiếu môi trường

Vì những lý do đó — con người văn nghệ hôm nay, xin quay về quá khứ để tìm lại dấu vết của lớp người đã bị chôn vùi thân thể trong khói lửa — bị ngộ nhận giữa người và người.

Chúng ta không thể nào phủ nhận được phẩm trị của thi sĩ tiền chiến hoặc kháng chiến.

Họ đã chết hay còn sống đều mang một quá trình cách mạng chân chính.

Ngót một ngàn năm dân Việt đã bị gông xiềng người Tàu và chuyển tiếp Pháp đô hộ một trăm năm — Bao nhiêu máu để dành lại nước Nam này ? Bao nhiêu cực hình, bao nhiêu gian lao của con người cách mạng gục xuống,

dĩ nhiên bằng gươm đao, bom đạn.

Đề chống ngoại bang cướp nước — người Việt cách mạng nhiều bình diện : cách mạng bằng vũ khí, bằng văn thơ, bằng đủ hình thức không ngoài mục đích: giải phóng quê hương.

Trong lãnh vực này tôi gạt bỏ vấn đề chính trị qua một bên. Đề chúng ta cùng nhận chung tiếng Thơ Tiên và KC trong phạm vi văn nghệ này.

Đề mở đầu chúng tôi xin giới thiệu :

Hồ Thấu, danh từ này không có một âm hưởng sâu đậm nào cả, hay bị hồ hững với thời gian của mọi người điều này dễ hiểu vì Hồ Thấu là một nhà cách mạng và cũng là một thiên tài thực chất của thi ca bị chết trong âm thầm trong câm lặng.

Suốt đời Hồ Thấu chỉ phụng sự cho cách mạng nhưng bản chất văn nghệ của Hồ Thấu chứa chan tình cảm, cái tình cảm bằng bạc mông mênh của con « người » và con người cùng chí hướng.

«Đi cuối dặm đường mới gặp
anh

Tình trong khói lửa nơi thương
tình

Thành Đà mấy dặm vui trăng
gió

Đất Quảng đường mòn gót
chiến chinh»

Hồ Thấu có một giọng thơ kỳ lạ và đặc biệt của ông mọi người đều dễ thông cảm nhất là trong thời chiến.

Chân anh lụy rồi chân em đi
Lửa đời đang cháy có buồn chi
Chỉ ta nối nhau trời tiếp bề
Vinh biệt từ đây không mất
lệ

Không bóng hoàng hôn trong cõi
lòng

Âm thanh diu vợi đọc lên chúng ta thấy chan chứa tình người và người của thời máu lửa.

Hồ Thấu có một nhân sinh quan kỳ lạ một triết lý mâu thuẫn ông ghét đời, ông yêu đời ông từ bỏ đời rồi ông chấp nhận đời.

Với đời ta chết từ lâu
Với ta đời vẫn một màu tươi
son»

— Suốt đời Hồ Thấu với hai bàn tay trắng chối bỏ tình yêu để làm cách mạng — nhưng tình yêu của Hồ Thấu là tình yêu bao la :

Ái ân chưa bận tắc lòng
Bạc tiền chưa bận, túi không
bao giờ.

Nhưng ông rất yêu đời :
«Trông đời chỉ đẹp và thơ
Yêu đời dù đến gần ngơ
cũng đành»

Mắt say hộp mành trời xanh
Miệng say uống ngọn gió lành
bốn phương
Phút giây hút trọn nhụy
hương

Tơ trăm xưa trước nghề thương
mai sau

Ông cảm thấy đời bạc bẽo đau khổ quá nhiều thương mọi người, mang ách thực dân do đó ông ra làm cách mạng như một đứa trẻ không cần suy luận lợi hại cho mình, không sợ chông gai nguy hiểm hẹn một tương lai tươi sáng.

«Lên đường như đứa trẻ thơ
Kề gì nguy hiểm bụi bờ chông
gai

Một lòng tin chắc tương lai
Trời xanh, thơ đẹp không ai
riêng mình»

Tới đây, tôi xin nói một

trường hợp kỳ lạ của Hồ Thấu trước khi chết.

Sau những ngày phục vụ cho quê hương, Hồ Thấu bị lao nên ông về ở trong một cái miếu gần bờ biển Tam-Thanh An-Hòa thuộc tỉnh Quảng Nam nay đổi tên là Quảng Tín.

Ấm Kỳ là một đồng chí trí kỷ của thi sĩ Hồ Thấu. Sau những ngày cộng tác mệt nhọc Ấm Kỳ về thăm Hồ Thấu lại đúng lúc Hồ Thấu đang hấp hối, ông gặp Ấm Kỳ, bỗng Hồ Thấu tỉnh táo lạ thường bảo Kỳ đem giấy bút ra, ứng khẩu đọc cho Kỳ chép một bài thơ, dứt tiếng đọc ông ngã xuống chết. Dù Ấm Kỳ là nhà cách mạng từng trải những bài thơ đã làm cho ông khóc suốt mướt cũng như kẻ viết bài này cũng đã từng bùi ngùi vậy.

Sau đây tôi xin trích nguyên bài thơ ấy đề mọi người chúng ta thưởng thức và tôi hy vọng rằng một mai thi đàn Việt Nam không quên Hồ Thấu một nhà cách mạng, một thi sĩ chân tài của Việt Nam đã mệnh yểu 1948 và để lại một bài thơ bất hủ cho đời. Bài thơ âm điệu tình ý chan chứa hào hùng. Một bài thơ kỳ lạ của kẻ hấp hối phun

ra trước khi ngã gục. Nói đúng hơn trường hợp tạo nên một bài thơ tuyệt tác.

GỢI KỶ

Kỳ ơi ta chết rồi đây
Huyết chờ bên mộ kiếp này phụ
nhau

Tiệc vui tóc vẫn xanh đầu
Ga đời còn mấy chuyến tàu nhạc
hương

Nhưng thôi ta ngã giữa đường
Dưới trên mặt đất sầu thương
cũng rồi

Chiến trường ai khóc chia phôi
Khải hoàn ai nhắc đến người
hôm qua

Chờ đây ôn lại đời ta
Một đời trong trắng như hoa
giữa đồng

Ái ân chưa bận tắc lòng
Bạc tiền chưa bần, túi không
bao giờ

Trông đời chi đẹp và thơ
Yêu đời dù đến gần bờ cũng
đành

Mắt say hớp mãnh trời xanh
Miệng say uống ngợp gió lành
muôn phương

Phút giây hút trọn nhụy hương
Tơ trăm xưa trước nghề thường
mai sau

Thấy đời còn quá khổ đau
Mắt xanh sâu nhớ những màu
đục như

Lên đường như đứa trẻ thơ
Kề gì nguy hiểm bụi bờ chông gai
Một lòng tin chắc tương lai
Trời xanh, thơ đẹp không ai
riêng mình

Kỳ ơi ! chim hót rất thanh
Khi đời thức giấc gió lành im
hơi
Mình ta lặng ngắm mảnh trời
Sao khuya tỏ thể trao lời đêm
thâu

Với đời ta chết từ lâu
Với ta đời vẫn một màu tươi
son
Năm nay thân đã héo mòn
Miếu con là mộ giương con là
hòm

Mắt vừa ngừng cửa hoàng hôn
Trông dây giải đất linh hồn
hồi sinh
Mai tàn giấy với bình minh
Trông ra trời đất thấy mình còn
đây

Ở cùng hoa lá cỏ cây
Trần gian thêm nặng những
ngày lênh đênh
Mai kia rộn bước đời lên
Chiều về bóng mát gió hiền trái
sây

Chiều lui vàng đỏ xuống đây

Tưng bừng khắp nẻo đời say
bóng đời
Đêm về nghe nhạc lên khơi
Quanh ta ngã trúc ngủ lời ca
vang

Hồn ru theo bước nhịp nhàng
Ta nằm thiếp giữa thênh thang
biển tình
Giấc nồng khuya tỉnh chiều thanh
Nghe đời với vợ cháu thành
người đi

Triều lên bốn bề uy nghi
Đồng bào đang diệt tà phi bạo
cường

Bạn thân đều đã lên đường
Anh em những quyết lấy xương
quân thù

Ngày mai rồi hết âm u
Quanh ta lửa hận mịt mù cháy
lên

Cháy lên cho vỡ màn đêm
Cho trong mắt ngọc cho êm nhạc
huyền

Cháy lên cho sạch ưu phiền
Cho lòng tươi sáng cho duyên
đượm đà

Cháy lên cho nở ngàn hoa
Cho người xứ xứ kết hòa tình
thương

Cháy lên cho khắp mười phương
Sáng soi vũ trụ mở đường trần
gian

Kỳ ơi! chừ nhớ trăng ngàn
Nói gì với bạn cho tàn đêm thâu

Mắt ta khô lệ từ lâu
Mà lòng vẫn thấy tủi sầu nhân
gian

Chết đi như khách qua đàng
Ôm đầy hoa lá giàu sang xuống
mồ

Chiều lên theo nẻo đẹp thơ
Ra đi chỉ tiếc cuộc cờ thiếu tay
Lên đường vắng bước mà say
Ta vừa thiếp giữa sáng đầy bình
minh

Kỳ ơi! chừ bạn với mình
Nói gì thêm nữa mối tình chưa
chan

Biết nhau duyên đã muộn màng
Tri âm chưa mấy vội vò chia ly
Thơ ta Kỳ hãy ngâm đi
Tơ trần xưa trước giọt tỳ ánh
trắng

HỒ-THẤU

1948

GỢI NGƯỜI EM

Sau đây các bạn hãy thường
thức ít thi phẩm của Hồ Thấu.
Thơ, Hồ Thấu có nhiều âm điệu
kỳ lạ

Chân anh lụy rồi chân em đi
Lửa đời đang cháy có buồn chi
Chi ta nối nhau trời tiếp bề
Vinh biệt từ đây không mất lệ
Không bóng hoàng hôn trong cõi
lòng

Buồn đi rồng rã nước mệnh mong
Lớp lớp người lên hồn chan chứa
Mỗi người một phương hồn khói
lửa

Chân em hãy bước kịp chân
người

Đề mặt anh nằm dưới cỏ tươi
Quân thù hôm nay khắp trận
mạc

Còn vang trò chi đường tội ác
Máu đào đương chảy em thấy
không

Tình chẳng riêng anh mà bạn
lòng

Chân em hãy dẫm lên bạo ngược
Hãy nhìn trời xanh mà thẳng
bước

Con đường chiến đấu đẹp lắm
em

Có ngày bốn bề sóng thấu đêm

Rồi có bình minh thù ngã gục

Loài người đứng lên cùng một
lúc

Cao vút trời xanh toàn vẹn
người

Vẽ đời đang chảy mạch xuân
trời

Chừ đây sương mai loan ánh
máu

Thú dữ đêm tàn còn nường nấu

Nên màu hoa cỏ ngời hy sinh

Có người đương chết dưới trời
xanh

Có kẻ bước lên trong bão tố

Không một lời than trên bờ mộ

Em dẫm chân đi rập chân người

Vì lửa hồng lên đường reo vui

Đường đi hoa nở theo bước chân

Giấc ngủ bữa cơm hoang chiến
trận

Em giữ nụ cười giữa giao tranh

Rồi nhìn trời biết thấy lòng anh

CHIẾN TRẬN XA RỜI ANH Ở ĐÀU

Đi cuối dặm đường mới gặp anh

Tình trong khói lửa nơi thương
tình

Thành Đà mấy dặm vui trăng gió

Đất Quảng đường mòn gót chiến
chinh

Bát ngát tình anh là bề cả

Em nằm thuyền đợi lướt giong
sông

Nhớ khi quán nước bên chân núi

Câu chuyện tương lai gió quạt
màn

Nhớ lúc lao đao trên trận tuyến

Đèn khuya chung bóng súng cầm
canh

Trên đường những trường chung
chân bước

Có giờ hôm nay lại biệt tình

Gió lộng anh bay trời vạn dặm

Em nằm buồn tủi phút điêu linh

CỬA BIỂN AN HÒA ĐÀU NHỚ BẠN

Bạn đau nằm bến sông Thu

Ta đau nằm bến sa mù biển Đông

Bạn buồn ra ngắm núi sông

Tơ buồn ta ngắm mệnh mong
nước trời

KỶ SAU : Hồn Thơ

TRẦN QUANG DŨNG

Vấn-đề kinh-tế V. N.

(tiếp theo trang 21)

rằng chính quyền vẫn sẵn sóc luôn luôn tới dân chúng ? có bao nhiêu môn bài xuất nhập cảng và bao nhiêu môn bài bán lẻ ? Nếu chỉ cần một hai thí điếm là đủ bán vải cho dân chúng rồi thì cho khai nhiều môn bài bán vải đó làm gì ? Đề chánh phủ có nhiều thuế hay đề các môn bài đó bán chợ đen ?

Nói về chuyện mặc, tức là về lĩnh vực vải vóc thì như vậy, bây giờ chúng ta thử bàn qua chuyện gạo, rau than, củi, thịt cá v. v... chúng ta thấy rằng cũng đã từ lâu từ hồi họ Ngô tại vị, người dân Việt Nam nếu không phải nhân viên hợp tác xã không quyền buôn gạo, buôn than, buôn rau... Tất cả đều thuộc quyền Hợp tác xã. Vì vậy gạo mới từ 250đ, lên 800đ. Nhưng từ ngày ba anh em họ Ngô bị diệt. Hợp tác xã cũng chưa thấy nói đến giải tán, Hợp tác xã than và rau cũng thế. Vậy mà tự nhiên gạo từ 800đ. lên 1.500đ, một tạ thì ai cho lên ? vì nguyên nhân nào gạo lên giá ? Hợp tác xã có đề làm gì ? Lúa gạo tích trữ đề tồn kho ở đâu ? Bộ kinh tế phải hỏi cho ra, chính quyền phải hỏi cho ra. Không thể chỉ có những biện pháp tắc trách rồi nói đầy và

tỳ ra đấy chẳng làm gì cả. Dân chúng thì thăm : gạo lên giá sau vụ. ciment... tại nhân viên chính quyền thông đồng với gian thương hay tại Việt Cộng, hay bọn hợp tác xã nhân nước đục muốn làm chuyện béo cò đề bóc lột dân đô thị ?...Muôn ngàn câu hỏi được đặt ra... câu trả lời không bao giờ có... Những kẻ phá hoại kinh tế quốc gia không bao giờ bị trừng trị... Chuyện lạ nhất là ở giữa một vựa thóc to nhất nhì Á đông, trên một địa hạt thật là nhỏ bé không bằng một quận huyện của một xứ khác, mà sự kiểm soát đến nỗi không nể, mà đề nhân dân phải không có gạo mà ăn, thì những kẻ có trách nhiệm tưởng nên phải suy nghĩ sâu xa mới phải !!! Những biện pháp đưa ra phải thiết thực đừng có làm theo lối tắc trách và lấy lệ.



IV.— Những thông cáo vô trách nhiệm thường được đưa ra như xúi giục gian thương đầu cất hàng hóa

Nghe kể lại những biện pháp của các chính phủ đã thi hành đề chống gian thương và đề kiểm soát giá thị trường chưa thấy thú vị bằng đọc những Thông cáo của các nhân viên của bộ kinh tế đưa

đăng báo trong khoảng hai năm gần đây... Có lẽ trong những lúc ấy, hoặc vì quá nhàn rỗi không có việc gì làm, có lẽ muốn thử xáo trộn kinh tế thử chơi xem sao, có lẽ có một nhân viên nào cho rằng tháo khoán một vài giá cả trong nền kinh tế chỉ huy này là một hành động cách mạng, có lẽ trong lúc từu hậu trà dư một ông cao cấp nào muốn làm vừa lòng mấy ông Ba Tàu mà xét ra hậu quả chưa thấy có gì nguy hại ngay, một thông cáo cho ra được bán thịt theo giá tự do không cần phải theo giá ấn định của chính phủ. Dân chúng tự hỏi cái thông cáo này có ý nghĩa gì : Tại sao lại tháo khoán như vậy giá thịt sẽ hạ hay tăng? Tăng thì lợi cho ai? hạ thì lợi cho ai? Ai cũng có thể trả lời ngay tăng thì lợi cho Ba Tàu, hạ thì lợi cho dân chúng. Trong thời buổi chiến tranh tiếp diễn này thì mọi việc chỉ có tăng chứ không có hạ, thế thì việc cho phép hàng thịt bán giá không kiểm soát nhằm mục đích gì ?

... đặt ra nhiều câu hỏi. Một thí dụ thứ hai nữa là sữa Guigot nếu chính phủ không muốn mua cho dân chúng dùng sữa nữa thì thôi, hà cớ phải rêu rao lên bích chương rằng chính phủ sẽ không

mua nữa làm cho sữa đường ở thị trường vì thông cáo trên mà hóa ra đi đâu mất sạch. Làm như vậy có khác gì xúi gian thương dẫu sữa đi để mà bán chợ đen hay không. Một thông cáo khác lại còn có mệnh lâm xuyên tạc ý định của nhà cầm quyền như mới đây chính phủ bảo sẽ tăng thuế xa xỉ lên 30% thì có thông cáo đưa ra nói sẽ tăng 300% và tất cả các thứ hàng nhập cảng khiến cho ngay ngày hôm sau hàng hóa đùn đùn lên giá. Những kẻ gây ra việc xáo trộn thị trường ấy chính quyền có trừng trị hay không ? hay là vẫn cái kiểu «đi hòa vi quý» THƠ cũng thế mà KHÁNH cũng thế, cũng là bọn Ngô đình Diệm cả, bới nhau ra làm gì.

Muốn cho cục diện không còn xảy ra những điều lảm lỏi, không có gì hơn là phải thay đổi tất cả nhân viên bộ kinh tế, từ nhân viên cao cấp cho đến tùy phái, dù họ trong sạch đến mấy đi chăng nhưng họ đã phục vụ kinh tế Việt nam trong hồi Diệm, Thơ, thời đen tối và bẩn thỉu nhất, những bọn sửa đép vườn dưa vẫn là một mối nghi ngại cho tất cả mọi người, tốt hơn hết là nên chọn lớp người khác, rồi cứ hai năm lại một thuyền chuyền, khiến cho bao nhiêu mảnh lối đều chưa kịp thì thổ thì đã

đến kỳ thuyền chuyễn. Như vậy cho tài đến mấy cũng không ai thủ đoạn đề cho guồng máy kinh tế trong nước phải ở hoàn cảnh bị dặt như hiện tại, hoàn cảnh gây ra không phải do thời cuộc, mà chính do bọn tay sai cũ của Diệm, Thơ, luôn luôn chỉ muốn đục nước béo cò.

Đối với bọn ấy, chính quyền phải biết thẳng tay, quốc dân không thể nhân nhượng. Sự nhân nhượng hay là nhu nhược trong hai năm vừa qua đã cho ta một bài học quá đích đáng hại người hại của, lỡ cả thời cơ.

V.— Tình trạng chiến tranh quá kéo dài, kèm theo :

- a) Nạn khai hoang
 - b) Sự bao vây kinh tế của VC
 - c) Sự ngăn chặn lưu thông các cơ quan hành chính địa phương
- o O o

Mặc dầu với tiền viện trợ Mỹ, hàng năm rót vào ngân quỹ Việt-Nam, đời sống dặt dỏ của người dân Việt, trong vòng hai mươi năm nay, vẫn cứ vùn vụt gia tăng. Chúng ta đã thấy nguyên nhân căn bản là về phía chính phủ, không có một chính sách kinh tế quốc gia, đường lối kinh tế hiện tại mà chính phủ cho thi hành vẫn

là đường lối kinh tế từ hồi thực dân để lại, hình thức tuy có thay đổi chút ít, không một ai có một sáng kiến gì mới mẻ, một chủ trương gì xứng đáng đứng trên cương vị quốc gia dân tộc mà hành động, thành ra bọn con buôn lại có dịp đầu cơ trục lợi, bóp nghẹt đồng bào. Nguyên nhân thứ hai cũng không kém phần quan trọng là trong khi tất cả các quốc gia trên thế giới sau cuộc đệ nhị thế chiến được chăm dút, được sửa soạn đã hàn gắn những cảnh tàn phá thì Việt-Nam lại bắt đầu rơi vào cảnh máu lửa tơi bời, hàng triệu thanh niên ưu tú đáng lẽ được đứng ra kiến thiết xứ sở đồng ruộng, rồi, rừng rú, rồi làng mạc rồi cầu cống... đáng lẽ giúp ích cho quốc gia trên bao nhiêu nhiệm vụ, cũng vì mục đích chiến tranh mà rồi bị đốt phá... thực là thể thảm.

Ảnh hưởng của chiến tranh vào kinh tế có phải là nhỏ đâu ? nào chỉ có thế mà thôi đâu ! Ít lâu nay Mỹ còn dùng các chất hóa học vào trong kỹ thuật chiến tranh ở Việt Nam trong đó chúng phải kể tới bột khai hoang.

Bột khai hoang

Đề ngăn cản Việt cộng không

cho nấp vào các bụi bên đường phục kích, người Mỹ đem bột khai hoang rắc trên các bụi cây. Việc rắc bột này, chắc chắn đã làm cho Việt cộng khốn đốn một độ và Hoa kỳ cùng chính quyền Việt Nam (thời Ngô đình Diệm) lấy làm đắc sách lắm, nhưng chiến thuật nào có hay cũng chỉ hay có một thời gian, rồi đối phương lại tìm cách khổng chế được ngay, bằng chứng là từ khi rắc bột khai hoang V. C. vẫn còn tồn tại, và phương pháp chống đối của V.C. vẫn còn. Chúng ta hãy bàn tính xem có nên cho tiếp tục rắc bột khai hoang nữa hay không. Việc rắc bột ấy có lợi cho chiến thuật thể nào và có hại cho dân chúng thể nào, nhất là về phương diện thóc gạo thật là vô kè.

Về phương diện chiến tranh khi đã nói tới chiến thuật thì phải tuyệt đối bí mật một khi mà đối phương biết được chiến thuật du kích của mình tất cả chiến thuật cũ đều phải thay đổi. Muốn phục kích người ta có thể đào những hố cá nhân, giả danh làm nông dân cày ruộng, tiêu phu kiếm củi hay lắm khi thường dân tỵ nạn, rồi xuất kỳ bất ý tấn công. Một chiến thuật nào đã dùng tới hai ba năm đều trở thành lỗi thời và

ít khi đắc dụng. Vả chẳng áp dụng một chiến thuật nào cũng vậy chúng ta phải lưu ý tới xem, nó có làm thiệt hại tới nền kinh tế của dân chúng địa phương không thì ta hãy nên tiếp tục. Chiến thuật khai hoang trong mấy năm vừa qua hại cho nông dân Việt không biết bao nhiêu mà kể. Những bột rắc trên ngọn cây có phải làm chết ngay cây cối khu đó mà thôi đâu, có thể những bột rắc vào cây một phần ở lại một phần có thể theo gió mà bay tới các cánh đồng lúa các vườn trồng cây ăn trái

không bao giờ như vậy nhưng dân chúng hiện nay tin tưởng như thế và sự tin tưởng ấy có hại không nhỏ cho công cuộc chống Cộng. Việc bột khai hoang làm hại mùa màng không phải bây giờ sau cảnh thóc cao gạo kém mới có người nói tới, mà từ trên nửa năm nay khi cây thóc còn non, khi mùa trái cây bắt đầu sinh ra ít trái, dân quê đã xôn xao bàn về cái hại bột khai hoang rồi. Đề đề phòng sự thất nhân tâm, chính quyền Việt Nam tưởng không

· · · KIỂM DUYỆT · · ·

Cái gì người Mỹ làm, chúng ta có phận sự khuyên đừng làm, cái gì

có hại cho dân tộc và cho đường lối chống Cộng chung, chúng ta có nhiệm vụ hết sức ngăn cản để việc đó không thể xảy ra được. Có thể lúc ban đầu người Hoa kỳ rất khó chịu về thái độ của chúng ta, nhưng một khi họ đã hiểu thì mọi sự đều êm đẹp cả, đối với nhân dân và lịch sử, chúng ta không phải ân hận điều gì.

b) Việt Cộng bao vây kinh tế—

Chiến thuật bao vây kinh tế và cô lập hóa các đô thị là chiến thuật chủ yếu nhất của V.C không ai là không biết, một chính quyền biết lo cho dân chúng không bao giờ bị mắc vào trong cạm bẫy. Việt Cộng đứng vào thế yếu, chúng ta đứng vào thế mạnh, Việt Cộng phải lần lút, chúng ta được công khai hoạt động. Chúng ta sợ thì Việt cộng tham gia chúng ta tiến thì Việt cộng lùi. Muốn chống cộng, không bao giờ chúng ta được e ngại rụt rè không gì chúng ta bị chùn bước trước hiểm nguy, Việt cộng bám lấy dân mà sống chúng ta đừng bao giờ xa dân. Việt cộng đe dọa dân chúng chính quyền phải bảo vệ dân chúng Việt cộng xúi dân chúng không được tiếp tế cho đô thị, chúng mang thóc sản ra bán tại đô thị, Việt cộng thu thuế của dân, chúng ta phải tìm mọi phương tiện mọi

biện pháp khiến cho dân không bao giờ chịu đóng thuế cho Việt cộng, chúng ta phải tìm hiểu tất cả mảnh khoé của Việt cộng ở thôn quê, mỗi một mảnh khoé của Việt cộng ở thôn quê, mỗi một mảnh khoé của họ ta lại phải có một biện pháp chống lại khiến cho Việt cộng khó lòng thi thố tài năng nhân dân thấy chúng ta không bỏ họ, hơn nữa họ đi với chúng ta được lợi đủ điều, họ sẽ không đại gì mà đi đôi với Việt cộng. Một khi họ trung thành với chính phủ, thì Việt cộng lần lút ở đâu họ sẽ báo cáo ngay chính quyền. Việt cộng không thể xúi dục dân chúng không đóng thuế hay không mang hàng ra các nơi đô thị. Chúng ta càng săn sóc tới dân bao nhiêu, dân càng theo chúng ta bấy nhiêu chúng ta không lo săn sóc tới dân, và lúc nào cũng nghi ngờ dân theo Việt Cộng thì dân sẽ cùng với Việt cộng bao vây kinh tế đô thị. Vì vậy muốn ngăn cản cuộc chiến tranh kinh tế do Việt cộng khởi xướng. Chúng ta chờ bao giờ rồi bỏ nông thôn, nghĩa là chúng ta phải săn sóc dân chúng ở nông thôn cũng như là chúng ta săn sóc dân chúng đô thị, đừng cố bao giờ để cho quân lính hay những nhân viên hành chính nông thôn quen thói ức hiếp dân lành bắt nạt

đàn bà con gái, như vậy nông thôn sẽ mãi mãi về với chúng ta và Việt cộng dù mưu thần chước quỷ đến đâu cũng đành bỏ tay mà thôi vậy.

c) Sự lưu thông khó khăn do các cơ quan hành chánh địa phương gây ra.—

Trong việc tiếp tế cho các đô thị, sự khó khăn mà chúng ta gặp phải đều là do các cơ quan hành chánh địa phương gây ra. Câu nói có vẻ đầy mâu thuẫn, có lẽ nào khác quan điểm với Việt cộng như giấy trắng với mực đen, cơ quan hành chính lại cũng nhúng tay vào việc phá hoại kinh tế quốc gia ngăn cản mọi sự tiếp tế tới đô thị? Thực là lạ quá. Không có gì lạ ở dưới gầm trời này cả. Các ngài thử giả hình làm thường dân lái buôn, các ngài hãy tạm đi theo các chuyến xe đò từ Cà Mau tới Bến Hải rồi lại từ Bến Hải về Cà Mau, các ngài hãy đi từ tỉnh này qua tỉnh khác từ thành thị về thôn quê rồi lại từ thôn quê ra thành thị các ngài sẽ thấy bao nhiêu chặng gác, mỗi một chặng gác là một sự phiền nhiễu, gác Việt cộng thì ít, gác lái buôn thì nhiều. Một bà mang gạo từ quê ra tỉnh . . . , câu dọa phủ đầu «Dem tiếp tế cho Việt Cộng hả» chính sách dọa nạt dân chúng vu khống cho dân chúng là Việt cộng kể từ hồi Tây trở lại cho tới hồi bạo quyền Nhà Ngô vẫn còn tồn tại. Đây là mới qua trường ấp, rồi còn qua trường đồn Lân vệ, qua các bót canh, tới đâu

thường ta cũng được nghe thấy câu hỏi «Dem tiếp tế cho Việt cộng hả?» câu nói đùa hay câu hỏi thật, người ta không hiểu, nhưng thực ra đã làm cho người dân quê phải khổ khổ, cô con gái phải thất thân, người đàn bà phải thất tiết... người muốn bán hàng phải lao đao từ quê ra tỉnh thì như vậy, nhưng từ tỉnh này tới tỉnh khác, thì còn thuế nhập thị, thuế chợ, thuế dò, thuế cầu, tiền diêm thuốc các vị thừa hành chức vụ.. Trong một bài báo của Hợp tác xã than trả lời một liên danh tranh cử Tổng thống đã báo cáo chính sách kinh tế độc quyền hại nước hại dân, hợp tác xã đó thừa nhận giá than ở Cà Mau thực sự chỉ có 60đ, một tạ, nhưng về Saigon phải bán 250đ. là vì phải gánh tất cả những thứ thuế má kia.

Mới đây chính phủ có ra lệnh cho các cơ quan hữu trách phải đề tư nhân mang gạo dưới năm tạ về các đô thị được tự do, thực cũng đã hiểu một phần nào nỗi đau khổ của dân chúng trong mười năm trời nay dưới chánh sách kinh tế chỉ huy bóc lột của chính quyền miền Nam, nhưng như vậy chưa đủ, vì còn thuế nhập thị, vì còn các trường đồn, trường ấp, những thành phần như bản của chế độ cũ, dân chúng chưa dám một sớm một chiều dám xông ra buôn bán tự do như thời mười năm trước đây. Muốn cho dân chúng chưa dám một sớm một chiều dám xông ra buôn bán tự do như thời trước

chính quyền nên ra lệnh cho cơ quan hành chính địa phương từ tỉnh, quận đến ấp xã, phải đi từng làng từng chợ, khuyến khích sự buôn bán cho dân chúng khỏi có cái quan niệm cướp đêm là Việt cộng, cướp ngày là quốc gia, thì dần dà việc thương mại mới trở lại bình thường được. Ngoài ra chính phủ cũng nên khuyến khích các tỉnh trưởng bãi bỏ hẳn thuế nhập thị cùng sự phiền hà dân chúng ở dọc đường bớt được chừng nào hay chừng ấy.

Tóm tắt lại muốn cho sự tiếp tế tại các đô thị được điều hòa như trước, bằng đủ mọi phương tiện sẵn có trong tay, các cơ quan hành chính địa phương từ thôn ấp tới quận tỉnh, phải luôn luôn xúc tiếp với đồng bào tại chỗ, khuyến khích họ, cổ vũ họ, nên ra buôn bán với các đô thị như cũ họ sẽ nhận được mọi sự dễ dãi và giúp đỡ của chính quyền. Được sự bảo đảm ấy, dân chúng mới không lo tới những tai nạn bất ngờ thường do các cơ quan hành chính gây ra dân chúng mới dám tính toán tới việc buôn bán và việc buôn bán đó có được liên tục hay không đều do những nhà hành chính địa phương có lo tới an ninh của dân chúng hay không. Ngoài việc khuyến khích

dân chúng nên đem thực phẩm ra tiếp tế cho các đô thị, các cơ quan hành chính còn nên khuyến khích dân chúng nên tổ cáo với chính quyền nơi Việt cộng hay gian thương đầu điểm thóc gạo. Phải có những phần thưởng đích đáng cho những ai tố cáo nơi chứa thóc gạo tích trữ. Thí dụ ai tìm thấy nơi chứa 3.000 tấn thóc thì được thưởng ít ra là 1.500 tấn. Số thóc càng nhiều tiền thưởng càng lắm, như vậy dân chúng mới ham lợi, chịu khó tìm cho chính phủ những nơi mà Việt cộng cùng gian thương chôn dấu. Kể đâu cơ tích trữ bị tịch thu. Người tố cáo nơi chôn dấu được ban thưởng. Gạo Nam việt vốn đã nhiều lại không còn ai dám đầu cơ tích trữ sẽ phải tung hết ra ngoài thị trường tất sẽ phải bán giá hạ theo như chính phủ đã ấn định. Đời sống dân chúng không vì một lẽ gì mà tiếp tục đắt đỏ như bây giờ.

Điều cần thiết chỉ là chính quyền có thực tâm lo cho dân chúng hay không, nếu có thực tâm thì không có sự gì là khó cả. Cái khó chỉ là ai cũng chỉ nghĩ tự lợi, gian thương với Việt cộng chưa tung tiền ra đã híp mắt lại và chưa dọa nạt đã sợ sệt rồi. Muốn làm việc cho dân không có gì là không thể được...

000

CHO NHAU

Thơ THÙY-DƯƠNG TỬ

Hà nội ơi đêm qua ai mong nhớ
Saigon ơi ai không lại nhớ mong
Đường đi Trung buồn thương giăng ngập lối
Tình ca dao trong tiếng hát ba miền

«Nhiều điều phủ lấp giá gương
Người trong một nước phải thương nhau cùng»
Kỷ niệm đau thương nẹp hẳn lên thảng
Mắt nhắm nheo người mẹ đợi ai về

Môi em thơ ngọt lịm tuổi hoa thề
Vùng khởi nghĩa ta mê ngày lịch sử
Non nước Việt Trường sơn ơi nôi tiếp
Ngựa què chân chiến trận chửi ai về

Đồng bào ơi đêm qua ai mơ về Hà nội
Và đêm nay ai muốn lại Saigon
Tình yêu ơi ngày tháng đã hao mòn
Ta nhớ lắm nhưng đời toàn ly loạn

Đất nước tôi người Nam kẻ Bắc
Đồng bào ơi hãy siết chặt tay nhau
Lệ đau thương đã khô cạn bao ngày
Đừng giết nữa cho nhau tình triu mến

RẮN NÓI TIẾNG NGƯỜI

MUỐN biết tại sao loài rắn độc ác, thì ta nên lật ngược trở lại vấn đề « nếu địa vị loài người mà làm rắn thì lại còn độc ác hơn gấp trăm ngàn lần. Vì sao ? Là vì ! Khi nhìn thấy một người cău kinh, sân nộ, hoặc bức dọc chuyện gì người ấy thường nghĩ bậy, nói bậy, làm bậy, làm những việc trái với đạo người. Loài rắn cũng thế vốn nó bẩm sanh từ do một chủng tử độc ác đã sẵn ngầm chứa từ lâu, nó lại còn gặp rất nhiều bức dọc, nó không được hưởng một gì ưu tiên tối thiểu, còn bị loài Trùng, Kiến, rúc vào vấy nó mà cắn mà đục, nó bị khổ đau quanh năm suốt tháng nó không có chân đi nó mang danh hiệu là loài bò sát, dù nó..

À mà quên ! Trước khi kể câu chuyện sự thật và huyền bí xin mạn phép hỏi bạn đọc là loài rắn có chân hay không ?

Xin thưa ! Loài rắn có chân, chắc có một vài vị bảo rằng tôi nói láo, không đâu cách đây không xa, tôi đang ngồi sửa lại mấy cây hoa thì Chạo hơ hã chạy đến gần bên tôi Bạch Thầy ! Rắn có chân không thầy ? Tôi đã được đọc sách và đã được học vạn vật nhất là lúc còn học lớp ba trường làng tôi thường nghe : « Rắn là loài bò sát » như vậy thì làm sao nó có chân. Tôi trả lời với bé Chạo : Không nó không có chân. Chạo tức tối cãi, tôi quả quyết với nó là rắn không có chân, nó thì nằn nằn là có chân, cuối cùng nó cá ăn thua với tôi, Thầy bảo nó không có chân, con xin thầy đừng rầy và cho phép con cá ăn thua với thầy ? Tôi chưa kịp nói nó tiếp : Nếu rắn không có chân con chịu đánh mười roi, mà nếu rắn có chân thì thầy mất với con nài chuối.

Câu nói của bé Chạo làm tôi phải bật cười.

Nó nói rồi, đoạn cầm đầu chạy mất, năm phút sau nó kéo đến một con rắn bị đốt và nó phân bua với tôi :

— Con đốt nó, nó mới chịu lời chân ra, thế là tôi phải thua cuộc với nó.

— Tuy rắn có chân nhưng nó không được vinh hạnh đi bằng chân và còn gặp nhiều khổ đau, câu chuyện đây quý vị sẽ thấy.



Ai cũng biết vua Lương Võ Đế bên Tàu qua sử sách. Nguyên Lương Võ Đế có bà thứ phi tên Hi Thị, bà này chẳng những bòn sên mà còn độc ác, thường ganh hiềm ghét ngố, tìm cách hại những kẻ tu theo đạo Phật vì bà thấy chồng bà quý mến đạo Phật, bà ta đâm ra tức giận mà tìm cách ám hại. Tà tâm của bà chỉ được thừa hành thời nào đó. Quý tử thân đến viếng, bà lặn dưng ra chết.

Một hôm vua Lương Võ Đế đang ngồi trong phòng đọc sách, có tiếng gõ cửa, nhà vua ngẫm nghĩ bây giờ đã 11 giờ khuya rồi, mà ai còn vào hoàng cung, còn nếu có việc gì trọng hệ sao ta không được kẻ hầu cận phi báo, trái lại đây là một tiếng của một người đàn bà mà ta không làm là giọng quen thuộc. Nhà vua đang từ ngạc nhiên này sang ngạc nhiên khác, thì bên ngoài cửa càng đập mạnh, mùi tanh hôi bốc lên nồng nặc do một chất khác thường, làm cho nhà vua càng rối trí; tiếp theo một giọng nói ảo não thê lương và rợn người.

«Bệ hạ ời ! Thần thiếp đây, bệ hạ ời, thần thiếp khổ đau quá bệ hạ ời, thần thiếp...!

— Nhà vua rồn tóc gáy toát mồ hôi như tắm.

Tự hỏi, ta đang ngủ, hay thức đây, mộng hay thực đây. Thứ phi của ta đã chết từ lâu rồi mà..,

Tiếng đập cửa bên ngoài càng mạnh hơn, nhà vua run lên: Giọng ảo não và rùng rợn của cõi ma lại phát hiện lên trước mắt nhà vua.

«Bệ hạ ời ! Xin bệ hạ đừng mở cửa, và bệ hạ đừng sợ, thần thiếp là vợ của bệ hạ đã bị chết và mang thân một con MẪN XÀ đang nằm trước cửa phòng hoàng cung đây, tiếng động mạnh ấy là

cái đuôi của thần thiếp đập vào cánh cửa. Nếu bệ hạ còn nghĩ tình chồng vợ thì xin bệ hạ tìm cách thi ân bố đức, nhờ quý bậc cao Tăng giải trừ tội lỗi tày trời mà trước kia thần thiếp đã tạo. Bệ hạ ời ! Bệ hạ ời.» Tiếp theo là tiếng khóc the thé nửa người nửa quỷ !

Dù Lương Võ-Đế có bạo dạng đến đâu cũng không thể nào khỏi điển người và dù ông Đế có thương vợ cách nào hoặc có mọc thêm năm bảy cái đầu, vài chục cánh tay nữa cũng không dám đến mở cửa.

Bên ngoài

Cây Phụng Lan và cây Đào-Tiên rung động mạnh làm cho nhà vua càng khổ tâm và quán tưởng « vợ mình một nàng ái phi kiều diễm ôi làm sao lại bỏ được trên những tàn cây, Ôi rần, ôi mẩn xà ! Hình ảnh ghê rợn đã hiện rõ trong trí óc nhà vua.

«Lớn lắm mới có thể làm rung động cả một vùng cây ở thượng uyển»

Tiếng ghê hồn lại hiện trở lại như còn lưu luyến và khăn khăn việc gì thêm.

Bệ hạ ời ! ời ! ời ! Bệ hạ, hu hu hu, thiếp đã bị đầy dọa thân này ba năm, thân thể hôi tanh, hình thù quái dị, nhứt nhối suốt đêm lẫn ngày loại trùng kiến nó ác quá nó rúc vào trong vảy của thiếp nó cắn nó rút, nó ăn thịt của thiếp đau đớn lắm bệ hạ ời ! Có khi hằng tháng chẳng được ăn một chút gì lót lòng đói khổ và thần thiếp ăn năn việc đã muộn rồi bệ hạ ời !

Nếu bệ hạ còn chút đoái tưởng xin bệ hạ tìm cách lập đàn cầu nguyện để thần thiếp...Đến đây tiếng khóc lại òa lên càng ảo não và rợn người hơn trước.

Lương-Võ-Đế ngất xỉu tự bao giờ, không hay, tiếng gà gáy sáng kéo Lương-Võ-Đế trở về với thực tại.

x X x

Thế là đại đàn cầu nguyện được tổ chức tại Hoàng cung hình ảnh Quý bậc chơn Tu khắp nước Trung hoa hôm nay xuất hiện tại hoàng triều dưới sự chứng minh đại đạo sư của Hòa thượng Chí Công.

Pháp đàn «TỪ BI ĐẠO TRÀNG SÁM PHÁP» (sau này gọi tắt là Lương hoàng Sám. Lương là lấy họ Lương của nhà Vua Lương Võ Đế).

Được khai tại hoàng cung, nhà vua thân hành đến pháp đàn đêm ngày chí tâm cầu nguyện và đứng làm sám chủ thay cho Hi thị (Mãn xà)

Tụng đến quyền thứ bảy (kinh lương hoàng sám) thì mọi người đều nghe giữa hư không có tiếng. Con xin dâng đầu đánh lễ Hòa thượng chứng minh đại đạo sư.

— Đánh lễ quý bậc thánh tăng,

— Đội ơn quý thiện hữu,

— Cảm tạ tấm thanh tình chiếu cố và thương tưởng của Hoà thượng con là Hi thị cách nay bảy ngày con là một rắn măn xà, nhờ công đức vô lượng của Hòa Thượng và chư vị, nhất là Hoà Thượng hôm nay con đã cởi bỏ được lớp thân măn xà hiện tại con đang nương trên vầng mây giữa hư không với xác thân là một thiên nữ (việc này muốn biết rõ xin xem Bộ kinh Lương Hoàng Sám của Thượng tọa Viên Giác dịch).

Vân mây tan lặn và tiếng nói vắng vắng tiếng tụng kinh hòa với tiếng mõ tiếp luôn ba ngày nữa cho đến bộ thứ mười. Tiếng đồn vang động cả xứ Trung hoa thiện tín tấp nập đến đạo tràng không chỗ chen chân.

Tiếng người hay tiếng rắn. Tiếng rắn hay tiếng người do đâu và nhờ đâu,

HẦN thức dậy từ sáng sớm qua một đêm không ngủ được. Buổi bình minh lúc mặt trời chưa mọc, cây cỏ còn há hoan mở lòng ra chờ đợi. Lá dừa khua ào ào, bóng con cóc nhảy đánh sạt một cái. Có lẽ nó tìm bắt mồi. Mạch sống tươi trẻ chạy rào rào trong từng thớ xương da, từng đường gân chườn qua hai cánh tay rần rỗi của hắn. Như một cơn lốc, hắn quay đánh vòng, duỗi mạnh hai cánh tay vòng cung như người ta đi một đường võ. Trong đám bụi rậm đám nhóc nhem còn tiếc một đêm đầy sao rực rỡ như soi xuống trong lòng chúng nổi buồn thiên thu, và hợp cảnh hợp tình chúng còn tha thiết ngân dài trong buổi tàn đêm.

Vòm trời còn tinh mơ, sao còn rọi lưa thưa như những ngọn đèn hiu hắt, chống chọi trong cỏi mù sương đang phủ dần. Một vì sao gần quả đất bỗng chao mình, xẹt xuống, thoát cái biển tan ở cỏi không gian xem tựa một giấc mơ thoáng qua. Nhìn nguyên qua lớp sương giăng lam mờ như bức màn che cỏ cây sự vật, bên thửa ruộng thấp tè xuống, đám điền điền rập rờn từng chập trong cơn gió lùa như một khu rừng già cỗi, cỏi cộc lưa thưa, thỉnh

TRUYỆN NGẮN



Tiếng đồng nội

Trần-Tuấn-Kiệt

thoảng buông ra vài tiếng cu kêu « rù rù, rù rù », với mấy tiếng gáy ọn và cứng cỏi của chú chim đực buồn tình. Nhìn chung, mọi sự dường như an ổn lắm, như một con mèo đuổi theo một chú chuột và ở dưới mạch đất ngầm, có những con dún dế, những con trùn, bọ đang làm công việc đục khoét cả đất cả cây cỏ mục, cả đến những nắm xương tàn cốt rụi nào không biết. Dụng nghị tới rơm khô, rơm sẽ được mang về nhúng nước rồi phơi lại cho dẻo dai. Phải chi Hạnh tiếp được một tay thì hay quá ! nhưng không được ! đó là một chướng ngại như một vật cản đường trên một chuyến xe tốc hành của hắn. Không thể nào Hạnh thông cảm được ý nghĩ của hắn. Nghĩ tới hắn càng tức lên. Ấm ức như ánh sáng buổi tinh mơ đang bị cơn giông xối một đám mây xám xịt trĩu nặng ra đây trời. Rồi hắn nghĩ tới bầy quạ : thật là một ám chướng. Tại sao cứ liên tưởng đến một loài vật đen đúa xấu xa như vậy ?

« Vâng, ở bên trong, ở đằng sau hai con mắt lửa của chúng, ở đằng sau mớ lông đen còn có cặp mắt soi bói ghê tởm khác. Cặp mắt mà những kẻ ngồi xác, kẻ lên đồng mới có thể nhìn thấy. Hay

những bọn bà con trẻ yếu bóng vía ». — Nhưng nào phải lũ quạ chỉ có mang tin chẳng lành đâu. Bầy quạ có thể đẹp và có ích lợi lắm chớ, nếu bắt được cho thẳng bé nuôi, sẽ có thêm một giọng nói, một trò chơi khác, và quạ giữ nhà thì tốt lắm ». Dù sao trong ý định hôm nay cũng bắt được một con, ngày mai một con, đến lúc cánh đồng trả về sự yên lành cho lũ chim muôn bé nhỏ. Hắn cũng làm một việc có ích, ngoài những sự lo nghĩ về một điều linh cảm không đâu. Điềm gở ấy !

Mặt trời lên tự lúc nào. Bất thình lình rực rỡ. Ánh sáng thanh thanh vỡ về như một thứ men nồng nàn. Hắn vươn vai hóp làn tinh khí trong mơ như hóp vào một cốc nếp than dịu ngọt. Hắn nhìn thấy như đã làm chủ làn ánh sáng buổi mai, trời lên cao đến tầm mắt hắn, đây đồng cỏ xanh đã đề lộ lớp sương lấm tấm rập rờn trên đầu cỏ. Ruộng đồng bát ngát dần ra theo với tầm mắt xa xôi hướng về một dãy núi mờ mờ.

Ở nơi xa xôi ấy dường như có một thế giới xa lạ. Mỗi lần hướng vọng về đó, lòng lâng lâng mơ hồ như mình nghĩ đến một cõi nào

không có, mà cũng không cùng. Im lặng và bồi hồi. Hấn nghĩ: Rồi có thể mọi người đều đến đây sau khi qua một đêm tối tăm. Rồi chân núi ẩn trong mây phủ đó sẽ hiện lên. Hấn chớp mắt lần thứ nhì, cố nhìn, cố hình dung đến cõi lạ kia. Đây núi mà chỉ có lúc đẹp trời buổi bình minh mới hiện lên. Đường như hiện lên trong một giấc mơ. Lạ thay ! đây núi mờ kia càng muốn nhìn rõ hơn, nó lại còn tan biến đi vào cõi xa lơ xa lắc nào. Tâm hồn càng cố hướng đến nó càng xa xôi huyền hoặc như một cõi buồn hoang vu sương khói, không tự mà chẳng hề tan.

Khi lớp sáng tràn lan trên cây cỏ, tràn lan trên cánh gió. Đường như gió quạt đến đâu là có ánh sáng đến đấy, cánh đồng như được trăn bằng một thứ men nồng ngào ngạt. Trông cùng sáng rọi trên hướng đi thường ngày hấn chợt nghĩ đến cỏ rơm và hình phạt. Hấn cảm tưởng mình đang phải chịu hy sinh một thứ gì quý giá hơn bản thân hấn nữa. Nhưng hấn tin tưởng khi nuôi cái ý định kỳ quặc trong đầu. Nếu vì công việc làm đó mà phải hy sinh. Hấn lẩm nhẩm: Thật là ăn trót ! vô tích sự ! thế nhưng phải làm,

vì chỉ có mình thôi có mình mới tạo thành hình rơm khô bằng đất nặn. Đất và rơm, cũng có nghĩa lý lắm chứ, ai mà làm được hơn mình ! có sao thì đành vậy ! Hấn lại nghĩ tới lũ quạ. Tới cây vông đồng với những chùm hoa. Lũ quạ tự đứng đến gây nên nhiều ý nghĩ đen tối trong lòng hấn « Bắt cho hết như tiêu diệt diêm xấu ! » Lăn đi này hấn không quên đem theo cần câu, mồi, và cả nước uống, thức ăn là một nắm xôi thường buổi vợ hấn thức sớm nấu cho con cái gia đình ăn sáng. Sáng nay phải nấu, lấy mớ tàu dừa khô nhúm lửa rồi bắt nồi xôi lên. Việc này cũng khá quen thuộc vì đôi lúc vợ hấn ngủ trễ hấn phải nấu thay cho thằng bé dậy ăn sáng.

Bắt nồi xôi lên bếp, hấn ngồi nhìn ngọn lửa vàng lạt liếm quanh nồi. Vài con ruồi lẩn bay vo ve trên sợi giây cột giàn bếp. Một chú thằn lằn nám khói chạy rột rết đuổi một mụ thằn lằn trắng đang đảo mắt ngó theo hướng bay của con ruồi lẩn. Tiếng vo ve của con ruồi tuy khó chịu, nhưng không bằng trăm nghìn giọng thối sáo của đàn muỗi rừng. Thức sớm ngồi nấu bếp chỉ ngại có muỗi rừng, từ những đầm lá thú từ trong ruộng rẫy ẩm thấp bay

đến, mang lại bệnh sốt rét ghê sợ. Hấn đập mạnh tay xuống bàn chân muỗi bám đầy, nghĩ tới lúc vợ hấn cần nhằn cũng phải « không thể được ! Không ai có thể sống cách biệt với làng xóm quen thuộc không ai sống được mãi một nơi hoang lạnh, không cần đến mọi liên lạc xã hội được. Sống với cỏ cây nhưng không thể như cây cỏ đề chờ mong, hay mặc tình một ngày mai... Đại khái đầu óc hấn lan man nghĩ tới như thế.. không thể không thể sống đề mỗi buổi thức sớm mơ hồ nghe những tiếng gọi lạnh lẽo từ cái cỏi núi non, mịt mờ hiện ra trong bóng mây xa. Còn đứa bé, còn người vợ đẹp, không thể quanh quẩn theo ngày tháng với cỏ cây. Còn những thú vui ở đời, những khung cảnh tung bừng chờ đợi mọi người. Hấn không quên một ngày hội hấn đi dự ở Thủ Đô, những đêm dài trong khói thuốc và men rượu ! Nghĩ tới đây hấn nghe có mùi vị khái cảm thuốc lá, những điều thuốc vẩn thật khéo, bằng đầu bằng đít, thật chặt thơm ngon khiến hấn thêm ra nước miếng. Thật cơn gió lùa vào cửa, bỗng cảm thấy lạnh lạnh. Hấn quên mất thực tại. Đăm đăm nhìn sâu vào cỏi mơ vào cơn mộng, cho tới lúc mùi khét lẹt của nếp sống lên,

Vợ hấn thức cầu nhau mãi bên tai hấn khiến hấn giật mình, tỉnh lại nghe !

Bấy giờ hấn đi đã xa. Cảnh đồng như rộng mênh mông với nhiều tiếng gọi vui vẻ, tiếng gió đùa nhau quẩn quật, mây ở tự đẳng chân trời như những bệt sơn mống được, quét qua một lớp trắng trên nền xanh thẫm, những nét cọ tự nhiên, giống như nền tranh sơn khải cải lương, dựng ở trước cửa rạp hát. Hấn nghe tiếng chim áo già kêu trên các bông lúa mạ, những bông lúa trời sinh mống te, xanh rạp rờn trước cơn gió mạnh. Đàn chim màu sậm, mỏ cong, cứng đờ như những cục đất sét tròn đang tung toé hạt lúa xanh trên đám cỏ lún phún. Hấn nhảy qua cái mương nhỏ, khiến bầy chim bay tán loạn ra tứ phía. Khí mát buổi sớm dâng tràn ngập trong buồng phổi, hấn nghe như được tiếp vào thân thể mình bằng một thứ máu lạnh rần rần chuyển động từ đầu đến chân hấn làm hấn hồng hào da thịt, tươi trẻ hơn nữa. « Buổi mai nào cũng đẹp » hấn tự bảo như vậy, rồi đặt giỏ xách xuống nhìn quanh. Hấn tìm một gò đất nhô lên, xa trông giống như một tấm lưng trâu mốc thềch. Tại đó, hấn còn

nhớ một lần hần đập chết con rắn nước dưới mương nọ rồi kéo bỏ lên đó. Con rắn lượn tròn và cong mình thật đẹp. Lúc chết nó gân cổ lên nhìn hần. Lúc này hần không thề nhớ và tìm xem đã bỏ xác con rắn ở phía nào, có thề con rắn đã bị kiến ăn hết. Hần muốn tới ngồi ở đấy vì gò đất cao, chống gối mà nhìn, cái thú vị hưởng nguyên bầu khí trời trong sạch buổi sớm thật tốt. Bây giờ thì hần không thề đến nữa. Hần ngại nhất là thứ xương rắn. Một chất độc vô cùng nếu đập nhầm, nó sẽ ăn sâu vào xương thịt có thề chết tức tốc. Tại sao hần không thề quên được lũ quạ tinh quái nọ, khi thấy bóng lũ chim bay trên ruộng. Leo lên mép gò, nhìn hướng về ngôi nhà hần chỉ thấy một vùng bóng mờ, chiếc nhà ẩn trong lớp cỏ lau mờ mịt. Lòng hần băng khuâng. Ngôi nhà đang che chở vợ con hần liệu qua được những cơn gió lốc hay chẳng? Xa nhìn về nơi ấy trông giống như một đám bụi mờ, một hình ảnh giăng lụa thưa sương khói, như sẽ tan biến trong khoảng trời rộng mênh mông nọ lúc nào không biết.

Trưa lên dần, chấp choàng trước mắt hần ánh nước ruộng bốc khói mờ mịt theo dõi được đàn chim vút nhanh về hướng nào trên

đồng. Hần mong có một đàn chim vút nhanh về hướng nào trên đồng. Hần mong có một đàn chim màu đen/ đa ám ảnh hần từ những ngày tháng trước, đàn quạ! « Phải gạt phăng những ý nghĩ kỳ cục đi, mình còn lo đến việc làm hình rơm chứ! » Và, hần bước thật mau về hướng cây vông đồng hần nghe như có tiếng chân đuôi theo, hay tiếng rẻ lau cỏ xào xạc bên cạnh. Hần bỗng dừng lại. Vành tai nghe. Tất nhiên không phải nghe tiếng gió, tiếng mấy con chim áo già kêu, hay tiếng bồ cào nhảy tanh tách băng qua ngang hần, Cũng không phải hần nghe những tiếng gọi nào ám ảnh trong óc, đằng sau lưng, phía trước mặt hay là hần nghe tiếng vọng nào ở nhà hần. Hần im lặng dừng đứng lại, chiếc giỏ bắt động, hần đang nghênh tạt theo « tiếng quạ kêu Tiếng quạ... quạ... ạ... ạ !! đằng xa thoát đến gần rồi vụt tắt, vụt nổi lên trong luồng gió cuốn mạnh và lật ngang chiếc lá lau xanh trên bờ đề mống.

Tiếng lũ quạ vụt tắt, chung quanh hần chỉ nghe lá khô cọ rào rào lơ phơ phất. Chiếc bóng đen dài ra hần chợt nhìn thấy có bạn, vì nhiều rằng buổi trưa sắp tới mang theo sự nóng bức nung

người mà bắt đầu giờ phút này hẳn đã cảm thấy len lỏi từng hơi nóng nhẹ phớt qua từng lượt qua da mặt, len lỏi vào chiếc lưng rộng đen đúa làm rịn ra lấm tấm mồ hôi. «Đi mau đến nơi rồi hãy nghỉ chân» hẳn vừa tự bảo vừa rảo chân nhanh về phía cây vông đồng.

Đặt chiếc giỏ vào gốc cây, ngồi chồm hồm bốc ra một gói lá chuối, đó là gói xôi nấu ban sáng hẳn bốc lá ra, cắn mạnh vào cục xôi. Mồm miệng nhai giòn ngoằm hẳn ăn không kịp thở.

— Qua ...ạ...ạ !

Tiếng kêu vang trên không trung khiến hẳn giật mình ngó lên. Nặng loè cả mắt, hẳn nhìn thấy một vệt trắng bay mù mù về hướng voi cồn. Đó là bóng một con cò trắng « Nhưng cò mà... Cò sao lại kêu thành tiếng quạ, dường như chim chốc nó chỉ kêu chung có một thứ tiếng» ! Hẳn lắc đầu không thể hiểu được, nhưng gói xôi làm hẳn được yên bụng hơn. Ăn xong hẳn lấy chai nước trong giỏ rót ừng ực vô miệng khoan khoái rồi, hẳn tìm trong giỏ xách mớ mồi cho lũ quạ. Hẳn móc mồi cẩn thận vào lưới câu.

— Ít nhất là năm lưới... thế nào cũng dính mà... nhưng điều cần

là chúng bây đừng nuốt vô sâu, nuốt mồi mà sâu quá không tốt đâu, cho bay và cả cho ta. Đi câu cá thật dễ, kéo lên bỏ vào giỏ thì chết ngay, dù không chết cũng kệ... có ăn thua gì. À sao ta không làm bây đề bắt lũ quạ. À ! làm bây tổn công hơn.

Nhưng lũ quạ tinh khôn lắm khó bầy được. Mà bầy được thì chỉ bầy có lũ quạ non, còn chúng già quá rồi chúng khôn lắm. Khôn hơn mình nhiều mà.

Vừa nói vừa ngược trông lên trên tàn cây vông, lá đã rụng nhiều chắc có những cơn gió lớn từ đêm qua. Lá vông to hình bầu dục đem gói nem thì thật là tốt. Hẳn nghĩ tới vợ hẳn. Người đàn bà giỏi về bếp núc, tánh lạ lùng không khác gì một con quạ. Rồi tự đứng hẳn cười sần sặc : quả là một con quạ đẹp ! Hẳn nhớ tới lúc bấy chị quạ nọ về nhà thật khó nhọc gắp trăm ngàn lần hẳn đi câu lũ quạ đen lông lá này. Bây giờ chị quạ được nuôi thần thực, và đôi lúc lại chịu mơn trớn bay vồ về lại hẳn. Tâm hồn hẳn dậy nên niềm hạnh phúc như một sự cảm hứng rạo rạo cần phải giữ hường hết. « Có hạnh phúc thì cứ hưởng chứ ! » hẳn nghe ước muốn dâng lên, trong phút chốc muốn băng qua cánh đồng

xa lắc, xa lơ đó về ôm chặt lấy
chị quạ của hân, đặt lên vành môi
trái tim của nàng một cái hôn nóng
như lửa bỏng, như một luồng
điện giật. Vô tình hân đâm lủng sâu
vô móng tay út, cái ngón nhọn
hều chìa thẳng vào lớp da ngón
tay, ứa máu ra.

— Úy ! hân kêu một tiếng mà
hân không thề ngờ.

Nặn máu xong, hân không thề
ngờ.

Nặn máu xong, hân kê ngón
tay đau nhứt nút hút một hơi
cho sạch máu dơ, hân phệt xuống
đất một bã nước miếng lẫn máu
dơ. Một cảm giác rợn rùng vượt

qua lưng lạnh, và hân thấy khó
chịu đứng bật dậy chột lười nhóp
mùi máu tanh.

— « Máu người » ? Vâng, đó
cũng là thứ người, nhưng là máu
của hân, từ trong quả tim ứa ra
không là máu kẻ lạ. Hân muốn
tượng nhớ đến ! Nhưng không,
hân chẳng dám nghĩ tới nữa. Cảnh
bọn lính cầm từ ngày trước thích
mùi dao vào lưng dân từ lấy mặt
nuốt tươi ở sau vườn cau của gia
đình hân. Hân không thích đồ
máu, nhất là máu người ! Điều đó
khiến lòng dạ hân chua chát và
bất nhân. Một lúc, hân gặt gù, thì
ra ở nơi này hoang dã mà tốt !
xa tất cả.

THƠ TẾ NHỊ

Về đầu

Từ xanh xanh thăm... vô cùng,
Suốt đời Lịch sử xuôi dòng, mệnh mang.
Bao nhiêu hạt cát sông Hằng,
Thay nhau ghi dấu thời gian lạnh lùng !
Nhẹ như mây trắng từng không,
Biết từ đâu đến mà trông nẻo về !
Đau như tiếng quốc đêm hè,
Một trời ảo não, bốn bề thê lương.
Sóng thiêng lớp lớp vô thường,
Con thuyền nhân thế muôn phương lạc loài.
Hồn đơn lạc lỏng canh dài,
Nghe tiềm thức vọng gót hài không gian.
Lửa cuộn nhuộm đỏ mây ngàn,
Tinh hoa còn chút tro tàn dấy u ?
Thor chìm vào cõi suy tư,
Vô minh mở ngõ, chân như xuống đường !

ĐAN QUẾ, PHÙNG-ĐÌNH-LIÊN

PHẬT-GIÁO với CHÁNH-TRỊ

• Của Giáo-sư NGUYỄN-ĐĂNG-THỤC •

LỜI tuyên bố của chủ tịch Phật giáo thế giới mới đây không thừa nhận Phật tử làm chính trị, đã làm cho Phật tử Việt Nam phải sửng sốt mà suy nghĩ. Chúng tôi không hiểu Phật giáo thế giới đã hiểu tôn giáo và chính trị như thế nào, nhưng nó là vấn đề lớn lao trọng đại của thể hệ hiện tại không những đối với các dân tộc nhược tiểu đang phấn đấu để giải phóng khỏi đô hộ ngoại lai. Nó là vấn đề trọng đại của thể hệ hiện tại đối với toàn thể thế giới, nhất là đối với thế giới văn minh khoa học kỹ thuật.

Muốn tìm một giải pháp chính đáng cho vấn đề Phật giáo với chính trị ở Việt Nam hiện thời, chúng ta phải đặt lại vấn đề tôn giáo và chính trị nói chung trước khi tìm một nhận định về Phật giáo Việt Nam với chính trị hiện thời.

Tôn giáo và Chính trị :

Vấn đề này đã được nhà chính trị cách mạng dân tộc Ấn Độ, Thánh Gandhi, cha đẻ nước Ấn hiện thời đã giải đáp mỹ mãn không phải trên lý thuyết mà chính là trên thực tế cụ thể hiển nhiên. Gandhi đã thực hiện cái chính trị vương đạo và chính cái thời đại khoa học vật chất, thế giới giao chinh lợi của chúng ta, khi Gandhi đã sống cả cuộc đời cái triết lý nhân sinh như thánh đã tuyên bố :

« Phương tiện và Cứu cánh là hai danh từ có thể thay thế lẫn nhau trong triết lý nhân sinh của tôi »

• Đời nay người ta sống cho phương tiện không ai còn nghĩ đến cứu cánh, nên cứu cánh công nhận phương tiện cướp của, giết người để đạt ý muốn ích kỷ, đây là cái triết lý « Vô sở bất vi vô

sở bất trí» của thời đại văn minh khoa học thực tiễn. Và cái tinh thần ấy đã biến hai chữ Chính trị thành mưu mô xảo trá, và tôn giáo thành phương tiện bề phái, mất hết ý nghĩa tôn nghiêm chính đáng của chúng.

Bởi vậy triết lý coi phương tiện và cứu cánh là hai danh từ có thể thay thế lẫn nhau, Gandhi đã muốn đem vào cho tôn giáo và chính trị một tinh thần mới, tinh thần cách mệnh tâm linh thực nghiệm. Gandhi tuyên bố và thực hiện vì đối với Thánh Gandhi thì lời nói là hành động :

«Nếu tôi có làm chính trị là chỉ vì ngày nay chính trị cuốn «quanh chúng ta như những «khúc rắn mà người hết sức vùng «vẫy cũng không thể gỡ ra được «Bởi thế tôi phải quyết chí phán «đấu với con rắn chính trị, như «tôi đã ý thức làm với ít nhiều «thành quả kể từ 1894. và vô ý «thức như tôi đã khám phá ra «sau này kể từ lúc tôi mới đến «tuổi lý trí mở mang. Hoàn tôi «vì tôi khi tôi còn đang tha «thiết muốn sống bình yên trong «cơ bản tổ nổi lên chung quanh «tôi. Tôi đã thí nghiệm cho tôi «và bằng hữu, đem tôn giáo vào «chính trị.

(12-5-1920)

Tôn giáo nói đây, theo Gandhi thì không phải giáo phái này hay giáo phái kia, hình thức thờ tự thế này hay hình thức thờ tự thế khác. Cũng chẳng phải hệ thống giáo điều địa phương dòng của độc tôn.

Tôn giáo mà Gandhi muốn đem vào chính trị để khuất phục con rắn độc chính trị vì là hiện thân của vật dục, cái tôn giáo ấy là một sức mạnh nội tâm «làm thay đổi được cả bản tính của chúng ta, nối liền không giai đoạn chúng ta với chân lý ở ngay tại bản thân chúng ta và luôn luôn làm cho tâm hồn chúng ta được tinh khiết. Đây là một yếu tố tồn tại của nhân tính cần được biểu hiện đầy đủ toàn diện bất cứ với một giá nào. Và chính cái yếu tố tồn tại ấy ở nhân tính nó khiến cho tâm hồn chúng ta phải lo sợ chừng nào chúng ta chưa giác ngộ, chưa biết đến Đấng sáng tạo và chưa thâm định được sự quan hệ giữa tâm hồn ta với Đấng sáng tạo» (Young India).

Vậy tôn giáo Gandhi nói đây trước hết là Chân lý, Đại đồng, là thực tại tuyệt đối, là Pháp (Dharm) Vĩnh cửu mà tất cả các tôn giáo của thế giới hiện thời chỉ là những hình thức thờ phụng hay là những cách thức biểu

hiện tùy thời thích trung tương đối. Nhưng cái chân lý kia bất cứ gọi bằng danh hiệu gì tùy theo điều kiện của thời gian và không gian, cái chân lý ấy thì Tuyệt đối. Duy nhất mang nhiều danh hiệu khác nhau vô kể. Nhưng tôn giáo trước hết là một giá trị siêu xã hội và nội tâm. Nó chi phối và khích động cá nhân khi nào cá nhân không thấy mãn nguyện với những giá trị tương đối của giác quan, nào sắc đẹp, hoa thơm danh vọng quyền thế, phú quý v.v... và khao khát vươn lên một giá trị siêu việt tuyệt đối. Chính trị nguyên lai là cái thể lực đề tổ chức trật tự xã hội, trên ra trên, dưới ra dưới, tu, tề, trị, bình như Nho giáo quan niệm hay là tự do, dân chủ, pháp luật như ngày nay người ta quan niệm. Bất cứ quan niệm như thế nào, chính trị cũng chỉ giới hạn trong phạm vi xếp đặt giá trị tương đối của nhân loại trong xã hội. Chính trị tự nó không thể là cứu cánh cho nó, tự nó đầy đủ, có thể thỏa mãn hết nguyện vọng của nhân loại, vốn là một đức tính linh thiêng trong hàng tạo vật. Daniel Rops có viết rằng «sự biểu hiện đầy đủ của con người một mặt lệ thuộc vào điều

kiện nhất thời của thời gian và đất đai trong đó nó sinh sống còn một mặt nữa thì lệ thuộc vào thực tại siêu nhiên của bản thể nó nhờ đó mà nó vượt được chính những điều kiện kia».

(Ce qui meurt et ce qui naît)

(Cái gì chết đi là cái gì sống lại)

Đây là đặc tính của nhân loại, tuy ẻo lả hơn cây sậy, nhưng là «cây sậy biết tư duy» như Pascal đã tin tưởng hay là như hiền triết Đông phương xưa kia vẫn tuyên bố : «Người là giống tối linh trong muôn vật», chính vì ở bản thân nó vừa có đức tính thích ứng với điều kiện địa lý lịch sử để sống còn và tiến bộ, lại vừa có đức tính siêu thời gian không gian, nối cá nhân với vũ trụ để thực sự giải thoát cho tâm hồn khỏi sống chết, khỏi những điều kiện nhất thời, như Nguyễn công Trứ đã trực giác :

«Linh Khâm bảo hợp Thái hòa !»

Vậy tín ngưỡng của một tôn giáo đại đồng, như Trần thái Tông đã quan niệm về «Phật vô Nam Bắc» tức là tín ngưỡng vào một giá trị tối cao làm tiêu chuẩn lý tưởng cho tất cả giá trị tương

đổi của nhân sinh hành vi mà ý chính trị lấy làm đối tượng đề tổ chức và qui định ngõ hầu đem lại hòa bình hạnh phúc cho cuộc sống chung trong nhân quần xã hội. Cái tín ngưỡng ấy là yếu tố tiên quyết, không có không được cho nên Khổng Tử đã quả quyết rằng trong ba yếu tố tạo nên một quốc gia xã hội là : kinh tế (Thực) Bình bị (an ninh) và Tín ngưỡng (Tinh thần) nếu trong trường hợp bất đắc dĩ phải giảm bớt đi thì người ta có thể giảm bớt trước tiên là Bình bị, rồi đến Kinh tế còn như không có đức tín thì nhân dân không đứng vững mà quốc gia không thể thành lập được. Bởi thế mà Gandhi phải nghĩ đến đem tôn giáo vào chính trị trong thế giới hiện thời; là thế giới giao tranh lợi, chủ nghĩa duy vật hoành hành ở xã hội Cộng Sản cũng như Tư bản Thực dân.

Một đạo sĩ Ấn, noi gương Gandhi mới đây cũng viết :

« Khi chúng ta ứng dụng tôn giáo vào đời sống tập thể của chúng ta, chúng ta thanh khiết hóa không những chính trị và dân chủ mà cả tôn giáo nữa. Không có thế nào có sự ly dị giữa tôn giáo chân chính với chính trị chân chính. Tôn giáo hiểu theo

nghĩa sâu rộng của nó thì chẳng phải một mớ giáo điều hay lễ nghi hình thức mà là cái nguồn cảm hứng liên tục đề nâng con người lên trình độ luân lý đạo đức và tâm linh cao cả hơn »

Bởi thế nên Thánh Gandhi đã noi gương các đại tôn sư như đức Phật và đức Cơ đốc đem đạo vào đời hợp nhất cứu cánh với phương tiện, lấy tín ngưỡng tôn giáo đề đạo đức hóa chính trị hiện nay là con rắn độc, rắn vật dục, tham, sân, si, như Gandhi đã trả lời Tagore về một xã hội đại đồng lý tưởng :

« Cộng đồng rộng lớn của đức Phật và đức Cơ đốc đã truyền bá là thế nào ? Đức Phật đã mạnh bạo khai chiến trong hàng kẻ thù và bắt các giáo sĩ kiêu căng phải qui xuống. Đức Cơ đốc đuổi lũ lái buôn và đòi tiền ra khỏi đền Jérusalem và đòi lời nguyện rửa từ trên trời xuống những kẻ kiêu ngạo và giả dối. Cả hai Ngài đều nhiệt thành hành động trực tiếp. Nhưng nếu đức Cơ đốc và đức Phật có trừng trị, ở bên trong mỗi hành động của các Ngài có ẩn một lòng từ thiện và một tình yêu không ai chối cãi. Các Ngài sẽ không giơ tay lên đánh kẻ thù và sẽ sẵn sàng tự hiến thân hơn là

từ chối Chân lý các Ngài đang sống. Đức Phật sẽ hy sinh tính mạng trong việc chống đối giáo sĩ Bà la môn, nếu lòng từ bi bác ái của Ngài không đủ làm cho chúng khuất phục. Đức Cơ đốc đã lên cây thánh giá, trên đầu đội vòng gai một mình thách cả một đế quốc. Và ngày nay nếu tôi gọi lên phong trào bất bạo động, bất quá tôi chỉ khúm núm tuân theo đường lối các đại tôn sư đã vạch sẵn vậy.»

(Yong Indra 20-5-1920)

Đây là chủ trương đem tôn giáo và chính trị đem Đạo vào đời của Mahatma Gandhi Quốc phụ nước Ấn Độ ngày nay. Làm như thế Gandhi chỉ nói đã khúm núm noi gương của Đức Phật và Đức Cơ đốc, không ngần ngại hành động trực tiếp để thực hiện một cộng đồng sinh tồn rộng lớn. Và như chúng ta điều biết Gandhi đã được thế giới coi là một nhà cách mệnh chính trị vĩ đại ngang hàng với bậc Thánh được nhân dân Ấn Độ thờ như Mahatma, một Đại Ngã mà đức Phật xưa kia đã tự xưng :

«Thiên thượng thiên hạ duy Ngã độc tôn !»

«Trên trời dưới trời chỉ có ta là hơn hết. Đặc biệt là Tổng thống Mỹ Truman đã ca tụng :

«Đồng thời là một đại ái quốc

gia Ấn, Gandhi còn là một lãnh tụ cho mực thước quốc tế... Đây là một vĩ nhân nữa trong nhân loại đã hy sinh tính mạng cho tình huynh đệ nhân loại và cho hòa bình.»

Còn văn hào Mỹ trữ danh là Pearls. Buck thì than tiếc :

«Ở đây, trong cái không khí chiến tranh đang xâm chiếm chúng ta, chúng ta bắt đầu nhìn về Gandhi như là một người duy nhất đã có lý.»

Cái «lý» ấy là chủ nghĩa «Bất bạo động» lấy làm khí giới tinh thần mạnh nhất của các dân tộc nhược tiểu bị thế lực, tổ chức quốc tế thực dân và cộng sản chà đạp. Những chủ nghĩa «Bất đạo động» chỉ trở nên một sức mạnh hiệu nghiệm chừng nào người ta có đức tự tin và tin thật «tinh thần di vật chất» như Quảng Đức đã nêu cao gương tự thiêu để soi sáng cho hậu thế ở ngay tại Kinh đô miền Nam Việt Nam mới đây.

Phật giáo Việt Nam sở dĩ trở nên tin ngưỡng truyền thống dân tộc là vì đã sớm thích ứng với điều kiện địa lý, lịch sử và tâm lý của nhân dân nông nghiệp

(xem tiếp trang 64)

đêm thị trấn

MÃN-HƯỜNG

CHIẾC xe bò đưa Tiến vào thành phố. Đêm mưa bụi làm mắt chàng mờ đi.

— Thị trấn này chỉ có bác đánh xe bò à?

— Không chúng tôi gồm tám người, nhưng đều ra mặt trận, hiện chỉ có mình tôi ở lại. Ông đi đâu đấy?

— Đến bà giáo sư Hoàng-Lựu.

— A, tôi biết bà ấy mà. bà là con của kỹ-sư Nguyên (ông ta đã chết vì chất nổ phải không?)...

Chiếc xe cộc cạch leo qua dốc, bùn lầy lội.

— Bác cận thận nhé, không ngu/ đấy.

Người phu xe đáp:

— Những đêm trăng thì thấy rõ lắm chỉ ngại đêm tối như đêm nay không nhìn thấy hố lổ.

Tiến chầm một điệu thuốc mời người phu xe. Mưa rơi... mưa rơi, chiếc xe lắc lư trên miền đất đầm nước.

— Có lẽ bây giờ đã hai giờ sáng.

Người phu xe:

— Trời tối quá, nên chả biết mấy giờ.

Tiến yên lặng. Ta mong được nghỉ phép ở đây, để dưỡng vết thương, bây giờ ta mong nằm trong phòng quần chần lẳng nghe mưa rơi...

— Ông là gì của bà ... ?

Giọng của người phu xe, chặt đứt giọng tư tưởng của Tiến. Chàng yên lặng. Người phu xe nghĩ thầm : Có lẽ là chồng bà ta. Thế mà người ta đồn là bà giáo sư bỏ chồng trước khi ông ta ra trận.

Tiến nghĩ thầm : sao bắt mình phải đến tận nhà, đêm khuya gọi cửa thật là bực. Nhưng trông chàng có một sự náo nức riêng !

Càng nghĩ càng khó hiểu. Trước khi lên đường, luật sư Thắng trao chàng phong bì, trong lời nói của Thắng có một niềm bí ẩn :

— Nàng là linh hồn của tôi, nàng là lẽ sống của tôi, nhưng nàng không là vợ tôi. Thắng chỉ nói ngắn ấy và im bặt.

x X x

Mưa xối xả xe dừng lại. Tiến bước xuống :

— Ông đợi tôi nhé, để đưa tôi về bến.

Trời tối mịt. Mưa rã rích, buồn lạ. Niềm cô đơn lại về với Tiến : Đời sẽ tàn héo. Nhưng ta vẫn sống lẻ loi. Đã hai mươi bảy tuổi rồi, mà ta chưa được ném vị ái tình như Thắng đã nói.

— Ông hãy đập mạnh tay vào cồng.

Tiến y lời, chó sủa, nhưng vẫn yên lặng. Người phu ngáp thành tiếng, có vẻ tự do.

— Mặc sức ngủ cho sướng, trời lạnh mà.

Tiến đập mạnh hơn, chó sủa chân người nện trên hành lang, dừng lại cửa lớn :

— Ai đó ? Khuya rồi gọi cửa làm gì ?

Tiến định trả lời nhưng người phu xe đã đáp :

— Chú Tư hãy mở cửa. Có người ở mặt trận đem dùm thư về cho bà giáo sư Hoàng-Lựu.

— Là nhĩ ? Có ai ở mặt trận đâu ?

Cửa hé mở. Tiến giải thích sự có mặt của mình. Người đàn ông sợ sệt lộ ra mặt :

— Mời ông vào. Bà tôi đương ngủ. Ông đợi tôi thắp đèn, khéo đắp mấy tầng cấp nhé.

Ánh sáng của đèn cây yếu ớt. Mời ông vào, người giúp việc mỉm cười nhìn Tiến :

— Ông đợi nhé, tôi đi gọi bà tôi dậy.

Tiến đốt một điếu Basto gắn lên miệng ngồi đợi. Chàng tự khó chịu sự hiện diện của mình. Nhất là giữa đêm khuya, chàng có mặt trong ngôi nhà chứa nhiều bí ẩn mà chàng là kẻ ngoại cuộc dò đường.

Ngôi nhà trang hoàng thật là tuyệt diệu làm cho Tiến ước ao. Chàng muốn ở lại đây không muốn đi nơi nào hết.

Mùi hương tỏa ra trong nỗi buồn đêm khuya. Bỗng dưng ý tưởng cũ kỹ lại về với Tiến : Thời gian đẩy ta vào căn còi và chết. Chàng cười thầm : Sao tư tưởng này xuất hiện trong căn nhà này, căn nhà ta không biết và chắc nữa ta sẽ ra đi. Đời ta như chiếc tàu neo bến ? Chàng ngừng đầu lên :

— Xin lỗi làm ông chờ lâu quá. Người thiếu phụ vừa nói vừa ngồi xuống.

— Xin lỗi, bà là... nữ giáo sư Hoàng Lựu ?

— Vâng, tôi ạ.

Tiến ngạc nhiên khi thấy nàng trẻ và đẹp lạ. Bốn mắt dò hỏi Xin lỗi, làm rộn bà, chàng vừa nói vừa đưa phong bì. Nàng cảm ơn đón nhận nhưng không mở ra dẫn thư lên chõng sách.

Tiến xin phép nàng được hút thuốc.

— Vâng ông tự nhiên cho.

Tiếng nhìn nàng qua ánh sáng bạch lạp chàng rất ngạc nhiên. Về mặt quen thuộc của nàng. Tiến tự hỏi... tự hỏi.

Hay là Hoàng của ta tám năm trước phải chăng ? phải chăng ? Tiến nghĩ vậy nhưng không dám đặt nên thành câu hỏi đề dò nàng. Chàng cố xua đuổi dĩ vãng.

Hoàng Lựu ngồi đối diện với chàng, nàng im lặng nhìn mưa qua khung cửa sổ trong khi Tiến chờ đợi những câu hỏi của nàng về chiếc thư hay thăm dò gì Thăng.

Hình như nàng biết ý định của Tiến—Nói về Luật sư Thắng à? Nàng vừa nói vừa cau mày. Anh Thắng còn sống, thế là được rồi mong ông hiền ho. Lạ độn động như một người thân : Ông vừa ở ngoài mưa, không lẽ lại ra hứng lạnh nữa sao? Mời ông ở lại uống trà với tôi đã, Tiến nhận lời,

Ông đừng lo, tôi sẽ đưa ông ra bến, bây giờ ông cho người phu xe về đi. Tiến ỷ lời, bước ra trả tiền; khi vào thì trong bàn đã bày những thức ăn : bánh, trái cây.

Lạ xin lỗi về bữa ăn đạm bạc này. Nàng nói cho Tiến biết: nàng đang vận động xin về miền Nam dạy.

Tiến yên lặng và mong muốn nàng nói về Thắng. Ngay từ lúc cùng năm nhà thương, Tiến cũng đoán được phần nào cái bi đát của gia đình bạn và bây giờ chàng mới thấy rõ hơn sự bi đát ấy. Tiến lặng lẽ đến đây vì lá thư của bạn vì sự phối thác nhưng nàng vẫn thờ ơ.

— Ông đừng bận lòng về việc đó nữa. Không hiểu vì sao nhà tôi lại phá rầy ông nhỉ?

— Thừa bà, có gì là phá rầy đâu. Chúng tôi cùng sống chết có nhau ngoài mặt trận. Hơn nữa... thật là thoải mái cho tôi.

— Thừa ông, cái gì thoải mái?

Nàng nhìn ngay mặt Tiến, Tiến bối rối ngập ngừng. Trong một khoảng không gian và thời gian nào đó đưa đến những cái ước mơ thành sự thật, những ngẫu nhiên bất chợt làm ta thích thú rồi bất chợt ra đi. Đề mỗi người mang nỗi nhớ mong. Chàng ngừng lại.

— Mời ông uống tiếp. Nàng vừa rót thêm rượu vào cốc của Tiến.

— Hoàng Lệ nhìn chàng :

— Ông đã có...

— Vâng tôi vẫn còn là tôi. Ở trận tuyến cũng như nhà thương tôi vẫn là tôi cô đơn. Tôi đã mơ tưởng đến đoạn đời của tôi, tôi mơ chiến tranh mau kết thúc để tôi hưởng những kỳ diệu giữa những con người và con người.

Vết thương tôi tạm lành, tôi được đi dưỡng bệnh. Tiến nhìn và tiếp

Trên những nẻo đường hay những giòng sông tôi đã đi qua. Nơi nào tôi cũng thấy cô đơn. Nói vậy không có nghĩa là tôi sợ cô đơn. Đôi lúc tôi chấp nhận sự cô đơn khiếp đảm ấy.

— Cái gì làm cho ông buồn, cái gì làm cho ông vui ?

— Tôi không biết nữa.

— Sao lại ngừng ? Tôi muốn ông nói tất cả vì tôi mong mỗi và khao khát được nghe. Nói đúng hơn tôi rất thèm nghe.

Mưa vẫn rơi. Hoàng Lựu nhìn Tiến qua ngọn bạch lạp và thở nhẹ : Ông đã sống cuộc đời cô độc và tôi hiện tại cũng vậy.

Bỗng gió thổi tắt ngọn đèn. Vô tình hai người chạm tay nhau trong khi tìm bật lửa. Tiến nắm chặt bàn tay tìm sang một cảm giác mới. Lựu khẽ nói : Tôi không ngờ hôm nay, một ngày độc nhất của đời tôi mà suốt đời tôi không quên.

Tiếng còi thổi thúc như cướp đi cái hạnh phúc, phút giây của đôi miền cô đơn.

— Tiến chờ dài : đã đến giờ lên đường. Lựu bình tĩnh : Ông đợi nhé, tôi sẽ đưa ông lên tàu.

Tiểu, nghĩ thầm nếu nàng không phải là vợ của Thắng thì chàng sẵn sàng tình nguyện nơi thành phố này và nhất là nơi nàng một thiếu phụ đẹp, buồn, dễ mến. Chàng sẵn sàng chỗi bỏ tất cả nhưng không, còi đã thúc giục.

Hai người yên lặng dò bước trong đêm tối. Lựu rùng mình, Tiến lo ngại. Bà lạnh à ? Không. Nàng trả lời mạnh bạo.

Trời tối quá đường khó đi, mưa lại càng nặng hạt. Lựu bạo : Ông đưa tay đây tôi dắt cho khỏi bị sụp hố. Chàng vâng lời nàng tuyệt đối.

Chân Tiến đã bắt đầu giảm nước, chàng lo ngại và đau nhói cả con tim, Lát nữa chàng sẽ xa Lựu, xa người thiếu phụ đã làm con tim lang du của chàng mong muốn neo bến. Trời ơi ! Sự ràng buộc của nguồn máy bắt chàng phải chặt đứt con tim mới kết. Dù mới gặp nàng lần đầu song chàng cảm thấy hết sức gần nhưng rồi đây Tiến phải xa nàng, xa bàn tay thần tiên đã dắt chàng đi trong đêm nay.

Trời ! còi tàu lại ganh tỵ giữa ta và nàng. Gần tới rồi thôi chúng ta chia tay giọng nàng buồn rờ rợn cái nhìn của nàng. chứa cả trời buồn kết tụ, Tiến nắm tay nàng.

— Thưa bà đêm nay sẽ thành quá khứ đau buồn cái đau buồn của trang tình sử đã gặm mòn xương tủy.

Tiến siết chặt tay nàng.

Mưa ào xuống. Gió ngoài sông tạt và tẻ buốt, Hoàng Lưu rút tay về. Thôi, ông về mặt trận. Chàng lăm lăm bước lên tàu, tàu nhỏ neo. Bốn mắt nhìn nhau chết sững, quá khứ đã về. Khi một ngày mới bắt đầu.

PHẬT GIÁO với CHÁNH TRỊ

(tiếp theo trang 58)

đất Gia châu, đã sớm thông cảm nguyện vọng thâm trầm của chúng ta và đã nhiệt thành đóng vai trò lãnh đạo cách mệnh giải phóng dân tộc. Kể từ Sĩ Nhiếp chứng minh tác phong một nhà chính trị có tinh thần Phật giáo trên đất Giao Châu «hùng cứ một châu rộng khắp muôn dặm, uy quyền trên hết, ra vào chuông trống đầy đủ uy nghi, tiếng sáo tiếng sênh vang lừng, xe ngựa chật đường sư sãi hai bên xe hương trầm nghi ngút có hàng mấy chục người,»

Và Sĩ Nhiếp vì có tác phong tôn giáo chính trị như thế nên nhân dân bản xứ tôn làm «Sĩ

vương tiên» :

Sau thuở Hồng cơ Ngụy
Cách đây năm trăm niên
Đường Hàm Thông thứ tám
Mau gặp Sĩ Vương Tiên

Và giới trí thức suy tôn làm
Nam giáo học tổ :

Việt diệu Văn tông sau thù
Tứ

Nam giáo học tổ trước Lạc
Ma. Nhưng đến Lý Phật tử thì
Phật giáo Việt Nam thực được
nhân dân công nhận là lãnh đạo
của mình. Sử chép :

«Đào Lang Vương mất ở
nước Dạ Năng, dân chúng tôn
Lý Phật tử lên nối ngôi.» (Ngô
sĩ Liên) Lý Phật tử nghĩa là
người con Phật họ Lý vậy.

MÁI CHÙA

Hồn Dân - Tộc

Ký sự của quý Thượng-tọa
**Thích-Minh-Châu, Thích-Huyền-Vi,
Thích-Thiện-Châu, Pasadika**

Tạp chí AN LẠC đang sưu khảo sự tích và hình ảnh của các ngôi chùa ở V.N. được nhiều màu sắc dân tộc. Trong khi chờ đợi tài liệu các nơi gửi về cho đầy đủ, chúng tôi xin mời toàn thể Phật tử và những người bạn của Phật tử Việt Nam hãy cùng quý Thượng tọa : Thích Minh Châu, Thích Huyền Vi, Thích Thiện Châu, và Pasadika đi chiêm bái các Phật tích để được nhiều hồn dân tộc Ấn Độ, ẩn trong mái chùa.

A L.

Vương Xá (Rajgir)

RA ĐI

SÁNG nay, ngày 1 tháng 10 năm 1962 chúng tôi thật sớm để sửa soạn hành lý cho cuộc chiêm bái mà chúng tôi đã lo liệu hơn một tháng nay.

Trận bão lớn vừa qua làm cho đường sá hư hỏng nhiều. Không có xe hỏa, xe hơi nên chúng tôi phải dùng đến một phương tiện

giao thông cở kính : xe ngựa. Chiếc xe ngựa trên ấy có thầy Minh Châu, thầy Thiện Châu và thầy GHOSANANDA người Cam Bốt. Thầy Pasadika người Đức vì bận chút việc nên không thể cùng đi một lần; thầy gặp chúng tôi tại BUDDHAGAYA. Khởi hành vào lúc 8g20. Lướt qua những cánh đồng xanh rộng, những xóm làng yên tĩnh, chúng tôi thấy như đang đi trên một con đường quê nào ở đất nước. Tiếng cộc cạch đều đều của chiếc xe làm chúng tôi liên tưởng đến vó ngựa ra đi của Thái tử Tất Đạt Đa. Rồi một niềm vui tràn ngập trong lòng vì chúng tôi thấy mình làm một công việc đầy ý nghĩa và hứng thú :

Tìm dấu người xưa

— « Đây là ngã ba Silao » (Giới Hiền) tên của Ngài Viện Trưởng Đại Học viện Nalanda cũ và cũng là thầy giáo cũ của ngài Huyền Trang. Xưa kia, đức Phật thường ghé lại đây để thuyết pháp cho dân chúng, trên đường từ thành Vương Xá đến Suppiya và thấy đức Phật được nhiều người cung kính cúng dường nên chê ba Phi bán. Trái lại người học trò tên Brahmadata thì ca ngợi ta thấy đức hạnh nghiêm tịnh của đức Phật. Khi nghe lời phi bán, một s thấy Tỳ Kheo đã buồn giận và trái lại họ sung sướng khi được nghe những lời ta tán đức Phật. Biết được việc ấy đức Phật bèn khuyên « Này các Tỳ Kheo ! Nếu gặp người dùng cách này cách nọ phi bán. Như Lai phi bán chánh pháp và chư tăng các ông không nên vì sanh lòng oán giận hay ác ý với người ta vì nếu các ông sanh lòng oán giận hay có ác ý thì tự các ông đã phải bị hãm hại rồi. Này các Tỳ Kheo còn nếu gặp người dùng đủ cách khen ngợi Phật, Pháp và chúng Tăng các ông chớ vội lấy đó làm điều vui mừng : kiêu hãnh vì nếu các ông sanh tâm vui mừng kiêu hãnh thì, tự các ông đã hãm hại rồi ! » (Kinh Trường A Hàm bản dịch của Thượng tọa Trí Đức)

Đã 9 giờ hơn nhưng trời vẫn còn mát mẻ. Nước, trời, cây cỏ đượm một màu tươi đẹp êm đềm. Xa xa có dãy núi Vương Xá ở bên mình sau màn sương bạc như chứng kiến sự hướng về của đoàn người tin tưởng. Dọc đường thỉnh thoảng chúng tôi phải xuống xe và giữ sức cho ngựa vượt qua những đoạn đường khó. Từ Nalada đến Vương

Xá chỉ có 13 cây số nhưng chúng tôi phải mất 2 tiếng đồng hồ mới đến được.

Lịch sử thành Vương Xá

Vương Xá (tiếng Ấn là Rajagriha) là thành phố cổ nhất ở Ấn Độ theo tập Ramayana, thành này do vua Vasu lập ra đặt ra tên là Vasumati. Đến đời Đức Phật được gọi là Vương Xá vì rất nhiều cung điện được xây dựng tại đây. Raja nghĩa là Vương, Griha nghĩa là Xá gọi chung là Vương Xá. Thành này nổi tiếng khắp Ấn Độ vì kinh đô xứ Ma Kiệt Đà. Theo ngài. Buddhaghosa thành này có đến 32 cửa chánh và 64 cửa phụ. Sau khi Vua A Xà Thế (Ajatasatru) xây thành Pataliputra) bên bờ sông Hằng (hiện còn một vại di tích tại Patna, thủ đô Bihar) thì thành Vương Xá nhiều dần địa vị quan trọng.

Đức Phật đến thành Vương Xá nhiều lần. Trước khi đắc đạo Đức Phật có đến khắp thực xung quanh thành. Được biết ngài là Thái tử của dòng Thích Ca, Vua Tần Bà La (Bimbisara) mời Ngài bỏ đời sống tu hành để trị vì một phần đất của Ma Kiệt Đà Ngài đã từ chối nhưng sau khi đắc đạo sẽ trở về giáo hóa như sự thỉnh cầu của nhà Vua. Đức Phật thường ở nhiều nơi trong thành này. Chỗ Ngài thích nhất là núi Linh Thú (Gridhrakuta). Ngài thường ở Trúc Lâm tịnh xá (Veluvana).

Sau khi gởi hành lý trong chùa Miến Điện chúng tôi lần lượt đi thăm các thánh tích sau đây :

- 1) Trúc Lâm Tịnh Xá (Veluvana)
- 2) Ngôi nhà đá (Pippalaguha)
- 3) Nơi kiết tập kinh điển lần thứ nhất, động Saptaparni
- 4) Suối nước nóng.
- 5) Núi Linh Thú (Gridhrakuta)

Trúc Lâm Tịnh Xá

Trước khi chúng đến Trúc Lâm một khu Tịnh xá rộng lớn gần thành Vương Xá, do vua Tần Bà La La cúng hiến cho Phật và Tăng Hiền nay cũng chưa biết chắc Trúc Lâm tịnh xá nằm vào chỗ nào. Trước đây vùng này là một vùng hoang dại. Sau khi khảo cứu nhiều tài liệu chánh phủ Ấn mới cho rào một khoảng đất khá rộng gần chùa Nhật Bồn và chỗ này được xem như là Trúc Lâm Tịnh xá. Trong khu vườn này cây cối được sửa sang ngay thẳng, hoa lá xinh tươi ; có nhiều bụi tre già lớn ở phía trong xanh nghiêng mình soi bóng những hàng cây được xem như là Hồ Kalandata, nơi Đức Phật

thường tắm. Ngài Huyền Trang có nói đến hồ này trong ký sự. Bên hồ có một tượng Phật đứng trong một ngôi tháp trống vuông do chính phủ Ấn dựng lên kỷ niệm. Ngài Huyền Trang còn cho biết thêm rằng Trúc Lâm tịnh xá cách cửa thành phố Bắc độ một dặm rất nhiều khóm tre mọc khắp vùng. Đức Phật ở nhiều tháng tại Tịnh Xá này. Sau đây là một vài bộ kinh được đức Phật thuyết tại đây : Mahākassapa, Mahāmoggallāna và Mahacunda - bhikkhū suttas. Chính Ngài Mục Kiền Liên thể thể trước tịnh xá sau khi bị ngoại đạo ám sát và đặt biệt được đức Phật chỉ cho một chỗ để xây dựng một ngôi tháp thờ Ngài.

Sau lễ Phật vào đạo quanh hồ chúng tôi tất cả cùng đến nghỉ mát dưới một gốc cây. Đã trưa nhưng chúng tôi chẳng muốn trở về vì không muốn rời bỏ cảnh sắc thanh tịnh và nhiều đạo vị này.

2) Ngôi nhà đá Pippalaguha

Cơm nước và nghỉ ngơi xong chúng tôi tiếp tục chương trình vào lúc 2g30. Chúng tôi đi thẳng lên ngôi nhà Đá. Nói rằng ngôi nhà chứ thật ra chỉ là một cái nền chung quanh có lan can. Có lẽ trước kia chỉ là cái nhà gác nhưng sau đó các thầy đến tu thiền nên trở thành một thánh tích. Dưới nền nhà là hang Pippala mà kinh điển Pali có nói đến. Hang này nằm về phía đông ngọn đồi Vaibhāra. Hang đã mất vẻ thiên nhiên vì bị chất đá chung quanh, cao độ bốn thước, dài độ 26 thước. Tương truyền ngài Ca Diếp ở tại hang này và một hôm ngài đau nặng được đức Phật đến đây thuyết pháp thất bồ đề phần. Sau khi nghe thuyết pháp ngài liền lành bệnh. Chúng tôi nghỉ tại đây vài phút để ngắm toàn cảnh Vương Xá rồi lại tiếp tục leo gập ghềnh lên động Saptaparni, nơi 500 vị A La Hán kết tập kinh điển lần thứ nhất.

Nơi kết tập kinh điển lần thứ nhất — Động Saptaparni

Đường lên động Saptaparni thật là cao và xa hơn đường lên động Huyền Không (Ngũ hành Sơn Đà Nẵng) chúng tôi nghỉ chân và uống nước đến hai lần để lấy thêm sức; thế mà thầy Ghosānanda vẫn phải ở lại tại một ngôi đền Ấn-giáo. Trời đã về chiều. Vài con vượn ngồi trên nóc đền lặng nhìn cảnh vật trước khi màn đêm buông xuống. Một con lông trắng và lớn nhảy xuống dọa chúng tôi những người đến khuấy động chúng.

(CÒN NỮA)

HƯƠNG ĐÔNG PHƯƠNG

SONG THU

THỜ I đại vệ tinh và kim tiền này mà còn ngồi phân biệt Đông Tây với đạo nghĩa thì sao cho khỏi bị một số người mai mỉa. Nhưng cười thì cười. (cười ta hôm trước hôm sau cười mình) còn nói là cứ nói, vì đã rũi sanh vào cái đời mặc pháp này, hễ sáng mở tờ báo ra thì toàn những chuyện loạn thần, tặc tử, chiêu hữu, mộ thù: vợ giết chồng, con đánh cha, anh em giết lẫn nhau, lại còn lắm chuyện tồi phong bại tục nữa là khác. Ấy cũng do nền học thuật Á Đông đã lu mờ và đạo đức cùng luân lý Khổng Mạnh đã bị lấn ép.

Than ôi ! Cang thường đảo

ngược, đạo lý suy vi còn gì là thuần phong mỹ tục.

Từ ngày làn sóng văn minh của Tây phương lan tràn phần nhiều chúng ta đã ngộ nhận hai chữ văn minh và tự do lẫn lộn đến chỗ lầm lẫn... trừ ra những bậc minh triết biết đem học thuyết Đông Tây đề dung hòa chọn lọc những tinh hoa tốt đẹp đem ra xử dụng và phò biến cho đồng bào. Nhưng theo gương ấy được bao nhiêu người ? Và chẳng nền văn minh Âu Mỹ cho ta thấy một chân trời rộng lớn, khoa học tiến bộ, về mặt tinh thần thì có Jean Jacques Rousseau (Lư Thoa) Montesquieu (Mạnh Đức, Tư Cưu) Voltaire v.v. đã giúp cho chúng ta những tư tưởng dân chủ tuyệt đối.

Nhưng chú ý là đừng đề làn sóng văn minh làm cho ta quên đạo lý xử thế và tinh thần Trung Hiếu, Tiết, Nghĩa của Đông phương bị lu mờ. Nhưng nếu cứ như mấy thầy hủ nho, suốt đời đóng cửa ngâm nga kinh sử không chịu hấp thụ những cái gì văn minh của nước ngoài đưa đến thì chẳng khác nào ta tự đưa ta đến chỗ diệt vong.

Còn mặt khác, có nhiều

người không hiểu, học thuyết của nền văn minh Âu Mỹ, mà chỉ biết học đòi những cách ăn mặc, giao du, tự do kết hôn và những mảnh khoé lừa gạt bịp bợm đầu cơ v.v. Như vậy là cái hay không học mà chỉ bắc chước những cái dở.

Còn như, có người học đòi Khổng Mạnh muốn trở thành trung thần hiếu tử, mà lại cứ bo bo trung thành với hôn quân, phản lại quyền lợi của quốc gia, dân tộc đem răn về nhà, thì đó chẳng phải là đi ngược lại tinh thần học thuyết của Đông Phương hay sao ?

Người học trò sáng suốt phải nên tìm hiểu, nghiên cứu sự vật, cho hợp thời hợp cảnh, hợp tình rồi sẽ làm được hấp tấp thu nhặt những chỉ cặn bã lỗ lã mà bỏ mất cái siêu đẳng tinh túy của Đông phương thì nguy hại vô cùng. Hơn nữa nền văn minh Á đông được phát minh trước nhất. Nhưng tại không chịu đem nền văn minh đó ra phát triển, vì con người của Đông Phương đa phần đều ưa yên lặng và cũng hơi tự cao, tự đại, cho rằng ta phát minh ra được cái gì là ta giỏi, nào ai đã sánh kịp, vì vậy mà không thể nào phổ biến sâu rộng và tiến triển được.

Ví dụ như thuốc pháo chỉ làm ra trái nổ (cái đùng) rồi thôi. Qua đến thời chiến quốc có anh chàng dùng thuốc pháo ấy làm sấm, sét đề nhát người. Còn như Mộc Ngưu Lưu mã của Khổng Minh, nếu đem ra nghiên cứu kỹ cố gắng xúc tiến đến ngày nay thì nền văn minh ấy khỏi nói nó đi tới đâu đâu... Ấy chúng ta chỉ nêu một vài ví dụ, chứ còn biết bao điều hay cái đẹp của nền văn minh Đông Phương. Có kẻ bảo : «Kìa như nước Pháp, Napoléon (Nã phá - Luân) Jeanne d'Arc (Nhược An) đâu có hấp thụ cái học thuyết Á Đông. Đâu có tiềm nhiệm cái luân lý Khổng Mạnh mà họ cũng làm được những việc vĩ đại ; lại còn nhiều bậc anh hùng liệt nữ khác của Âu Mỹ thế họ có học đòi theo Khổng Mạnh không ?

Những người nói như thế họ không chịu nghiên cứu sưu tầm đến Đông Tây kim cổ, những bậc thánh nhân, vì nhân anh hùng hào kiệt đâu đâu cũng gặp nhau tương đồng nhau. trong ý chí lớn lao.

Nước ta đời Đinh, Lê, Lý, Trần, cho đến triều Nguyễn, những bậc anh hùng nghĩa sĩ biết bao kẻ siết. Riêng giới phụ nữ

như Hai bà Trưng, Bà Triệu, bà Bùi Thị Xuân, bà Phan thị Thuần, bà Nguyễn thị Kim, bà Lý thị Huyền, bà Trần thị Huyền, bà Đinh phu nhân, bà Nguyễn thị Hai, Cô Bắc, Cô Giang, bà Nguyễn Thị Dung... Kề sao cho xiết và quý vị ấy đã đem gương tiết liệt mà tô điểm cho non sông như vậy có phải nhờ cái học thuyết luân lý Đông phương hay không?

Vừa rồi có một ông Nghị Mỹ quốc đã công khai chê đàn bà VN là những cái hoa lấm bùn (việc này các báo đã nói nhiều tưởng không nên nhắc lại) vậy mấy dòng đơn lược xin gửi đến độc giả nhờ nhận xét. Tinh thần nho giáo VN có còn điểm nào

quý giá hay toàn là đáng chê, nếu quý giá thì quý giá ở điểm nào, còn chê trách ở chỗ nào, ai là người đáng cho chúng ta chê và trách. Hiện tại chúng ta đang làm gì đây? lần lượt chúng ta thông cảm nhau trên lý thuyết: (Tạp chí An Lạc) và gặp nhau ở điểm thực hành. Hương nhụy Đông Phương còn hay hết xin nhường lại cho mọi giới mọi ngành phê phán. Hiện nay các giới nhất là các vị học giả đang sưu tầm tài liệu của anh hùng liệt nữ. Tuy không đầy đủ, nhưng được phần nào hay phần nấy và ước mong những người có trách nhiệm nên giúp cho nền văn học đầy đủ tài liệu sử học.



Lưu ý :

**CHÙA QUẢN-THẾ-ÂM KHÔNG CỬ AI ĐI
LẠC QUYÊN**

**MẶC DÙ CHƯƠNG TRÌNH XÂY CẤT
CÒN ĐANG TIẾN HÀNH**

THƠ

Vượt miền sỏi đá

HÁT đi em
bài ca lịch sử
rời mai này nắng ấm đồng quê
Hát đi em
lời ca bất khuất
rời mai này đất mẹ ngát hương xuân
Trời còn nhiều mây
ta còn đôi tay
chung nhau siết mạnh
tìm về một hướng
Tôi biết
đường hôm nay em đi
chông gai sỏi đá
em vượt lên
ngày mai xuân hồng kết thành hoa lá
đường trần gian xóa bớt thương đau



Tôi biết hôm nay và cả ngày mai
em định hướng chữ Hòa trong dân tộc
em đã thấy quanh mình tang tóc
dòng máu lưu truyền bất khuất bừng sôi

Em đã đi
Tất cả đều đi
Vượt miền Sỏi đá

Mang ánh xuân về sưởi ấm quê hương

PHƯƠNG-ĐÀI

NGƯỜI ĐIÊN

TRONG THÀNH PHỐ

MƯA bắt đầu nặng hột, đại lộ vắng người, thỉnh thoảng vài chiếc xe chở khách vụt dưới mưa. Một người đàn ông trạc độ 30, đầu tóc rối bời thân hình gầy gò, quần áo rách nát đang lăm lũi bước. Miệng lăm bầm chưỡi thề, khua tay về phía đằng trước như thách thức, như say sưa chuyện trò với hàng cây bên đường. Hết những động tác kỳ quái, hắn lại cười khóc, rưng rưng. Bỗng nhiên hắn im bật, đưa tay trái vuốt nước mưa trên mặt, vuốt xong hắn vụt chạy, la lớn rồi dẫm đá túi bụi vào không khí.

— Tắt đi ! Câm đi ! mau, mau!

Tiếng hắn dội mạnh vào đêm, vài người đi đường tò mò dừng lại quan sát thì thầm bàn tán về

hắn, họ thở dài thương hại, than thầm những câu tương tự như « Tội nghiệp, hắn điên ! chắc là điên, khổ thật ! », rồi họ bỏ đi. Chẳng quan tâm đến ngoại cảnh, hắn vẫn tiếp tục tái diễn những động tác củ, chênh choáng bước, chân cao, chân thấp men theo đại lộ.



Hãy lần nghe hắn bắt đầu tâm sự với thành phố về thân phận...

Ta đi vào thành phố ánh đèn màu chói chói bỏ vào đầu ta, ta bắt đầu tức bực chó má rồi đây. Sao chúng ngu vậy, chúng không biết ta đang đi đây sao ? mà sao chúng lại thấp điện ? đèn ống màu ? Quả chúng ngu ? thấp đèn dầu như ở nhà ta có tiện lợi và thân u mát mắt hơn không ? Nếu muốn sáng hơn ta chỉ cho

cách làm đuốc. Ừ, phải rồi! đuốc ta sẽ vui vẻ chạy nhảy theo hàng ngàn bó đuốc. Theo bọn chúng bay, ta sẽ tôn bọn chúng bay lên làm thầy ta, cha ta, tiền nhân ta. Ta sẽ hòa mình, nhập bọn với bó đuốc thật lớn cùng chung đốt sáng rực cả góc trời, cả thành phố Saigon này lên cho mấy thằng còn mê mờ bởi nhiều dục vọng nó thức tỉnh. Ta sẽ chạy lên hàng đầu làm hướng đạo dắt dẫn bọn chúng bay lần theo ánh đuốc về quê ta. Về cái miền mà ta nhớ rõ ràng nhất. Quê ta đẹp, thơ mộng lắm, mọi người đều thương ta. Này đây nhé: cây đa to lớn sừng sững như cái dù nằm ở đầu làng mà vào những buổi trưa ta câu cá, buổi chiều ta thờ thần đợi mẹ ta đi gặt lúa về. Bờ suối ven đồi chảy dài như con rắn bạc, bãi bồi dài nhiều cát nơi ta thường tắm, bắt cua, còng với bạn bè trong làng... Còn nhiều nữa, nhưng ta sẽ không kể trước cho chúng bay nghe đâu. Tin ta đi, nghe ta đi, bọn bay sẽ tìm thấy nhiều thy vị, lắm sung sướng khi về quê ta, Tất hết cái thứ ánh sáng mà ta không biết gốc tích kia đi, đốt đuốc lên, vui lắm... Ta sắp mắng chúng bay đây, sao lại không trả lời (?) mà còn mắng trả lại ta bằng những âm thanh kỳ quái.

Ta biết rồi, chúng bay là dân điên nên dùng âm thanh điên loạn. Ta nhúc nhúc lắm rồi, ta tức bọn bay đến tột độ. Nghe ta đi, ta sắp bỏ chạy đây! Câm đi cái âm điệu réo rắt ma quái mà bọn bay gọi là ca nhạc đó đi rồi ta sẽ thổi sáo, đàn tranh cho mà thưởng thức. Hay lắm bọn bay ơi! ta sẽ phiêu hồn đem hết tâm sự của ta thổi vào ống sáo cho bọn bay nghe. Ta đoán chắc bọn bay sẽ tôn ta lên làm nhạc sư vì tiếng địch quê hương ta. Còn lắm thứ tiêu khiển khác, ta sẽ đàn sẽ ngâm thơ, hát về... Câm lại đi bọn bay ta hứa sẽ dạy cho. Nói vậy chứ ta chắc rằng bọn bay biết cả rồi nhưng quên đi đó thôi. Ta tha thứ cái tánh lãng đãng, ta sẽ chỉ về tận tâm lại. Ta hứa danh dự, nghe ta rồi chúng mình hòa nhạc, hát về, ca vọng cổ, hò giã gạo..

Ta sắp băng qua đường khác rồi đây, mặc thầy bọn bay không nghe ta rồi có ngày điên cả lú— À, ta nhớ ra rồi, đây là đường Trương Minh Giảng, con đường mà lúc ta còn nhỏ mẹ và chị ta thường dắt ta đến trường. Ở kia ai ở xa, đáng đáp như hai người thân yêu của ta. Họ về thăm ta đó chẳng? Theo ta, thì hình như họ chết cả rồi mà. Đúng rồi, họ

đã chết sau cái đêm Tây về đánh làng. Ta không tin vậy, ta ngu, họ còn kia kia, họ đi trước mặt ta. Ta chạy nhanh lại, cười rú lên vui mừng. « Dừng lại đi, mẹ ơi ! chị ơi ! »

— « Trời ! Không phải, vì cái thằng đàn ông đi với hai người đàn bà không là ta. Nó cao lớn, bệ vệ, da trắng, mũi cao hách dịch. Ta muốn tác cho vỡ mặt cái thằng lạ mặt này. Ai cho mi đi con đường này với mẹ ta và chị ta hả cái thằng không lồ ? Trả lời ta mau sao mặt mi ửng đỏ, mặt mi trắng bệch trông ghê rợn thế kia ? mi sợ ta đến xanh tái mặt phải không ? Trả lời câu hỏi của ta nhanh lên, mày vẫn im lặng ? khinh ta phải không ? Nói mau, ta cười ré lên đây, mi mà không nói ta sẽ cho ăn vài viên đá liền. Tánh ta không độc ác, ta thương người lắm. Ta nói thật chứ không lừa gạt mi đâu vì ta nhớ đã nhiều lần ta giúp đỡ những người nghèo đói hơn ta, nhất là mấy thằng bạn ăn mày của ta ở ngoài chợ Sài Gòn ta thường hay rủ chúng đi nhậu luôn. Mi hiểu ta thì nên chịu ta mà trả lời ngay đi. Ta sắp giận, ta sẽ cắn xé cho mi biết tay ta. Ta chạy đến đây này, mi không sợ ? A, ta biết sao mi

không sợ ta rồi. Mi mỉm cười chế riễu cái tánh hồ đồ của ta đó hả ? Ta tha cho lần này và mi có lý : Hai người đàn bà đi cạnh mi không phải là mẹ và chị ta. Ta hồ đồ mắng oan mi, thật đáng trách. Mi tuy ngu ngốc lừng kừng nhưng có lý lẽ đúng vì mẹ ta, chị ta, một người bới tóc và một người xỏa tóc ngang vai. Nhất là chị ta mái tóc người đen mượt, chảy dài trên hai vai thon gầy. Còn 2 cô ả đi cạnh mi tóc ngắn và quần lại. Ta ghét thứ đó lắm, thứ tóc quần của mi đó. Lại nữa thường thì mẹ ta mặc áo dài, có vạt áo rộng đằng này 2 người đi cạnh mi không có mặc áo mà chỉ mặc độc nhất một cái quần 1 ống từ cổ đến đùi. Trông mà phát tởm. Trơ trẽn quá. Nhưng mà thôi, ta không nhắc làm gì nữa, ta sắp khóc đây rồi. Ta nhớ cái đêm đó. Phải, cái đêm mà suốt đời ta không bao giờ quên được. Đêm hôm ấy; mẹ, chị, ta đang nằm ngủ trong căn nhà lá của ông nội ta để lại, bỗng nhiên từ đâu chẳng biết bọn Tây đến, chúng đập phá cửa vào chiếm nhà ta. Một cảnh tượng thê thảm bày ra trước mắt ta : mẹ và chị ta bị chúng hãm hiếp rồi bắn chết. Xác mẹ ta vắt ngang giường, Một nửa thân thể

lòa lờ ở dưới đất, đầu quẹo lại, hai mắt mở to chòng chọc nhìn ta như muốn nuốt tiếc điều gì. Chị ta cũng chịu chung số phận, chúng bắn chết rồi vắt xác bên cạnh xác mẹ ta. Ta chết lặng, 4 mắt của 2 người thân yêu trừng trừng nhìn ta, thâm u và man dại. Ta hét lên rồi té xỉu. Tỉnh lại, ta cười lớn như đang cười lúc bây giờ đây. Từ đó đến nay, ta giang hồ, lang thang, hành lý mang theo cho cuộc viễn trình vô định này là đôi mắt đen huyền thâm u, uất hận.

— « Mẹ ơi ! chị ơi ! » Ta cười lớn lên cho tan bớt niềm thống khổ. Ta cấm bọn bay cười ta đó nghe. Bọn bay biết không ? Cười ta là ngu là khốn nạn. Ta đã lên đến cầu trường minh Giảng rồi đây.

« Trời ! » đúng lắm, 4 mắt của mẹ và chị ta đang hiện về dưới dòng nước.

Ta vắt mình qua thành cầu, đôi tay mở rộng chơi với muốn ôm ghì hai hình ảnh kính yêu A ! nhưng đâu rồi ? Ta vừa mới thấy mẹ và chị ta hiện ra đây kia mà sao bây giờ mặt nước phẳng lì chỉ còn khuôn mặt ta phản chiếu mà thôi ? Ta hết sức ngạc nhiên

Lạ quá, cũng không phải hình ta nữa. Ta đâu có gãy gò, tiêu tụy tóc tai rối bời thế kia. Trước đây ta đẹp trai lắm mà. A, ta biết rồi, chính thời gian và cái danh từ gì mà chúng bay dùng để chỉ đánh nhau, bắn nhau đã in hằn khỗ nhục lên thân xác ta, linh hồn ta, cướp mất những người thân yêu của ta. Ta cười Ha...ha...ha... chúng bay là những kẻ sát nhân.



Người điên vừa đi vừa la hét cười rù rượi, man rợ. Hết cười rồi vụt khóc, miệng làm bầm : « chiến tranh, chiến tranh ... » Tay hấn hoa lên như muốn đập cho tan khoảng không trước mặt. Mắt nhìn chòng chọc lên trời như cầu khàn van lơn miệng vẫn làm bầm « chiến tranh, chiến tranh, chiến tranh ».

HỨA-ĐÌNH-ANH



DIỄN ĐÀN CỦA TẶNG SINH

GIOI học tặng và giới sinh viên học sinh suốt thời gian qua chúng ta thấy gì ? Và quý vị có trách nhiệm với giới này nấy gì ?

Đau khổ và phũ phàng lắm !

Mục này đặc san An lạc Xuân bính ngộ đã đề cập dưới mục "Thương". Hôm nay chỉ đơn lược mấy nét đại cương, mục đích ở đường cho thể hệ trẻ, hầu thu nhặt ý kiến khắp nơi góp thành một « diễn đàn » thường trực phong phú, trên mặt tạp chí An lạc đề giúp giới này được đi vào với thực tế và hai chữ phũ phàng bấy lâu bị đập tan bởi nghị lực của chúng ta và toàn thể các giới hợp lại chúng ta.

Tre già trông cậy nơi măng là câu nhật tụng của tất cả mọi người, nhất là thường xuất hiện trên môi của những bậc làm cha, làm mẹ, làm ông, làm bà, làm cấp lãnh đạo...

— Muốn biết một gia đình nào tương lai ra sao người ta chú đến con cháu gia đình ấy. Gia đình nào không con cháu nổi tộc thì người ta thường tặng cho ba chữ : « Nhà Bất Phước » hoặc : « cây không trái, gái độc không con » v.v...

Trái lại một gia đình đông con mà thiếu dạy dỗ để đàn con lêu lổng hoang đường thì cũng được lãnh « giải thưởng » là nhà mất ước vọng.

Phạm vi gia đình là thế. Phạm vi quốc gia tuy rộng nhưng không khác gì gia đình. Vì nếu biết tương lai con thuyền dân

tộc của nước ấy đi về đâu, chúng ta nên nhìn ngay giới sinh viên học sinh thì hiền và đen tối hay huy hoàng trong tương lai để nắm trong tay giới này cả.

Quý lại bậc làm cha làm mẹ cấp hữu quyền suốt đời tận tụy hy sinh cho ai? Có phải quý vị thường nói là hy sinh cho đất nước cho con cháu không?

Nhưng dân tộc là ai và con cháu là thành phần nào? Vì những câu hỏi tuy đơn lược song hàm xúc nhiều đáp số, nên chúng tôi xin nhường lại quý vị và chúng tôi ước mong sự hy sinh vô bờ bến của các bậc phụ huynh, của người hữu trách phải đi ngay vào thực tế và thiết thực hơn.

Trong một gia đình trồng cây nơi con cháu. Trong một quốc gia tin tưởng ở giới sinh viên học sinh bao nhiêu thì trong tôn giáo cũng thế. Nhất là tôn giáo là nơi đáng được đặc biệt lưu ý hơn cả. Nước giàu hay nghèo do chính phủ, nước loạn hay yên do tôn giáo, vì tôn giáo là cây đuốc soi đường chỉ lối cho mọi người theo điều đạo đức, nếu mọi tôn giáo đều làm đúng theo ý nghĩa cao thượng ấy, thì tất cả ai ai cũng biết luân thường đạo nghĩa hiếu và nhân từ thì còn ai chém giết ai, ai đánh đập ai, ai chửi bới ai, mà được như vậy thì còn lo gì có loạn nữa.

Như thế thì tôn giáo đóng góp phần quan trọng lắm chứ không như một số người quan niệm sai lầm tôn giáo chỉ là tín ngưỡng.

Hơn nữa đạo Phật đã vượt lên trên niềm tôn giáo thì lại càng được chú ý và đặt tầm quan trọng hơn.

Thế mà quý vị đã thấy gì ở Phật giáo? Giới học tăng có đủ các bậc và những giới có trách nhiệm khuyến khích và nâng đỡ mỗi ngày được phát huy, có phát huy thì tương lai cây mà ấy mới thay cho tre? Điều ấy thực tế đã trả lời trong thời gian qua và nhất là ba năm nay, thời gian bắt đầu có bốn chữ **Giáo thống nhất** ra đời. Một thời gian dài đắng đắng đau thương kết thành chuỗi trần đeo trước cổ giới học tăng.

Việc bình phẩm mục này xin nhường lại quý vị và sau đây chỉ tôi xin ước mong câu chuyện gà đẻ trứng vàng trong Quốc lộ 4 (Trần trọng Kim) đừng nên xuất hiện và câu chuyện cột con không cho bú để lấy sữa bò mẹ mà câu ví dụ « vắt chanh nước » không bao giờ và đừng khi nào xuất hiện hoặc đeo cổ giới Tăng sinh.

AN LẠC

VĂN CHƯƠNG NHẬT-BẢN

NGUYỄN-THANH-LIỆM

NĂM 1878 mở đầu cho nền dịch thuật Nhật Bản đó là quyển tiểu thuyết Âu Châu được dịch ra Nhật Ngữ.

Mười hai năm sau những tác phẩm khác liên tiếp được dịch ra tiếng Nhật.

Đến năm 1890 nền văn chương Nhật mang một sắc thái mới, từ nội dung đến hình thức.

Một giai đoạn quan trọng mà người ta mệnh danh là cấp tiến.

Những văn thi sĩ cấp tiến này không thể nào trung thành với xã hội đã xưa của họ.

Đại diện lớp người này là FUBATATEI SHIMEI (3864-1909). Năm 1889 ông cho xuất bản quyển tiểu thuyết Ukigumo. Trong tiểu thuyết này ông châm biếm Meiji và các xã hội tham vọng, cuồng tín đầy hiếu chiến. Tiểu thuyết Ukigumo mang một sắc thái mới, Futabatei phơi bày nước Nhật cận đại một cách trung thực. Đọc trong tác phẩm này người ta nhận thấy Shimei ảnh hưởng văn chương Nga.

Đó là những bước đầu tiên phong.

Thực sự nền văn học mới phát xuất mạnh nhất bắt đầu sau chiến tranh Nga Nhật.

Nhật thắng Nga gây nhiều cảm hứng mạnh trong lãnh vực văn chương.

Văn thi sĩ Nhật đua nhau xuất bản nhiều tác phẩm giá trị như: Đại văn hào Soseki Natsume (1867 — 1911) O-ga! Mori đã cho xuất bản nhiều tác phẩm nổi tiếng (1862 — 1922).

Và thi sĩ Takuboku-Ishikawa (1892 — 1927) đã viết xong tác phẩm của ông. Và Naoya Shiga (1889 - 1954) đã bắt đầu sự nghiệp văn chương trứ danh.

Những nhà văn cấp tiến hoàn toàn ảnh hưởng Âu Tây. Vì ảnh hưởng quá sâu đậm nên người Nhật đã chia xẻ những nỗi niềm trong những tác phẩm văn chương Nga, Pháp và hầu như họ quên đi cái gia tài văn chương của chính nước họ.

Một điều cho chúng ta thấy rõ hơn những văn thi sĩ về già mang thân phận con người sắp ủa tàn. Đôi lúc cũng quay về «nguồn» đó là nền văn hóa cổ truyền

nhưng lạ thay họ lại nhìn văn hóa ấy với tư cách của một người ngoại quốc.

Ví dụ Tanizaki thích nền kiến trúc xa xưa đầy vẻ kiêu hùng và ông không thích lối kiến trúc ngày nay. Tanizaki như một người ngoại quốc chối bỏ hiện đại, mơ về dĩ vãng xa xưa đầy vẻ hùng thâm uy nghi.

Nền văn chương Nhật Bản ngày nay có 1 mảnh lực hấp dẫn và lôi cuốn tất cả mọi người yêu văn nghệ trên thế giới trên một bình diện lớn, đó là : chân giá trị của nền văn chương Nhật.

Những tác giả được trong và ngoài nước ca ngợi đó là : Junichiro Tanizaki, Tasunari Kaniabata (sinh ngày 4-7-1899) Osamu Dazai (1909 — 1948) Yasushi Inoue (1907) và Yukia Mishima (sinh năm 1925).

Truyện « Đền thờ kim đình » của Mishima được ca ngợi và đáng đại diện cho nền tiểu thuyết Nhật gần mấy năm nay.

Truyện diễn tả đời sống 1 nhà tu trẻ tuổi. Tình tiết sống thực của mọi người đang ở trong xã hội « người ». Tác phẩm còn cho thấy những hành động điên rồ của vị tu sĩ trẻ, đốt ngôi đền vô giá.

Tác phẩm Dazi : « Không nhân đạo hơn » tiểu thuyết này làm nhiều người chú ý. Một phê bình nói rằng : quyền này đáng lý để cho người Mỹ viết.

Lời phê bình này cốt cho người ta thấy rằng vấn đề tạo dựng trong tác phẩm này, không riêng gì của quốc gia.

Trái lại, Kawabata, thích những đề tài mang màu sắc quê hương ông ví dụ như lễ nhập trà trong « Ngàn con chim hạc ».

Cái lạ trong nền văn chương Nhật ngày nay là : mới và cũ có 1 sợi giây kết nối chặt chẽ. Văn cũng như thi ca kịch khảo luận.

Một điều đáng chú ý nhất đó là các thi sĩ trẻ cũng như già đua nhau hoạt động rất mạnh về văn nghệ nhất là thi ca.

Kịch cũng được dân chúng thích yêu chuộng như văn, vở tuồng Noh Mishima diễn tại Âu Châu và Hoa Kỳ được dân chúng nơi đây ca ngợi và ái mộ.

Ngày nay nền văn chương Nhật Bản có một khuynh hướng đi vào nhân loại hơn là đối lập cho một nước Nhật như thời cũ.

Qua những trào lưu và tác phẩm của văn thi sĩ cho ta thấy nền văn chương Nhật ngày nay có một chiều hướng phổ biến rộng rãi.

NHỮNG CHIẾC LÁ TRONG MÙA TRANH ĐẤU

THỤY-HỒNG-PHONG

Khung cảnh buổi chiều có nhiều mây đen trên trời, hai vị sư một già, một trẻ ngồi đối diện nhau, nhìn nhau. Chiếc chiếu hoa đỏ dài rộng trên sàn ván ở phía sau nhà trai giữa hai vị sư, một mâm trà đã cạn những chén màu trắng.

VỊ SƯ GIÀ : Không thể được, chưa đến lúc phải hy sinh như vậy, thử hỏi một việc làm trọng đại như vậy có gì lợi cho đường lối tranh đấu của chúng ta. Chúng ta bất bạo động trong đấu tranh. Tôi xin phép Ngài nghĩ suy lại.

VỊ SƯ TRẺ : Bạch Ngài. Cuộc tranh đấu muốn tồn tại để tìm đến thắng lợi phải có một vài hy sinh. Không bao giờ gọi là đúng lúc và cũng chẳng bao giờ mới đúng lúc, chỉ cần có hành động mới đúng lúc mới tạo ra lúc nào là đúng lúc hy sinh một nhọc thì để tìm một thắng lợi mới là điều nên làm.

Bạch Thầy, tất cả sinh Thiếu Sơn tự nguyện lợi cho ngày mai của đạo pháp là một việc hợp lý đáng được chấp thuận.

Vị sư già sửa lại thế ngồi, đưa tay cất chén trà lên môi lắng nghe lời vị sư trẻ. vị sư già từ từ bỏ tách trà xuống chiếu, mắt nhìn ra cửa sổ, mây đen kéo kín cả trời có tiếng thở dài của vị sư già, mắt vị sư già lim dim như muốn nhắm kín lại ý chừng ngăn chặn hình ảnh một bộ mặt vị sư trẻ khi nói đến quyết định chấp thuận.

Vị sư già cảm thấy như mình ở vai trò một quan tòa sắp quyết định ký án tử hình cho bị can. Ở đây là một vụ hy sinh với đang nghĩa đạo pháp, vì chúng sinh có tổ chức dù là trong ý thức mưu đồ một an lạc cho chúng sinh cho đạo pháp, vị sư già cũng cảm thấy có một niềm lương tâm níu kéo.

VỊ SƯ TRẺ : Bạch ngài, trong chúng ta có hàng vạn hy sinh đáng nói trong công cuộc tìm đến An Lạc cho chúng sinh thì ngẫm lại việc quyết định cho tăng Thiếu Sơn hy sinh tưởng không đáng ngài suy nghĩ quá nhiều như vậy.

Bạch Ngài, mọi hy sinh đều mất mát, chỉ có tinh thần bảo vệ đạo pháp là tồn tại.

Bạch Ngài, người tu sĩ khi hành động không nghĩ đến nhục thể của mình. Xin Ngài cho ý kiến.

Vị sư già đưa hai tay tỳ lên vế, lưng thẳng lên, nhìn vào người ta có cảm tưởng vị sư đang ở vào thể vận lực trong võ học nhu đạo, vị sư già khê bảo;

— Phật đã dạy con người chỉ là các bụi. Chết là hết, chỉ có linh hồn con người tồn tại, đi từ kiếp này sang kiếp khác quanh quẩn mãi trong vòng luân hồi. Có chết đi cũng chỉ đề trở về trong cái bụi. Nghĩa của cái chết không đem lại một cái gì gọi là lợi hơn khi còn tồn tại.

Việc tự nguyện cúng dường nhục thể cho Đạo pháp thiên nghĩa là một ý đẹp cao cả, một đường hướng giải thoát chúng sinh kiện toàn. Nhưng thử hỏi ngài có gan tâm quyết định giờ chết cho một sinh linh chẳng ! Dù rằng Ngài sẽ tìm được nhiều lợi ích cho vạn sinh linh khác.

Vị sư trẻ tuổi ngắt lời :

— Bạch ngài, mỗi một chúng ta phải lãnh nhận một phần trách vụ nào đó. Việc quyết định giờ ngày chết cho Tăng sinh Thiếu Sơn.

Vị sư già mỉm cười, má nhăn lại, mắt trong lên, vị sư già buông tay xuống chiếu.

Vị sư già khẽ bảo :

Xin Ngài nhớ cho rằng mọi hy sinh được san bằng ở giá trị ngài đừng nhầm lẫn cái hy sinh kia, phải nghĩ là đồng ở một giá.

Chúng sinh vì nhầm lẫn hay tự tạo ra cái nhầm lẫn ở giá trị hy sinh của mỗi hành động mà gây nên lăm điều tội lỗi chúng sinh nghĩ, hy sinh hiện diện bên cạnh quyền lợi, nên mới tìm thấy hy sinh này nhỏ, hy sinh kia to lớn vì căn cứ ở quyền lợi nhận được cho nên mới sinh ra lăm điều lỗi lăm, chúng ta là nhà tu hành, xin ngài đừng quên cái nhầm lẫn của nhà tu hành có nhiều sai biệt và mỗi sai biệt thường mang đến nhiều hậu quả khôn lường.

Ngài nên suy tính lại việc quyết định cho tăng sinh Thiếu Sơn giờ giải thoát nhọc thề.

Lợi hại không thể đặt trên niềm sống của một sinh linh cho dù họ tự nguyện. Chỉ có người làm chính trị mới nói đến lợi hại trên căn bản những căn bản của những con số.

Không thể tiêu diệt một trăm người để cứu một vạn người. Phật học không cùng một khoa học nên không thể làm những bài toán vô luân đó, Phật học dạy con người sống để hiểu chính mình là cát bụi...

Vị sư trẻ ưỡn người về phía trước, hơi trà bốc lên, mặt vị sư trẻ lấm tấm hơi nước, mặt vị sư sáng lên, nhìn chăm chú vào vị sư già, ngắt lời.

— Bạch Ngài, có tranh đấu phải có hy sinh. Máu chảy ruột mềm, ngày mai có quần quai trong lửa đạo thì ở đây lòng chúng ta cũng nóng dậy cả gan ruột. Việc quyết định thiền nghĩ là một đường lối của Phật giáo trong việc tìm kiếm cho chúng sinh khổ đau khắp nơi một hướng sống trong An Lạc.

Bạch Ngài, ý là vậy, hành động là thế, xin ngài cho quyết định. Việc cấp bách đám mong ngài vì đạo pháp chuẩn ý.

VỊ SƯ GIÀ : Phàm đấu tranh không nên nóng nảy, ở đời mọi việc mà nóng nảy sẽ đưa đến tiêu hao thất bại, việc đấu tranh cho đạo pháp cho chúng sinh là quan trọng không thể vì bi úc ghen ở một điểm nào đó mà chúng ta phải quan ngại, vội vã đưa ra một giải pháp hy sinh một sinh linh.

Một sinh linh không đáng kể như Ngài đã nói song hậu quả một sinh gây ra ảnh hưởng sâu đậm trong quần chúng.

.
kiểm duyệt một đoạn
.

Vị sư trẻ ngồi yên, mắt nhìn lên trần, tiếng nói vị sư già trầm trầm rót vào tai, vị sư trẻ đưa tách trà lên môi, nhắm ngậm trà.

— Bạch Ngài, trước mắt chúng ta không có kẻ thù, chúng sinh có là dân sự, quân sự, chính trị hay là gì đi nữa cũng vẫn là chúng sinh. Hy sinh cho chúng sinh là đường hướng nhà Phật. Xin ngài hãy xét lại.

Vị sư trẻ hai tay chắp trước ngực, cúi gập người xuống chiếu hoa, xa xa có tiếng sấm dậy, chớp sáng cả vùng trời, cảnh vật đứng im lìm, tranh tối tranh sáng. Mặt vị sư già đăm chiêu, tiếng tụng kinh chiều của tăng sinh rơi đều đều trong căn phòng, vị sư trẻ :

— Bạch Ngài, xin phép cáo từ.

Vị sư già nhìn ngoài trời, mưa đổ xuống như trút lòng vị sư dậy lên một buồn đau và ngoài kia đêm xuống mờ với mưa.



Đêm về trong yên lặng, vị sư già thức dậy và buổi sớm mai về ngoài kia giữa những cành lá tươi tắn, nắng sớm hôn nhẹ trên ngàn cây.

— Bạch ngài.

Vị sư già giật mình, quay lại, một tăng sinh trẻ tuổi mọp đầu xuống sàn chiếu hoa.

— Bạch ngài, tăng sinh vào nửa đêm qua.

Vị sư già trầm ngâm không nói, ngài hiểu rằng trong hàng ngũ của ngài có kẻ chấp nhận đứng nhìn kẻ khác quần quại trong máu lửa để mưu đồ một an lạc cho chúng sinh.

Vị sư già yên lặng hồi lâu rồi buông tiếng thở dài. Cơn mưa đêm qua đổ lá vàng khắp nơi trong vườn. Cái chết của Tăng sinh Thiếu Sơn là những lá vàng rơi rụng nhưng không hiểu nắng sớm mai sưởi ấm an bình nhục xác cứng lạnh đó chăng, có điều vị sư già cố tin tưởng một người con Phật tìm về với Phật trong An Lạc siêu hình.

Thơ là gì ?

Đó là giấc ngủ triền miên như giòng suối xanh không bao giờ cạn, nếu không như văn sĩ chẳng có mơ mộng nào trên thế giới để gột rửa lòng ta.

Đó là bông hoa trông thấy lần đầu và bông hoa còn đang tìm kiếm.

Đó là tất cả những gì ta còn ao ước trái lại (tuy không có sự gì trở ngại) và tất cả những gì chúng ta đợi chờ mà chẳng biết là chi.

Đó là vết cồn đề lại, ở nơi chưa ai từng đưa chân bước tới ; đó là nẻo đường mòn mỗi ngóng trông về những thế giới khác.

Đó là ảnh tượng mãnh lực siêu nhiên mà Thần sống không thể kiểm soát, mà Thần chết không thể thấu hiểu.

Thơ cũng huyền diệu như Trời.

Đ.T

Truyện kiếm hiệp

Vương Kiếm Bá Dao

dịch giả :
LÃO-SƠN-NHÂN

nguyên tác :
NAM-DƯƠNG dật-tầu

HỒI THỨ NHẤT CỪU THÙ KHẮP THIÊN HẠ

MỘT đoàn người ngựa nối nhau lao mình trong mưa phùn gió bắc như một vệt bóng mờ kéo dài đi loang loáng dưới những lùm cây trụi hết lá, trên quãng đường núi chênh vênh.

Hơi thu lạnh như đao cứa thịt... « dết... dết dết » tiếng roi da thét ngược gió càng tăng thêm cái cảm giác lạnh buốt thấu xương.

Vài phút sau tới chỗ góc đường quẹo gấp, thì tiếng vó ngựa bỗng chùn hẳn lại, cùng với tiếng ngựa hí lên từng hồi. Đoàn ngựa dồn chậm, lúc này mới nhận rõ người dẫn đầu là một thiếu nữ có thân hình rất cân đối, trạc độ mười bảy tuổi, mười tám tuổi. Cả người với ngựa toàn là một màu sắc bùn. Cánh tay trái nàng bị thương, có băng bó. Nhưng thấm hòa với bùn, đã biến mảnh vải băng trắng thành ra màu nước tương sẫm.

Tới chỗ đường góc rẽ sang phía tay trái, thiếu nữ gò cương gìm ngựa chạy chậm hẳn lại. Bốn con ngựa sau cùng tới. Người với ngựa cũng đều như tấm bùn tất cả. Một thiếu niên khoảng mười bốn tuổi, ăn vận đồ chên, có lẽ là do sắc lam pha máu pha bùn mà biến thành sắc nâu đen, chân đi giày mỏng gót, sau vai gài một thanh trường kiếm, kèm bên là một thanh niên khoảng hai mươi tuổi, cũng bận đồ chên, sắc nâu đen. Hai người tới sau một người đàn bà nét mặt âu sầu, khoảng ngoài bốn mươi tuổi, nơi cổ bị thương, quần băng trắng, máu tươi còn đang rỉ ra, cùng một người đàn ông khoảng năm chục tuổi, ăn vận đồ chên, bên mình gài một thanh đao.

trước ngực một chòm râu dài nửa trắng, đôi mắt hồ tròn xoe sáng như điện, trán nở, cằm lạnh ba vết thương nặng trên má đã thành sẹo, một vết thương nhẹ dưới cằm còn rỉ máu.

« Phong trần, điển bái thể lương đau khổ », tám chữ này có thể hình dung được cái tình trạng của một gia đình người với ngựa thầy đều mệt mỏi sau một cuộc chạy dài thâu đêm suốt sáng qua bao nhiêu trận bị tấn công phục kích chí mạng. Trên mặt mỗi người tuy có những nét đau buồn, mệt mỏi, lo lắng, nhưng vẫn cương nghị, và tuyệt không có vẻ kinh hoàng kháng cự gì hết.

Mỗi lúc mỗi hăng hái, sắc trời âm u, nặng trĩu, gió thổi càng mạnh.

Ông già đưa mắt nhận xét địa thế xung quanh, đoạn chép miệng thở dài nói với người đàn bà.

— Chúng ta nghĩ ngại chốc lát rồi hãy lên đường, ! Chà ! vết thương của phu nhân... khá nặng... !

Nói tới đây, ông già nghẹn lời, hai hàng nước mắt trào ra lăn xuống má, lẫn với những hạt nước mưa lóng lánh trên chòm râu nửa đen nửa bạc. Thực là :

« Ai bảo anh hùng không biết khóc ?

« Chỉ vì chưa đúng lúc thương tâm »

Người đàn bà như sấu khồ, cổ nở một nụ cười, sẽ nói :

— Phu quân khỏi lo ! Vết thương này không yếu hẹ ! Chỉ ngại cho bé Quyên... ! nó... !

Thiếu nữ vội quay lại nhìn, gọi lên :

— Mẫu thân à ! Con không... hề gì đâu... !

Nàng cố trấn áp đau đớn, trở đôi mắt to và đen láy nhìn mọi người, sẽ nở một nụ cười. Nhưng rồi lại vội quay mặt đi liền để giấu đôi hàng nước mắt sắp trào rơi xuống má.

Ông già nói với giọng buồn thảm :

— Quyên nhi !

Quyên nhi không quay lại vội nói :

— Ba ba ! Con thực không đau mà ! (nàng vẫn không quay mặt lại hai hàm răng đều và trắng như ngà, nghiêng chặt lại, giờ cao cánh tay trái lên, sẽ lắc mấy cái) Ba ơi con nè ! Con chẳng thấy đau chi hết !

Kỳ thực thì vừa nhắc cánh tay lên sẽ lắc, nàng đã đan tái mặt đi, mồ hôi toát ra, vội hạ cánh tay xuống, thúc chân giục ngựa chạy vội hẳn lên một quãng.

Những đồng tác ấy của nàng vẫn không che giấu nỗi mặt ông già. Ông già nhận ra vết thương của con gái rất trầm trọng, nếu để chậm trễ nửa ngày thì cánh tay trái sẽ trở thành tàn phế.

Lòng ông già đau như cứa, ông già bắt giặc ngựa mặt lên trời thờ dài và than :

Tả Giám Bạch này tự xét mình, ngựa mặt nhìn trời, cúi xuống nhìn người, tuyệt không làm điều gì đáng thẹn cả ! Không hiểu sao đến nông nỗi này, liên lụy đến cả vợ con, leo đèo, điên bá, lang thang cùng đường góc biển... !

Người đàn bà thúc ngựa áp lại gần, từ từ đưa tay nắm lấy cổ tay ông già, sẽ nói :

— Phu quân chớ quá bi khổ ! Ở hiền thế nào cũng gặp lành ! Sự hiểu lầm, nỗi trầm oan sẽ có ngày được giải tỏ lúc đó các nhân vật vô lâm sẽ tự thẹn bởi những gì họ đã làm đối với gia đình ta !

Tả Giám Bạch lắc đầu cắt giong đây bi phàm mà rằng :

— Đã tám năm rồi ! Tám năm liền, chúng ta chạy khắp rừng xanh đất đỏ, sa mạc, biên cương. Có nơi nào được yên thân đâu ! Chao ôi ! Tám năm liền chưa từng bao giờ được nghỉ ngơi liên tiếp tới ba ngày... mà nỗi oan lớn như biển vẫn không có hy vọng gọi rửa đi được. Càng ngày càng chồng chất thêm sự hiểu lầm. Nhân vật vô lâm thiên hạ ai cũng muốn giết hết cả nhà ta đi thì mới hả giận ! Chao ôi ! Ta dù có miệng lưỡi Trương Nghi, Tô Tần, cũng khó mà minh oan ra được !

Người đàn bà dịu lời, an ủi :

Phu quân chớ quá khổ não ! Tương lai còn dài ! Nóng này, bi phần lúc này... vô ích !

Nhìn vết thương trên cõ phu nhân, máu thấm ra đã nhuộm đỏ hết mảnh băng bó. Tả Giám Bạch trong lòng vừa đau xót, vừa xấu hổ muốn chết đi được, bèn trầm giọng nói :

— Chúng ta chạy đã một đêm với nửa ngày rồi. Tính nhăm đường đất thì nhíp cầu « SINH TỬ » chỉ còn cách đây ước một trăm dặm nữa thôi ! Vậy cũng nên nghỉ ngơi một lát rồi lại... lên đường !

Phu nhân gật đầu, nói :

— Phải đi ! Cần coi lại vết thương của Quyên nhi đã ! Đáng thương lữ sơn thơ, lêo đèo theo chúng ta chịu khổ đã tám năm rồi, chẳng được ngày nào yên ổn...

Tả Giám Bạch càng thương tâm, nảo nuốt, than rằng :

— Đường đường tấm thân bảy thước mà không bảo vệ nổi vợ con thực là xấu hổ đau lòng, nảo ruột !

Phu nhân ngậm ngùi, nói qua giọng gằn như muốn dứt ruột.

— Phu quân chẳng nên tự trách ! nghĩ kỹ lại mọi việc đều do nơi tiện thiếp gây ra !

Tả Giám bạch cắt đầu ngó ra phía trước, thở phào một cái rồi nói :

— Nơi kia hình như là một tòa miếu nhỏ. Chúng ta tạm đến đó nghỉ chân.

Dứt lời, sẽ thúc ngựa vọt chạy lên trước.

Đoàn ngựa lại cố sức tiến về phía tây bắc.

Trời càng u ám, mưa đột nhiên càng xuống gấp, làn núi mờ đi như khói tự hồ tan biến vào trong màn mây.

Đoạn đường này tuy chỉ là một quãng ngắn chừng gần gài thôi, nhưng mấy con ngựa to lớn hầu như đã kiệt sức rồi, phải một lúc lâu bằng ta nấu chín nồi cơm mới tới được trước tòa miếu.

Đây là một cái miếu thờ thần trong khoảng núi non vắng vẻ. Tòa miếu chỉ là một gian nhà thôi, nhưng tường vách mới quét vôi, mái và cửa ngõ còn nguyên vẹn, tựa hồ như mới được sửa sang lại chưa bao lâu.

Tả Giám Bạch nhảy xuống trước, đưa tay ra đỡ phu nhân. Phu nhân tự nhảy phắt xuống và sẽ nói :

— Khỏi phải lo cho tiện thiếp mà ! Hãy sẵn sóc cho Quyên nhi đã !

Kỳ thực là trong khi thoáng nghe phu nhân nói vậy, thì thiếu nữ đã lập tức nhảy xuống ngựa, chạy tới bên ngựa chàng đồng tử, cất tiếng sẽ nói :

— Đệ đệ ! xuống ngựa nghỉ ngơi đi.

Chàng đồng tử lúc đó đang ngừng mặt lên nhìn phía trời xa, tựa hồ như cương nghị ngợi điều gì. Tám năm chạy hết chỗ này đến chỗ nọ, đã đào luyện cho chàng đồng tử mười bốn tuổi này trở nên một kẻ trầm lặng mất hẳn cái vẻ nhí nhảnh vui cười một cách thiên chân đi rồi.

Thiếu nữ sẽ đưa tay mặt ra, cầm lấy tay em trai nhỏ nhẹ, hỏi :

— Thiếu Bạch à. Em đang suy nghĩ gì vậy ?

Tả Thiếu Bạch chợt nghe gọi, lập tức nhảy xuống ngựa mỉm cười nói :

— Em có nghĩ ngợi gì đâu Thư thư ạ ! lại phải nghĩ ngợi nữa ư ?

Thiếu nữ cười một cách miễn cưỡng mà rằng :

— Chúng ta đã chạy suốt một đêm với nửa ngày rồi. Ái chà ! đến ngựa cũng không sức nào chạy được nữa rồi !

Nàng giơ tay lên xoa đầu em, hai hàng nước mắt trào ra, nghĩ tới ngày nào bỏ nhà ra đi, em mình mới là một cậu bé thơ ngây, mà nay em đã cao hơn mình rồi !

Tả Thiếu Bạch nhìn chị rồi nói :

— Em cao hơn chị rồi đó ! Em còn cao nữa !

Thiếu nữ cười sẽ gật đầu :

— Phải rồi ! Cao và lớn ! Gần bằng đại ca rồi !

Tám năm sinh hoạt trong vòng đào vong, cha mẹ, anh em một nhà cùng chung hoạn nạn. Cha mẹ từ ái, anh thương em kính. Bất luận đau khổ tới bậc nào, ba anh em đều giấu kín trong lòng không muốn để cha mẹ phải đau buồn trông thấy những nét lo âu buồn thảm trên mặt mình.

Lúc ấy người anh lớn, thanh niên cỡ hai mươi hai tuổi, chạy lại đưa tay đón lấy cương ngựa của hai em, rồi cười mà rằng :

— Hai em theo ba má vào trong miếu nghỉ cho lại sức đi ! Còn phải đi nữa kia mà !

Thiếu nữ nhỏ nhẹ hỏi :

— Rút lại thì đại ca bao giờ cũng cực nhọc hơn cả !

Chàng thanh niên, khắp người toàn là bùn với đất chỉ mỉm cười lặng lẽ cầm một nắm giấy cương, dắt cả năm con ngựa đi quanh ra phía bên tới miếng đất đầy cỏ mọc.

Năm con ngựa vừa mệt, vừa đói là thấy cỏ liền cúi đầu xuống ăn lấy ăn để.

Ông già Tả Giám Bạch, vừa dũ nước mưa với bùn trên áo vừa nói :

— Kể Bạch à ! Thả ngựa ra cho nó tự do ăn. Con cũng vào trong miếu nghỉ ngơi lấy sức mới được !

Tả Kế Bạch nói :

— Ba hãy coi lại vết thương của má và em Văn Quyên. Không phải lo gì đến con. Con sẽ vào sau !

Tả Giám Bạch sẽ vụt chồm râu dài trước ngực, lặng lẽ cùng mọi người tiến vào trong miếu.

Tám năm liền ngày cũng như đêm, mỗi lần sau một cuộc đường trường. Tả Kế Bạch đều đề ý trông coi săn sóc cho năm con ngựa được ăn no, có chỗ nghỉ ngơi, sau đó chàng mới kiếm chỗ cho mình nghỉ.

Lúc đó, bốn người đã ngồi quay quần ở trong gian miếu. Tả

Giám Bạch mở bay bằng vải dầu, lấy lương khô ra rồi nói :

— Các con hãy ăn cho no đi ! Đây là một đoạn hành trình cuối cùng của chúng ta, Sau đó, có thể là không còn ai đuổi theo chúng ta nữa !

Nói xong, đặt các món lương khô xuống, lại lấy ra một chiếc bình bằng đồ trắng, mở nắp bình giờ lên, nhìn phu nhân rồi cười một cách đau khổ mà rằng :

— Và đây là bình thuốc cuối cùng... còn lại...! (vừa nói vừa mắt nhìn Quyên nhi và gọi) Quyên nhi ! Ngồi lại đây để ba coi vết thương trên tay con ra sao ?

Tả Văn Quyên nói :

— Vết thương của con không nặng đâu ! Ba ba trước hãy coi xem nơi cổ má con đã !

Tả phu nhân phì cười sẽ nói :

— Má con đã già rồi ! Dù chẳng thuốc nữa, bất quá nó thành vết sẹo là cùng. Có hề gì ! Con còn ít tuổi, nếu như hông cả một bên cánh tay, thành tàn phế, thì là một điều ăn hận suốt đời !

Tả Giám Bạch nói :

— Bình thuốc đây đủ dùng cho cả hai mẹ con ! Để ta coi cho mẹ con trước.

Nói rồi sẽ giờ mạnh bằng vải nơi cổ phu nhân ra. Vết dao chém sâu đến một đốt ngón tay vòng quanh hân nửa bên cổ, máu vẫn rỉ ra. Tả Giám Bạch không khỏi rung mình, nói :

Vết thương chém lướt, dài mà sâu như thế này, vậy mà không phạm tới gân, xương. Kề ra còn may mắn !

Sau khi rắc thuốc bột trắng lên, vết thương cầm ngay máu lại. Tả Giám Bạch dùng băng vải mới quấn lại cẩn thận rồi, quay lại.

— Văn Quyên ! Con lại đây.

Văn Quyên gỡ băng quấn nơi cánh tay ra, ngồi lại gần. Vết thương sau vài ngày, chưa được rắc thuốc, lại nhân nước mưa với bùn ngấm vào nên đã loét và bắt đầu rỉ nước vàng ra.

Tả Giám Bạch coi kỹ rồi, cau mày chép miệng :

— Quyên nhi à ! Thế này mà cứ giấu giếm. Chạm hai bữa nữa, toàn bộ vết thương thối ra, hồng đến gân, xương thì tay trái này chỉ còn một cách là cưa, chặt đi thôi.

Còn lại phần thuốc trong bình, Giám Bạch đem rắc cả lên vết thương : Bằng quần xong xuôi, Giám Bạch vứt chiếc bình không đi, và nói :

— Mong rằng còn một đoạn hành trình nữa, không bị ai đuổi theo... là yên ... !

Tả Thiếu Bạch từ nãy ngồi ngay ra, đột nhiên lên tiếng hỏi :

— Ba ba ơi ! Con có một việc nghĩ mãi không ra. Không biết có được phép hỏi Ba chẳng ?

Thấy sắc mặt con có vẻ như phần nộ. Tả Giám Bạch đưa tay vuốt má con, thở dài và nói :

— Con cứ hỏi ! Ái chà ! Các con dù không hỏi, thì có gì ta cũng cần nói cho các con rõ !

Thiếu Bạch nói :

— Con nhớ lại bữa đó, cả nhà ta bỏ chạy..

Tả phu nhân rơm rớm nước mắt, nói :

— Con ạ ! Hồi đó con mới được bảy tuổi !

— Vậy năm nay con bao nhiêu rồi ? (Thiếu Bạch hỏi).

— Mười lăm tuổi (Tả phu nhân nói)

Tả Thiếu Bạch nói :

— Năm ấy con lên bảy, nay đã mười lăm. Thế là đã tám năm trường, vượt núi qua ngòi, trời nam, biển bắc, băng tuyết ngoài cửa quan, gió cát vùng sa mạc, đều không được một nơi để cả nhà an thân, tới đâu cũng có kẻ thù theo dõi, đánh ghế. Ba Ba ạ ! Vậy thì ba ba đã làm lỗi điều gì, đến nỗi tất cả nhân vật võ lâm đều coi nhà ta là kẻ thù... chống đối với ta... ? (tới đây, bao nhiêu nghi vấn, phần hận tích chứa trong lòng từ lâu, được dịp phát tiết ra, tâm tình khích động quá mạnh, chàng rất lớn tiếng lên, hỏi tiếp : Mỗi lần là một bọn người khác, một môn phái khác, chặn đánh chúng ta. Con nhận ra điều này ! Nhưng chẳng lẽ mỗi bọn khác nhau, mỗi

môn phái khác nhau ấy đều có mối thù không đội trời chung với Ba Ba hay sao ! Lẽ nào hết thấy những người ấy đều là những kẻ hung ác, hư hoại cả sao ?

Tả phu nhân quát lên mắng :

— Câm miệng lại ! Nói với Ba Ba không được ngông cuồng gắt gao như thế !

Nghe mẹ quát, chàng giật mình, biết là mình hỏi với giọng phần khích thành ra vô lễ. Chàng xúc động tâm tình, òa lên khóc, vội rập mình xuống xin lỗi :

— Con quá xúc động thành ra bất kính. Xin Ba Má thứ lỗi cho con !

Tả Giám Bạch đưa mắt cho phu nhân, đoạn chép miệng mà rằng :

— Chẳng nên trách mắng nó là gì : Chà ! Tả Mồ là kẻ vô tài làm liên lụy cả vợ con... (nói tới đây giờ tay sờ vuốt tóc Thiếu Bạch, cắt giọng bi khổ, mà rằng). Thiếu Bạch ! con không iằm lòi chi cả ! Chỉ Vì Ba Ba không có cách nào thanh minh giải thích sự hiểu lầm, oan uổng, khiến nên các con cũng mắc tiếng oan không trong sạch . . .

Thiếu Bạch từ từ ngẩng đầu lên, ngồi dậy, hỏi :

— Ba Ba bị mối oan như thế nào ? Có thể cho con biết không.

Tả Kế Bạch gật đầu một cách đau khổ mà rằng :

— Cổ nhiên là phải nói cho các con rõ. Vì giờ đây có thể là một cơ hội cuối cùng, dù các con không hỏi Ba cũng nhận dịp nói cho các con biết.

Tả Văn Quyên chớp chớp đôi mắt tròn lớn rồi nói :

— Ba Ba ! Chẳng nên nản chí ! Chúng ta đã chạy tám năm rồi, chưa bị kẻ thù bắt được. Tại sao lại không có thể trốn lánh hơn nữa ? Võ công của Đại Ca mỗi ngày mỗi cao cường hơn, kiếm thuật của con cũng nhờ vậy mà tinh tiến rất nhiều rồi ! Chừng nào tay con khỏi đau sẽ thử sức đánh một trận sinh tử với bọn người cứ lai nhai đuôi theo hoài. Chao ôi ! Chính con cũng không hiểu tại

sao mà Ba cứ có ý thù rằng để cho họ đánh mình bị thương chứ không chịu ra những đòn quyết liệt, hạ độc thủ, giết phăng họ đi ?

Trên vẻ mặt đầy đau khổ của Tả Giám Bạch bỗng nở ra một nụ cười như an ủi, như đặc ý, gật đầu rồi nói:-

— Chỉ vì đã có sự hiểu lầm một lần rồi, vậy không nên lại một lần hiểu lầm nữa. Tuổi ba đã ngoài năm chục rồi, sống hay chết chẳng đáng tiếc nữa ! Nhưng quyết không chịu gây nuôi thêm mối cừ thù cho các con về sau !

Tả Văn Quyên rơm rớm nước mắt nói :

— Ba Ba, tuy là có lòng từ bi, khốn nỗi kẻ thù cứ theo đuổi mãi, không thể cho có một lối nào có thể sống được ! Tám năm qua Ba Ba trải qua hàng mấy trăm trận bị vây đánh, hoặc bị đánh lén, nhiều lần bị thương nặng, còn thương tích nhẹ thì vô kể. Rút lui nhường nhịn đến thế mà vẫn không cản nổi bọn họ. Họ vẫn truy sát như hình theo bóng. Hào khí hùng tâm của Ba Ba, có lẽ đã tiêu tan hết cả rồi !

Tả Giám Bạch lắc đầu, nói :

— Không phải hào khí với hùng tâm của ba đã tiêu tan rồi đâu ! Chẳng qua là tình thế bất buộc, không còn là vấn đề cha con ta đồng tâm hiệp lực là có thể vượt qua khó khăn hiểm trở được nữa ! Úi chao ! Chín môn phái lớn, liên danh truyền thiếp đi các nơi, chiêu cáo với làng võ lâm, hứa rằng hễ ai bắt sống được Ba là được trọng thưởng bằng cách tự ý lựa chọn học ba môn tuyệt học của chín môn phái lớn. Ai lấy được thủ cấp Ba cũng được lựa chọn lấy một môn tuyệt học của mỗi môn phái, Đây là phần đầu tiên trong lịch sử làng võ mới đặt ra lối trọng thưởng giá đáng «thành liễn» như thế. Sở dĩ phần thưởng này vô cùng trọng quý, là vì vô luận kẻ

nào, hề đã học của mỗi môn phái, tính ra là ba lần chín tổng số «hai mươi bảy môn tuyệt học». đủ để ngao nghè giang hồ, đứng hàng đầu hàng võ lâm hiện đại rồi !

Tả Văn Quyên, bĩu môi nói :

— Như vậy là con hiểu rồi ! Bọn họ phần nhiều thực ra chẳng có liên quan cừu hận gì hết, nhưng cũng cứ cố theo đuổi chúng ta chẳng qua là vì hy vọng được học những tuyệt học của chín môn phái. Có thể thôi !

Tả Giám Bạch gật đầu :

— Chính thế ! Vì vậy mà các nhân vật võ lâm thiên hạ. Phần lớn đã biến thành những tay đại đối đầu với ta. Thanh thế ấy càng lúc càng lớn lao ! Há rằng cha con ta có thể kháng đối chống cự lại được sao ?

Nói tới đây Tả Giám Bạch thở dài thườn thượt, vẻ mặt trở nên nghiêm trọng rồi nói tiếp :

— Vì kẻ tranh thế họ quá lớn, cho nên chúng ta chỉ còn một cách là chạy trốn dài ! Trước kia ta nghĩ rằng thiên hạ lớn, rộng, làm gì mà chẳng có một chỗ cho chúng ta chung thân, yên sống ? Nhưng tám năm trải qua, đủ thấy là ước mong ấy không được. Nay chỉ còn có một cách là « cầu lấy sống ở ngay trong chỗ chết », vậy nên đánh liều thí nghiệm theo con đường ấy một lần chút !

Tả Văn Quyên vừa toan hỏi thế nào là « cầu lấy sống ở trong chỗ chết » thì Tả Thiếu Bạch đã cắt tiếng hỏi trước :

— Ba Ba ơi ! Vậy rút lại nhân vì câu chuyện gì, đến nỗi chín môn phái lớn đã liên danh gửi thiệp, quyết chẳng dung ta.

(còn nữa)